

**BỘ PHÁP BẢO: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG BÊN THẦY CHÚNG
CON HỌC ĐẠO – ĐƯỢC TRÍCH LỤC TỪ KINH SÁCH TU VIỆN
CHON NHU – DIỄN ĐÀN TRÊN MẠNG – ĐẠC SAN & TÂM KÝ**



NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG

BÊN THẦY CHÚNG CON HỌC ĐẠO

(TẬP BỐN)



(Thầy Viện Chủ cùng Tu Sinh đang khát thực ngộ trai ở T. V Chon Nhu)

***Thành kính tri ân
Đức Trưởng Lão Thích Thông Lạc
– Người đã cho Phật Tử chúng con
cái nhìn Chánh Kiến.***

***Lưu Ý : Kinh Sách Pháp Bảo Nền Ấn Tông Truyền Bá Lưu
Hành, Để Xây Dựng Đạo Đức Nhân Bản Giải Khổ Quần
Sanh – Nếu Thủ Giữ Hoặc Làm Rách Hư Là Tự Đoạn Mất
Hạt Giống Đạo Đức Giải Thoát Trong Những Kiếp Vị Lai!.***

NỘI DUNG TRÍCH LỤC TẬP BỐN Trang

Mục đích chánh niệm tỉnh giác là gì? 5

Lòng tin phải có căn cứ 8

Người tu sĩ cần phải ghi nhớ 15

<i>Có 6 oai nghi người tu sĩ cần phải giữ gìn và tu tập</i>	21
<i>Thích hội họp</i>	29
<i>Xả lợi</i>	34
<i>Thắng trí đoạn trừ sắc thân tứ đại</i>	40
<i>Thắng trí đoạn trừ 3 cảm thọ đi vào cứu cánh</i>	42
<i>Đạo và đời</i>	45
<i>Lúc nào hơi thở tịnh chỉ</i>	52
<i>Trạng thái hơi thở trong 4 thiền</i>	56
<i>Năng khiếu</i>	58
<i>Trong khi tu tập thiền đình lưu ý những lời dạy này</i>	63
<i>Giới cụ túc</i>	65
<i>Không thể cứu độ</i>	67
<i>Triết học chủ nghĩa duy vật biện chứng</i>	68
<i>Luật nhân quả</i>	69
<i>Ngẫu nhiên</i>	71
<i>Sách đạo đức</i>	73
<i>Phá hôn trầm thùỳ miên</i>	75
<i>Tự xét mình biết mình có chứng quả Alahán hay chưa?</i>	77
<i>Bấy giác chi</i>	82
<i>Búa trong miệng</i>	84
<i>Phóng sanh</i>	86
<i>Khi tu xong còn tham sân si nữa không?</i>	90
<i>Làm việc biết làm việc có xả tâm không?</i>	95
<i>Trí ngu</i>	96
<i>Cứu độ cha mẹ khi đã khuất bóng</i>	99
<i>Bảy diệu pháp</i>	101
<i>Bậctu chứng khi nhập diệt có dùng tha lực độ sanh không?</i>	112
<i>Hạnh đức và trí đức</i>	114
<i>Thế giới siêu hình không có chỉ có thế giới tưởng</i>	119
<i>Bồ tát Quan Thế Âm</i>	123
<i>Độ người</i>	125
<i>Về kết quả bản thân</i>	127
<i>Phương pháp tu tập cho người già</i>	130

Con người từ đâu sanh 131
Sống tử nhật buồn chán đơn điệu lãng phí thời gian 134
Góp phần vào việc xây dựng và giữ gìn chánh pháp 136
Bất kỳ tôn giáo nào đều có lý luận đây là trực đạo chánh đạo 137
Vô minh 138
Như lý tác ý 141
Phước hữu lậu 142
Trí hữu hạn và vô hạn 145
Kiến giải 147
Chánh pháp tà pháp 150
Sinh hoạt Phật Giáo 152
Tha thứ 153
Lòng yêu thương 155
Cận tử nghiệp 156
Linh hồn 157
Phụ lục bài xin xuất gia của một Phật Tử 177

(HẾT TẬP BỐN – XIN ĐỌC TIẾP TẬP NĂM)



(*Tượng Phật thọ trai an trí ở Chơn Như & Trường Lão thọ trai ở Trúc Lâm*)

MỤC ĐÍCH CHÁNH NIỆM, TỈNH GIÁC LÀ GÌ ?

Hỏi: Kính bạch Thầy, tu tập Chánh Niệm Tỉnh Giác theo hành động làm việc liên tục từ sáng đến chiều chỉ biết hành

động “làm việc tôi biết tôi đang làm việc” không có nghĩ ngợi gì khác hơn, tức là không có tạp niệm xen vào, như vậy có đúng không thưa Thầy ?

Đáp: Tu tập Chánh Niệm Tỉnh Giác như vậy là một sức tỉnh thức kinh hồn, đủ để xả tâm và nhập các định khác một cách dễ dàng.

Chánh Niệm Tỉnh Giác Định tức là tu tập trong Thân Hành Niệm. Nhờ có tu tập Thân Hành Niệm ta mới có tỉnh giác chánh niệm, có tỉnh giác mới ở trong chánh niệm, có chánh niệm thì tâm mới không làm khổ mình khổ người, mới có lợi lớn, an ổn lớn khỏi các khổ ách, đưa đến chứng đắc tri kiến, đưa đến hiện tại lạc trú, đưa đến chứng ngộ quả minh và giải thoát.

Mục đích chánh niệm tỉnh giác là gồm tất cả các thiện pháp và trí tuệ Tam Minh. Phật dạy: *“Này các Thầy Tỳ Kheo, ai tu tập làm cho sung mãn Thân Hành Niệm, cũng bao gồm tất cả thiện pháp gồm những pháp thuộc về Minh phần.”* (Tăng Chi Bộ Kinh Tập 1, trang 88).

Chúng tôi xin xác định cho quý vị được rõ, vì ở trên chỉ nói lướt qua “Chánh niệm Tỉnh Giác và Thân Hành Niệm” còn ở đây là hai danh từ để chỉ cho một hành động tu tập Thân Hành Niệm. Tu tập Thân Hành Niệm là chỉ cho sự tỉnh giác trong hành động của thân phải biết hành động đó rõ ràng cụ thể không được bỏ sót một hành động nào của thân, còn Chánh Niệm Tỉnh Giác thì cũng nghĩa như vậy nhưng nó có từ Chánh Niệm để chỉ rõ hơn, chúng ta thử đặt lại vấn đề, tỉnh giác để làm gì? Để Chánh Niệm, còn Thân Hành Niệm tức là tỉnh giác, vậy tỉnh giác để làm gì? Tỉnh giác để xả tâm tức là khắc phục tham ưu như trong Tứ Niệm Xứ Đức Phật đã dạy: “Trên thân quán thân tu về hành tướng nội ngoại để khắc phục tham ưu”, Hành tướng nội ngoại của thân không phải là Thân Hành Niệm sao? Còn khắc

phục tham ưu không phải là Chánh Niệm sao? Cho nên Thân Hành Niệm tức là Chánh Niệm Tỉnh Giác.

Ở đây Đức Phật đã xác định Chánh Niệm Tỉnh Giác có nhiều kết quả rất lớn cho sự tu tập để đi đến giải thoát: “Có một pháp, này các Thầy Tỳ Kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, thân được khinh an, tâm được khinh an, tầm tứ được tịnh chỉ, toàn bộ các pháp thuộc về mình phần đi đến tu tập, làm cho viên mãn. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân Hành Niệm” (Tăng Chi Bộ Kinh Tập 1, trang 89).

Như trong đoạn Kinh này, mục đích chánh Niệm Tỉnh Giác giúp chúng ta tịnh chỉ tầm tứ, tức là nhập Nhị Thiên.

Chánh Niệm Tỉnh Giác còn đưa chúng ta đến chứng bốn quả Thánh: Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán: “Có một pháp, này các Thầy Tỳ Kheo, được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng ngộ quả Dự Lưu, đưa đến sự chứng ngộ quả Nhất Lai, đưa đến sự chứng ngộ quả Bất Lai, đưa đến sự chứng ngộ quả A La Hán. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân Hành Niệm” (Tăng Chi Bộ Kinh Tập1, trang 90).

Chánh Niệm Tỉnh Giác còn đưa chúng ta đạt đến những trí tuệ vô hạn và siêu việt: “Có một pháp, này các Thầy Tỳ Kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng đắc trí tuệ, đưa đến sự tăng trưởng trí tuệ, đưa đến trí tuệ rộng rãi, đưa đến quảng đại trí tuệ, đưa đến thâm sâu trí tuệ, đưa đến vô song trí tuệ, đưa đến vô hạn trí tuệ, đưa đến nhiều trí tuệ, đưa đến trí tuệ nhanh lẹ, đưa đến trí tuệ nhẹ nhàng, đưa đến trí tuệ hoan hỷ, đưa đến trí tuệ tốc hành, đưa đến trí tuệ sắc sảo, đưa đến trí tuệ thể nhập. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân Hành Niệm”. (Tăng Chi Bộ Kinh Tập1, trang 91).

Khi con tu tập tỉnh giác trong hành động suốt ngày đêm như vậy, là con sẽ chứng quả A La Hán, tức là làm chủ sanh, già, bệnh, chết hoàn toàn. Vì sức tỉnh thức khiến tâm con thanh tịnh, không còn một pháp nào làm động tâm con được. Và nội lực thanh tịnh của tâm con tức là lực ly dục ly ác pháp sẽ giúp con thành tựu Thiên định và Tam Minh một cách dễ dàng không mấy khó khăn. Lúc bấy giờ, con chỉ cần hướng tâm là có hiệu quả ngay, con muốn gì được nấy, vì tâm con hiện giờ thuần thực, nhu nhuyễn dễ, sử dụng.

Sức tỉnh giác như con đã nói ở trên, là mục đích của Đạo Phật con đã hoàn tất được mục đích đó khi sức tỉnh thức của con được như vậy.

Trên đây, con đã hỏi về pháp Chánh Niệm Tỉnh Giác và con được giảng dạy như vậy con có hiểu chưa? Con có biết, những câu hỏi, mà con hỏi, có một giá trị vô giá không?. Vô giá là ở chỗ học được pháp vô giá của Đạo Phật, thế mà mọi người đọc tới đây, có người vẫn xem thường pháp vô giá. Ôi, thật đáng thương! Nếu từ ngày Thầy giảng trạch pháp này, mà mọi người biết nó là vô giá thì bây giờ biết bao nhiêu người đã chứng quả vô lậu A La Hán. Con có nhớ không, bài giảng này, khởi sự giảng dạy các con vào năm 1979 đến nay là 2004 tức là 25 năm. Phải không con? Bây giờ, nhuận lại đoạn kinh này, nhìn lại sự tu hành của các con, thì Thầy rất đau lòng vì pháp bảo cứu người biển khổ mà mọi người không đủ phước để thọ hưởng, vì thế pháp bảo 25 năm nay, trở thành một vật vô dụng. Ôi, thật là phí uổng. Vật vô giá, mà trao cho người không có mắt, thì cũng như trao đất cát đồ vô dụng cho họ.

LÒNG TIN PHẢI CÓ CĂN CỨ

LỜI PHÁT DẠY

“Thưa tôn giả Gotama, câu chủ thuật của các Tổ Bà La Môn, y cứ tiếng đồn, truyền thống và Thánh tạng Bà La Môn. Và ở đây các vị Bà La Môn chắc chắn đi đến kết luận: “Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều sai lầm”. Ở đây Gotama nói gì?”

“Nhưng này Bharadvaja, có một vị tôn sư nào giữa các Bà La Môn đã nói như sau: “Tôi biết việc này, tôi thấy việc này: “Chỉ đây là sự thật ngoài ra đều là sai lầm”?”

“Thưa không, Tôn Giả Gotama!”

“Nhưng này Baharadvaja, có một tôn sư nào của các vị Bà La Môn, cho đến vị tôn sư của các vị tôn sư trở lui cho đến 7 đời. Các vị đại tôn sư đã nói như sau: “Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm”?”

“Thưa không, Tôn Giả Gotama!”

“Nhưng này Bharadvaja thuở xưa những vị ẩn sĩ giữa các Bà La Môn, những tác giả các chủ thuật, những nhà tụng tụng của chủ thuật, đã hát đã nói lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm như là Atthaka, Vamaka, Vamadeva, Vasrtha, Vessamitta, Yamataggi, Angirase, Bharadvaja, Kassapa, Bhagu, những vị ấy đã nói như sau: “Chỉ đây là sự thật ngoài ra đều là sai lầm”?”

“Thưa không, Tôn Giả Gotama!”

“Này Bharadvaja. Ta nghĩ rằng lời nói của các Bà La Môn, cũng giống như một chuỗi người mù, người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cũng không thấy. Này Bharadvaja, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, có phải lòng tin của các vị Bà La Môn trở thành không căn cứ”?
(Kinh Trung Bộ tập II trang 724 Kinh Canki)

CHÚ GIẢI:

Một thanh niên Bà La Môn tên là Kapathika hỏi đức Phật. một lòng tin vào Thánh tạng kinh điển chủ thuật truyền

thống từ xa xưa của Bà La Môn: *“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm”*. Và Tôn giả Gotama nói gì về vấn đề này?

Khi được hỏi câu này đức Phật trả lời bằng một câu hỏi khác ngay với những vị Bà La Môn hiện có mặt tại cuộc họp này.

Các vị có ai dám xác định rằng: *“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này, chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm”*.

Tất cả các vị Bà La Môn đều im lặng không ai dám trả lời, chỉ có Ba La Môn Bharadvaja là người có uy tín nhất trong các vị Bà La Môn nên đại diện trả lời.

- *“Thưa không, Tôn giả Gotama!”*

Ở đây các bạn nên hiểu câu hỏi của đức Phật rất quả quyết và mạnh mẽ về Thánh tạng Vệ Đà kinh của Bà La Môn đúng hoặc sai. Vì thế câu hỏi này có hai câu trả lời:

- Xác định

- Phủ định

Ở đây các bà La Môn không dám xác định mà trả lời phủ định vì trả lời phủ định là thành thật.

Nếu trả lời xác định. *“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này”* thì đức Phật sẽ hỏi: *“Biết việc này như thế nào?”*

Về vấn đề kinh tạng Vệ Đà đức Phật đã thấu suốt kinh tạng chú thuật này chỉ là thuyết ngôn ngữ suông, chưa có một vị nào chứng đắc chân lý ấy, nên làm sao biết đâu trả lời cho chính xác. Nếu trả lời biết thấy mà không chính xác rõ ràng thì đức Phật bác bỏ. Mục đích của kinh Vệ Đà là những lý luận mơ hồ, ảo tưởng không thực tế. Không cụ thể, nên làm sao lại dám bảo rằng: *“Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm”*? Cho nên câu hỏi của đức Phật đơn giản nhưng trả lời rất khó khăn.

Ở đoạn kinh này chỉ có những người tu chứng đạo mới dám trả lời: *“Tôi biết việc này tôi thấy việc này, chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm”*? Còn những người tu chưa chứng chân lí thì không bao giờ dám nói lời này.

Câu hỏi của đức Phật: *“Có tôn sư vị Bà La Môn nào, dù cho đến 7 đời tôn sư và những vị Bà La Môn Tổ sư sáng tạo ra kinh sách Vệ Đà và chú thuật đã chứng được chân lí đó chưa?”*

Do thấu suốt toàn bộ Thánh kinh Vệ Đà là một loại kinh tưởng không thực tế. Mục đích mơ hồ, ảo tưởng. Một chân lí không rõ ràng như vậy thì làm gì có người tu chứng chân lí ấy? Do đó đức Phật mới có câu hỏi: Tôn sư bảy đời và những tôn sư sáng tạo ra kinh sách này có dám nói rằng: *“Tôi biết việc này tôi thấy việc này (tức là chứng đạo), chỉ đây là sự thật ngoài ra đều sai lầm?”*

Người hỏi câu này là người đã chứng chân lí mới dám hỏi. Nếu chưa chứng chân lí thì không dám hỏi câu này. Tại sao vậy? Vì có chứng chân lí mới biết chân lí. Biết chân lí mới dám hỏi người khác.

Nghiệm xét qua đoạn kinh trên các bạn nhận xét về Thầy Thông Lạc. Tại sao Thầy Thông Lạc dám nói kinh sách Đại Thừa và Thiên Đông Độ sai? Nếu Thầy Thông Lạc tu hành chưa chứng được chân lí giải thoát của đạo Phật thì Thầy có dám nói kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông sai không? Nếu Thầy tu chưa chứng thì chỉ có thuyết giảng như các Thầy Đại Thừa mà thôi.

Vì thế, người tu chứng chân lí mới dám xác nhận pháp nào sai, pháp nào đúng. Ngày xưa đức Phật dám nói thẳng điều này, ngày nay Thầy Thông Lạc cũng vậy, khi tu chứng mới thấy được cái sai cái đúng.

Trên hành tinh này loài người chỉ có bốn chân lí, bốn chân lí ấy phải chân thật, thực tế, cụ thể rõ ràng như chân lí của Phật giáo, *KHỔ, TẬP, DIỆT ĐẠO* mới thật là chân lí, dù mọi người tu chưa chứng đạo nhưng vẫn nhận thấy biết rõ ràng cụ thể, không có mơ hồ, trừu tượng, ảo tưởng.

Bởi vậy kinh sách Đại Thừa sai là vì chân lí của Đại Thừa mơ hồ, ảo tưởng, trừu tượng cũng giống như kinh sách Vệ Đà của Bà La Môn. Lấy câu hỏi của Phật trong kinh Canki thuộc kinh Trung Bộ tập II mà hỏi các vị Hoà Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni tu theo kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông đã có ai chứng được chân lí giải thoát làm chủ 4 sự khổ đau; sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi chưa? Hay chỉ là chứng những chân lí ảo tưởng “*Phật tánh, Bản lai, Cực Lạc Tây Phương*” do chứng những chân lí ảo tưởng nên chẳng biết phương pháp nào chuyển bệnh, làm chủ sự sống chết rõ ràng, cụ thể v.v...

Phần đông đứng trước bệnh tật sống chết các Ngài chỉ khéo lí luận “*Chẳng muội nhân quả*” để che đậy và lừa đảo Phật tử. Càng tu hành thì càng phải trả nghiệp, dồn nghiệp v.v... Chân lí của Phật là chân lí chuyển nghiệp, chứ đâu phải trả nghiệp, dồn nghiệp, nếu trả nghiệp, dồn nghiệp thì còn đâu là chân lí. Phải không các bạn?

Người chứng được chân lí của Phật giáo Nguyên Thủy đều thấy biết cái sai của Đại Thừa rất rõ ràng, nhờ có tu chứng như vậy mới dám nói: “*Tôi biết việc này, tôi thấy việc này chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều sai lầm*”.

Đức Phật đã chứng đạt chân lí giải thoát thật sự. Vì thế mới có bài kinh Canki lưu lại cho đến ngày nay, Ngài chỉ cho mọi người thấy chân lí của loài người chỉ có Tứ Diệu Đế. Tứ Diệu Đế gồm có: Khổ, tập, diệt, đạo, ngoài ra không còn có chân lí nào khác nữa.

Một lần nữa đức Phật đã xác định trong kinh Đại Bát Niết Bàn thuộc kinh Trường Bộ tập I: trang 659: *“Này Subhadda, trong pháp luật nào không có Bát Thánh Đạo thời ở đây không có Sa Môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba và thứ tư”*. Câu nói này có nghĩa là trong giáo pháp nào không có Bát Thánh Đạo thời giáo pháp ấy không có tu chứng giải thoát sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi như đã nói trên, còn giáo pháp nào có Bát Chánh Đạo thì giáo pháp ấy có tu chứng.

Cho nên, những vị Tổ Sư Tăng, Ni biên soạn và viết ra kinh sách Đại Thừa, không có vị Tổ Sư nào dám bảo rằng: Ta chứng được chân lý như đức Phật?. Họ chỉ khéo lý luận bằng câu *“Người nào còn thấy mình tu chứng là chưa chứng”*. Thường các Tổ hay dùng câu: *“Vô sở đắc”*. Đó là lối che đậy lừa đảo tín đồ dễ nhất.

Không có vị Tổ sư nào dám nói: *“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này, chỉ đây là sự thật ngoài ra đều là sai lầm”*.

Đọc hết kinh sách Đại Thừa các bạn không bao giờ thấy có lời dạy như trong kinh sách Nguyên Thủy. Ở đây trong kinh sách Nguyên Thủy các bạn thường thấy đức Phật và các vị đệ tử của Phật khi tu chứng thường tuyên bố: *“Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa”*.

Kính thưa các bạn! Khi các bạn đọc kinh sách Đại Thừa có thấy vị Tổ sư nào dám to tiếng tuyên bố: *“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này, chỉ đây là sự thật ngoài ra đều là sai lầm”* như trong kinh Nguyên Thủy này không?

Trong kinh sách Nguyên Thủy thường nhắc đến các vị chứng đạt chân lý tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ đều tuyên bố như Phật đã tuyên bố: *“Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa”*. Khi đã tuyên bố như vậy là biết

mình đã tu xong. Người đã tu xong mới dám nói câu này: *“Tôi biết việc này, tôi thấy việc này, chỉ đây là sự thật ngoài ra đều là sai lầm”*. Người nói như vậy mới thật sự là đệ tử của Phật. Khi tu chưa chứng thì thấy lỗi mình không thấy lỗi người, nhưng khi đã tu chứng thì không hèn nhát, không sợ hãi, dám nói thẳng nói thật như đức Phật ngày xưa. Đúng là nói đúng, sai là nói sai; không tư vị, không xua nịnh ai cả, cũng chỉ vì một mục đích duy nhất là bảo tồn Chánh pháp của Phật.

Hầu hết đệ tử của đức Phật trong kinh Nguyên Thủy, khi tu chứng đạt chân lý đều nói những lời trên đây. Vị đệ tử cuối cùng của đức Phật, lúc Phật sắp nhập Niết Bàn, khi nghe thuyết giảng xong liền buông xả sạch các pháp thế gian, chứng đạt chân lý, Ông đồng dạy tuyên bố trước mọi người và đức Phật: *“Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời khác nữa”*.

Kính thưa các bạn! Từ khi có kinh sách Đại Thừa cho đến nay, các bạn chưa từng nghe các bậc tôn túc Tổ sư, từ người khởi sự biên soạn kinh sách Đại Thừa cho đến hiện nay các vị tôn túc Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni đều đã học và tu tập giáo pháp kiến giải chưa có vị nào dám tuyên bố. *“Tôi đã tu chứng đạo, làm chủ sanh, già, bệnh, chết, chám dứt luân hồi”*. Chính vì con đường của Đại Thừa không thể tu chứng được, cho nên họ đâu dám nói.

Mục đích giải thoát của Đại Thừa mù mờ, ảo tưởng không rõ ràng, không cụ thể. Vì thế, các Thầy Đại Thừa giống như những người mù, một chuỗi người mù ôm lưng nhau, người trước không thấy, người giữa cũng không thấy và người cuối cũng không thấy. Cho nên đâu dám bảo: *“Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời khác nữa.”* Riêng Phật giáo Nguyên Thủy khi chứng đạt đều nói câu này mà còn dám nói: *“Tôi biết việc*

này, tôi thấy việc này, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là sai lầm”. Không thấy mục đích giải thoát cho nên lòng tin của các Thầy Đại Thừa trở thành không có căn cứ. Nhưng lại muốn che đậy những điều sai lầm này nên các Tổ sư Đại Thừa bảo như trên đã nói: *“Ai thấy mình tu chứng đắc là chưa chứng đắc (vô sở đắc), chứng đắc không thấy mình đắc mới là chứng đắc.* Lời dạy này là một lối lý luận khéo léo gian xảo. Từ đó về sau các Thầy Đại Thừa thường dùng những từ này *“vô sở đắc”.* Khi nghe ai nói chứng đắc. Cho nên người Phật tử khó phân biệt người tu sĩ của Phật giáo tu chứng hay chưa tu chứng, còn xét về giới luật thì các Ngài lý luận: *“Hạnh trực thì đâu cần giữ giới”.* Cho nên *“Tự tại vô ngại đói ăn, khát uống, mệt ngủ”.* Do lý luận này nên mới có Nam Tuyên sát miêu, Lâm Tế chém rấn, Thượng Sĩ Tuệ Trung ăn thịt uống rượu và Tế Điền Hòa Thượng ăn thịt chó uống rượu li bì.

Giáo pháp tu hành phải đặt trọn lòng tin có căn cứ rõ ràng, cụ thể, thực tế, chứ không thể chỉ có lòng tin suông được. Nếu chỉ có lòng tin suông là lòng tin mù quáng. Từ lâu quý Phật tử đã đặt trọn lòng tin vào kinh sách Đại Thừa không căn cứ vững chắc. Kinh Đại Thừa là một loại kinh sách có một mục đích giải thoát mơ hồ, trừu tượng, ảo tưởng, không thực tế, không cụ thể. Cho nên đức Phật dạy: *“Lời nói của các Bà La Môn cũng giống như chuỗi người mù, người trước không thấy, người giữa không thấy, người cuối cùng cũng không thấy. Nay Bharadvaja, Người nghĩ thế nào? Có phải lòng tin của các Bà La Môn trở thành không có căn cứ?”*

Xưa đức Phật chỉ vạch giáo pháp của Bà La Môn sai như vậy. Hiện giờ chúng tôi cũng vậy, vạch trần bộ mặt thật của Đại Thừa, từ bao thế kỷ nay biết bao nhiêu thế hệ trẻ đã bị lừa, chẳng có ai tu hành ra gì. Chỉ toàn là tu danh, tu lợi, tu chùa to, Phật lớn, tu ăn tu ngủ. Thật là đau lòng. Phải không các bạn?

May ra chúng ta còn có những bài kinh Nguyên Thủy để so sánh, xác chứng kinh sách Đại Thừa là kinh sách của ngoại đạo lòng vào giáo pháp của đức Phật để lừa gạt tín đồ Phật giáo, biến tín đồ Phật giáo thành tín đồ ngoại đạo mê tín, lạc hậu, chỉ có tin một cách mù quáng, để làm tay sai cho những người đầu cơ tôn giáo làm giàu trên mồ hôi nước mắt của hàng ngàn tín đồ. Và thiêu hủy biết bao nhiêu tiền của tín đồ do từ lòng tin mê tín của tín đồ cả nước, cả thế giới.

NGƯỜI TU SĨ CẦN PHẢI GHI NHỚ

LỜI PHẬT DẠY

- 1- Thân thường thể hiện hạnh từ bi.
- 2- Miệng thường nói lời nhân từ
- 3- Ý thường tâm niệm thương xót, không thù hận thêm bớt.
- 4- Chỉ nhận sự cúng dường vừa phải.
- 5- Giữ gìn giới của Thánh hiền không tổn khuyết.
- 6- Nhận đạo Thánh hiền quyết dứt hết gốc khổ.

CHÚ GIẢI

Đức Phật dạy “*Thân thường thể hạnh từ bi*”. Lời dạy này đức Phật thường nhắc nhở chúng ta mỗi hành động nơi thân đều thể hiện lòng yêu thương sự sống của muôn loài. Vì thế, người đệ tử của Phật dù tu sĩ hay cư sĩ đều phải sống giữ gìn từ mỗi hành động của thân mình, làm bất cứ một việc gì đều phải cẩn thận, ý tứ, tỉnh thức để tránh những hành động vô tình hay hữu ý làm tổn thương đau khổ tất cả những loài vật đang sống quanh chúng ta. Vạn vật và chúng ta đang sống trên hành tinh này đều sinh ra từ một môi trường sống, cùng lớn lên trong môi trường ấy, nên chúng ta phải yêu thương nhau như anh em trong một nhà cùng cha cùng mẹ. Muốn có được lòng yêu thương ấy đối với tất cả mọi người mọi loài

trên hành tinh này thì chúng ta thường tác ý nhắc tâm: *“Thân thường thể hiện hạnh từ bi, thân không được làm điều ác, luôn luôn phải thực hiện điều thiện, phải chánh niệm tỉnh giác trong từng hành động, tránh làm đau khổ mình, đau khổ người và đau khổ cho các loài vật khác”*. Khi nhắc tâm như vậy chúng ta thấm nhuần hạnh từ bi và tâm rất tỉnh thức. Nhờ đó cuộc sống của chúng ta lúc nào cũng thanh thản, an lạc và vô sự.

Nếu chúng ta quyết tâm thân tâm thường thể hiện hạnh từ bi thì phải suy tư cho cặn kẽ về sự sống của muôn loài thì chúng ta hiểu rằng: *“Tất cả những loài vật đang sống trên hành tinh này đều là anh em, chị em cùng cha cùng mẹ chung trong một nhà nhân quả”* như đã nói ở trên, chứ đâu phải vạn vật trên hành tinh này là xa lạ. Nhưng khi sinh ra, tùy theo duyên hợp mà có sự sai khác hình hài, tính tình. Do đó, chúng ta lầm chấp phân chia ra nhiều loài khác nhau, rồi lại ăn thịt lẫn nhau, *“con vật lớn giết con vật nhỏ, người mạnh ăn hiếp người yếu”*. Vì thế, đức Phật thường nhắc chúng ta: *“Thân thường thể hiện hạnh từ bi”*. Thân thường thể hiện hạnh từ bi tức là thân thường hành động không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh, nhất là không bao giờ ăn thịt lẫn nhau thì mới gọi là thân thường thể hiện hạnh từ bi.

Theo đúng như lời Phật đã dạy: *“Thân thường thể hiện hạnh từ bi”* tức là mỗi hành động phải thực hiện lòng thương yêu sự sống của muôn loài trên hành tinh này thì cuộc đời này sẽ hạnh phúc biết bao! Thế gian này là Thiên Đàng, Cực Lạc. Có đúng như vậy không quý vị?

Đức Phật dạy: *“Miệng thường nói lời nhân từ”*. Vậy nói lời nhân từ như thế nào?

Muốn hiểu rõ câu này thì nên hiểu hai chữ NHÂN TỪ. Vậy nhân từ là gì?

Nhân là con người; từ là lòng yêu thương. Cho nên: “*Miệng thường nói lời nhân từ*”, tức là nói lời yêu thương đến với mọi người và mọi loài chúng sanh. Lời nói yêu thương là lời ái ngữ. Lời nói ái ngữ là lời nói ôn tồn, nhã nhặn, êm dịu, thanh lịch, lịch sự có văn hoá nhẹ nhàng an ủi mọi người, mọi loài vật khi gặp tai nạn, bệnh tật khổ đau hoặc những điều làm cho khiếp đảm, sợ hãi.

Sống trong cuộc đời này người người đối sử với nhau đều dùng lời nói nhân từ thì hạnh phúc biết bao; thì làm sao có thù hận, có tị hiềm, ganh ghét...

Lời nói dối là lời nói không thật. Nói không đúng sự thật là nói không nhân từ, lời nói không có ái ngữ, lời nói làm mất lòng tin của mọi người.

Lời nói li gián là lời nói khiến cho mọi người sống không hòa hợp, không đoàn kết, khiến cho mọi người thù hận ganh ghét nhau. Đó là lời nói không nhân từ, lời nói hung ác, lời nói gây chia rẽ, gây đau khổ cho người khác.

Lời nói thêu dệt là lời nói trau chuốt nhằm để lừa đảo người khác. Lời nói như vậy là lời nói không nhân từ, lời nói không ái ngữ, lời nói mà mọi người đều chê trách, lời nói ác khẩu, lời nói hung ác mà người có đạo đức không bao giờ chấp nhận.

Lời nói hung dữ là lời nói chửi mắng, mạ lỵ, mạ sát, hăm dọa, dọa nạt người, làm cho người khác khiếp đảm sợ hãi. Đó là những lời nói không nhân từ, không ái ngữ. Làm người, chúng ta nên tránh xa và từ bỏ nói những lời hung ác, kém văn hóa, không đạo đức, v.v... luôn luôn thực hiện lời nói nhân từ, lời nói ái ngữ.

Đức Phật dạy: “*Ý thường tâm niệm thương xót, không ôm lòng thù hận thêm bớt*”. Trong cuộc đời này vì lòng tham lam vô độ nên con người sanh tâm ganh đua hơn thiệt; thấy ai

hơn mình thì sanh tâm ganh ghét, tị hiềm, thường thêm bớt nói xấu người, nói lời li gián gây chia rẽ người này với người kia. Cho nên ý thường tâm niệm thương xót người khác tức là lòng “BI”. Lòng bi là lòng thương xót chúng sanh, khi thấy chúng sanh trong cơn hoạn nạn hay bệnh tật khổ đau hoặc đứng trước cái chết sắp đến, chúng ta không thể làm ngơ được.

Cho nên chúng ta luôn nhớ lời Phật dạy “*Ý thường tâm niệm thương xót, không ôm lòng thù hận thêm bớt*”. Đó là một tâm niệm thiện, tâm niệm giải thoát, tâm niệm khiến mình và tất cả chúng sanh được an vui giải thoát, tâm niệm không làm khổ đau mình, người, cả hai và tất cả chúng sanh; tâm niệm không hận thù; tâm niệm buông xả tất cả các ác pháp; tâm niệm của người có lòng từ, bi, hỷ, xả. Đó là một tâm niệm cao thượng, một tâm niệm của những bậc Thánh Hiền.

“*Ý thường tâm niệm thương xót, không ôm lòng thù hận thêm bớt*”. Lời dạy này chúng con xin hằng ngày ghi nhớ để sống không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh; để đền đáp ơn chư Phật, ơn sanh thành dưỡng dục của mẹ cha. Đó là một tâm niệm đẹp đẽ và cao thượng tuyệt vời mà làm người ai ai cũng cần phải tu học.

Đức Phật dạy “*Chỉ nhận sự cúng dường vừa đủ*”. Đây là lời khuyên của đức Phật đối với những đệ tử xuất gia. Khi đi khất thực thì nhận sự cúng dường vừa đủ, không nên tham nhiều, không nên đòi hỏi món này món kia, ai cho gì mình ăn nấy, dở ngon không cần, chỉ ăn để sống, sống để tu hành, chứ không phải sống để ăn. Sống để ăn tức là chạy theo dục lạc về ăn uống. Vì thế, ăn không cần phải ngon; không phải ăn để mập, để béo tốt để hưởng thụ tất cả dục lạc trên cõi đời này. Ăn như vậy thì giống như người thế gian. Ăn uống mà giống như người thế gian thì còn nghĩa lý gì là người tu sĩ Phật giáo. Phải không quý Phật tử?

Người tu sĩ Phật giáo ăn để sống như uống một thứ thuốc đắng để trị bệnh đói. Vì thế người tu sĩ Phật giáo “*Chỉ nhận sự cúng dường vừa đủ*”. Đó là lời khuyên của Phật đối với những người đệ tử của Ngài, để những tu sĩ này đều li dục li ác pháp, để những tu sĩ này luôn luôn sống trong hạnh thiếu dục tri túc, để những tu sĩ này luôn luôn sống đúng phạm hạnh. Nhất là để những tu sĩ đang tu tập tại tu viện Chơn Như hãy lấy câu này làm lời răn nhắc cho mình khi ăn uống cũng như khi đi khát thực: “*Chỉ nhận sự cúng dường vừa đủ*”. Phật dạy như vậy, xin tất cả tu sĩ Phật giáo, dù ở các hệ phái Bắc tông như Đại Thừa, Thiên tông, Mật tông, Tịnh Độ tông, v.v... ; các hệ phái Nguyên Thủy như Nam tông, Khất sĩ, v.v... phải lấy câu này làm phương châm, làm câu tác ý tự kỉ ám thị hằng ngày để nhắc nhở tâm mình ít muốn biết đủ (thiếu dục, tri túc), nhờ đó giới luật mới nghiêm chỉnh không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào; nhờ đó tâm mới li dục li ác pháp; nhờ đó tâm mới thanh thản, an lạc và vô sự; nhờ đó con đường tu hành của Phật giáo ngày một sáng lạng; nhờ đó mới chứng đạt chân lí.

Đức Phật dạy: “*Giữ gìn giới của Thánh Hiền không tổn khuyết*”. Muốn hiểu lời dạy này, chúng ta nên hiểu giới của Thánh Hiền là gì? Không tổn khuyết là gì?

Gới của Thánh Hiền gồm có: Ngũ giới cư sĩ, Bát quan trai giới cư sĩ, Thập thiện giới cư sĩ, Thập giới Sa di tăng ni, 250 giới Tỳ kheo tăng, 348 giới Tỳ kheo ni, kinh Phạm võng, kinh Sa môn quả, kinh Giáo giới La hầu La,...

Không tổn khuyết là không sút mẻ, là không bẻ vụn giới, là không phạm những giới nhỏ nhặt.

Nghĩa của toàn bộ câu “*Giữ gìn giới của Thánh Hiền không tổn khuyết*” là giữ gìn giới luật nghiêm ngặt, không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào.

Tại sao lại phải giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh như vậy? Vì giới luật là pháp môn li dục li ác pháp; vì giới luật là đức hạnh nhân bản nhân quả, sống không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai; vì giới luật là pháp môn đầu tiên để tu tập thiền định. Nhờ giới luật Thánh Hiền mà chúng ta tu tập mới có đủ 4 Thần túc, nhờ có 4 Thần túc mới nhập 4 thiền và thực hiện 3 Minh; nhờ thế chúng ta mới làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt tái sanh luân hồi.

Giới luật Thánh Hiền lợi ích lớn như vậy, thế mà người tu sĩ thời nay tu theo Phật giáo mà phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, xem thường giới, vì thế mà phí bỏ một đời tu tập chẳng đạt được gì. Uổng thay! Uổng thay!!!

Đức Phật dạy: *“Nhận đạo Thánh Hiền quyết dứt hết gốc khổ”*. Muốn hiểu lời dạy này, chúng ta phải hiểu các từ Thánh Hiền, gốc khổ. Vậy Thánh Hiền, gốc khổ là gì?

Như chúng ta đã biết, đạo Phật có một nền đạo đức nhân bản nhân quả, sống không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai. Vì thế Thánh ở đây có nghĩa là người đã sống trọn vẹn đức hạnh nhân bản nhân quả không làm khổ mình khổ người; còn Hiền ở đây có nghĩa là người đang tập sống đạo đức nhân bản nhân quả không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai.

Cho nên lời dạy *“Nhận đạo Thánh Hiền quyết dứt hết gốc khổ”* tức là chấp nhận học tập và rèn luyện đạo đức nhân bản nhân quả sống không làm khổ mình khổ người và khổ tất cả chúng sanh thì tất cả khổ của loài người trên hành tinh này đều dứt hết. Lời dạy này rất đúng, nhưng có những người còn nghi ngờ nên tự hỏi *“Tại sao vậy?”*

Vì không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh thì còn đâu nỗi khổ nữa. Phải không, thưa quý vị?

Lời dạy tuy ngắn gọn nhưng rất đầy đủ ý nghĩa của đạo giải thoát. Nếu ai hiểu mà không làm đúng theo nghĩa này thì lời dạy chỉ còn là lời nói suông, người tu tập sẽ không có kết quả. Vì thế, lời nói của đức Phật chỉ có những người muốn thoát ra bốn nỗi khổ của kiếp làm người và những người chứng đạt chân lí thì mới hiểu được nghĩa lí giải thoát này.

CÓ SÁU OAI NGHI NGƯỜI TU SĨ CẦN PHẢI GIỮ GÌN VÀ TU TẬP

LỜI PHÁT DẠY

“Người tu sĩ mới vào cần phải tu tập:

- 1- Khi đi biết mình đi.
- 2- Khi đứng biết mình đứng.
- 3- Khi liếc ngó hai bên.
- 4- Khi co duỗi cúi ngược
- 5- Khi đắp y, mang bát.
- 6- Khi ăn uống thuốc men đều phải nhẹ nhàng phù hợp với oai nghi, phải khéo tìm phương tiện từ bỏ năm ám cái, cho đến đứng, nằm, ngồi, thức, ngủ, nói năng hay im lặng đều phải nhiếp tâm không cho tán loạn. Ấy là những oai nghi mà các thầy tỳ kheo phải giữ gìn đầy đủ”.

CHÚ GIẢI:

Oai nghi tế hạnh của một người tu sĩ Phật giáo rất cần thiết cho đời sống phạm hạnh và chính những oai nghi tế hạnh ấy giúp cho người tu sĩ tỉnh thức hơn để li dục li ác pháp, để ngăn và diệt tất cả tham ưu trên thân, thọ, tâm, pháp. Do tu tập oai nghi tế hạnh để li dục li ác pháp tâm mới được hoàn toàn thanh tịnh vì thế mới được gọi là tu tập thiền xả tâm. Muốn tu tập thiền xả tâm thì phải nương vào những oai nghi mà đức Phật đã dạy như dưới đây:

Oai nghi thứ nhất, đức Phật dạy “*Khi đi biết mình đi*”. Vậy oai nghi thứ nhất khi đi biết mình đi như thế nào?

Đi phải biết mình đi, nhưng nếu biết mình đi suông thì không có ý nghĩa gì của sự giải thoát mà phải đi trong chánh niệm. Đi trong chánh niệm tức là đi trong thiện pháp. Vậy đi trong thiện pháp là đi như thế nào?

Đi trong thiện pháp là đi không dẫm đạp lên chúng sanh, là đi trong tâm li dục li ác pháp. Đi như vậy mới gọi là đi biết mình đi.

Đi biết mình đi là biết từng bước đi của mình, biết rõ ràng khi co chân lên cũng như lúc để chân xuống, tâm tĩnh thức theo dõi từng hành động của chân bước. Bước đi phải nhẹ nhàng thoải mái, không chậm lẩm nhưng cũng không nhanh, đi vừa kịp tâm chú ý bước chân đi, đi khoan thai như người vô sự, đi như người đi nhàn du nhưng đều biết rõ bước đi.

Người đệ tử Phật, dù tu sĩ hay cư sĩ, khi đi đều phải tỉnh thức trên bước đi. Đi biết mình đi rất rõ ràng. Đó là phương pháp tu tập tỉnh thức để tâm được tỉnh thức. Tâm được tỉnh thức là có lợi ích rất lớn. Nhờ tu tập tỉnh thức đi mình biết mình đi, đó là hành động đi nhưng tỉnh thức, tỉnh thức trên hành động đi được thì sẽ tỉnh thức từng tâm niệm được. Tỉnh thức từng tâm niệm được thì sẽ xả bỏ tất cả ác pháp và tâm tham, sân, si dễ dàng.

Tỉnh thức là pháp tu tập đầu tiên của đạo Phật “*Khi đi biết mình đi*”. Đó là Chánh Niệm Tĩnh Giác Định, một loại định tâm trên bước đi; một loại định phá hôn trầm, thù miên, vô kí rất tuyệt vời. Nếu người nào chịu khó siêng năng tu tập hằng ngày thì sức tỉnh thức càng ngày càng gia tăng, sự tu tập càng ngày càng tiến bộ, sự li dục li ác pháp càng ngày càng xả li rất nhiều. Nhờ đó tâm thanh thản, an lạc và vô sự

càng lúc càng chứng đạt trạng thái ấy càng chiếm thời gian dài hơn.

Muốn tu tập chứng đạt giải thoát thì không gì hơn là lo tu tập chánh niệm tỉnh giác như đức Phật đã dạy: *“Khi đi biết mình đi”*.

Oai nghi thứ hai đức Phật dạy: *“Khi đứng biết mình đứng”*. Vậy biết mình đứng như thế nào?

Đứng biết mình đứng, tức là đứng ngay thẳng biết mình đứng ngay thẳng, đứng cong vồng biết mình đứng cong vồng, đứng một chân biết mình đứng một chân, đứng nghiêng biết mình đứng nghiêng, hoặc đứng ẹo biết mình đứng ẹo, v.v...

Đứng ở vị trí nào biết ở vị trí ấy. Ví dụ đứng trước cổng nhà người biết đứng trước cổng nhà người hay đứng trước gian hàng người ta buôn bán thì biết đứng trước gian hàng người ta buôn bán, hay đứng ở chỗ có người khác phái, đứng ở chỗ người điên, người hung dữ, chó dữ, bò dữ, v.v... đều biết rất rõ ràng.

Cho nên khi đứng biết mình đứng, đứng đúng chỗ, đứng nơi, đứng lúc, v.v... Khi đứng yên biết thân mình đứng yên, biết thân mình đang đứng ngay thẳng, mắt nhìn xuống cách chỗ đứng độ 2,50 mét biết thân mình rung động theo từng nhịp hơi thở vô ra rõ ràng.

Khi đứng yên, mắt không nhìn qua nhìn lại, không liếc dọc liếc ngang, chỉ nhìn về phía trước, chỉ đứng biết mình đang đứng, đứng trong sự thân rung động của hơi thở. Người tu sĩ hay cư sĩ Phật giáo mà đứng như vậy mới gọi là đứng biết mình đứng.

Oai nghi thứ ba đức Phật dạy: *“Khi liếc ngó hai bên biết mình liếc ngó hai bên”*. Như quý vị đã biết, oai nghi thứ nhất đức Phật dạy về thân hành hai chân của quý vị là đi và đứng mà

quý vị đã được học xong. Còn oai nghi thứ ba đức Phật dạy thân hành mắt của quý vị. Khi quý vị nhìn hay liếc ngó hai bên thì phải biết mình liếc ngó hai bên. Như vậy nhìn liếc ngó hai bên biết mình liếc ngó hai bên để làm gì?

Nhìn liếc ngó hai bên biết mình nhìn liếc ngó hai bên tức là tỉnh thức trong từng hành động của mắt; mắt nhìn mắt liếc đều biết rất rõ mắt nhìn mắt liếc trong chánh niệm tức là nhìn liếc ngó một cách ngay thẳng chánh trực, không nhìn chằm chằm vào mặt người khác làm cho họ ngại ngùng, không liếc xéo, liếc ngang làm cho người khác khó chịu. Cho nên một người tu theo Phật giáo bao giờ cũng giữ mắt trong chánh niệm liếc ngó nhìn vật khác, người khác đều mang một ánh mắt dịu hiền, với một lòng yêu thương và tha thứ những lỗi lầm của người khác.

Muốn được tỉnh thức trong từng cái nhìn, cái ngó, cái liếc thì chúng ta phải tu tập tỉnh thức với đôi mắt. Mắt làm điều gì chúng ta nên biết mắt đang làm điều đó. Đó là chúng ta đang tu tập tỉnh thức của mắt. Tập tỉnh thức của mắt tức là tu tập tỉnh giác. Nhờ tu tập tỉnh giác như vậy nên khi nhìn mọi vật chúng ta không bị dính mắc chấp đắm, không bị lôi cuốn vào ác pháp và lòng ham muốn; nhờ tu tập tỉnh thức như vậy nên tâm chúng ta luôn luôn được thanh thản, an lạc và vô sự. Vì thế, chúng ta nhớ ghi lời dạy này để áp dụng vào đời sống hằng ngày của chúng ta: *“Khi liếc ngó hai bên biết mình liếc ngó hai bên”*.

Oai nghi thứ tư đức Phật dạy *“Khi co, duỗi, cúi ngược”*. Vậy thì co, duỗi, cúi ngược là những hành động gì của thân?

Ở đây đức Phật dạy về thân hành: Co là co tay, co chân; duỗi là duỗi tay duỗi chân; cúi là cúi đầu, cúi cổ; ngược là ngược đầu, ngược cổ.

Ở đây đức Phật dạy tỉnh thức trong từng mỗi thân hành, từ cái co tay cũng phải biết co tay; từ cái co chân cũng phải biết co chân, biết rất rõ ràng và cụ thể từng hành động của thân không được bỏ sót, không được quên hành động nào. Khi duỗi tay duỗi chân cũng đều biết rất rõ ràng. Đây là phần hoạt động của tay chân, còn về phần đầu cổ thì đức Phật dạy cũng không bỏ sót một hành động nào, khi cúi đầu cúi cổ cũng như khi ngược đầu ngược cổ đều phải tỉnh thức không được quên, phải luôn nhớ từng hành động cúi ngược. Bờ co, duỗi, cúi, ngược là những hành động của thân nên đức Phật gọi là pháp Thân Hành Niệm tức là lấy hành động của thân làm niệm để tu tập tỉnh thức, để tu tập định tỉnh, để tu tập 4 Thân tức.

Các pháp môn tu hành theo Phật giáo phần nhiều là lấy thân hành làm pháp tu tập cho nên co, duỗi, cúi, ngược đều là pháp môn của Phật giáo. Vì vậy, người nào quyết tu để làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi ngoài niệm thân hành thì chẳng có pháp nào niệm hơn được. Cho nên hành động co, duỗi, cúi, ngược là pháp môn tu hành của quý vị. Quý vị nhớ kỹ, đừng quên pháp môn này, nó là chiếc phao đưa quý vị qua bờ bên kia. Vì thân hành lúc nào cũng có, nên sự tu tập của quý vị sẽ được liên tục không có gián đoạn, nhờ thế sức tỉnh thức của quý vị rất cao. Sức tỉnh giác rất cao giúp quý vị xả tâm li dục li ác pháp dễ dàng. Tâm li dục li ác pháp sạch thì quý vị chứng đạt chân lí. Cho nên Thân Hành Niệm là pháp giúp quý vị từ lúc bắt đầu vào đạo cho đến khi chứng đạo.

Oai nghi thứ năm đức Phật dạy: “*Khi đắp y, mang bát*”. Đắp y, mang bát là gì?

Đắp y tức là mặc áo cà sa, áo mặc vẫn theo cách của người Ấn Độ; mang bát tức mang một cái thố có nắp đậy dùng để đựng cơm và thực phẩm. Cái thố này được đặt trong một cái

túi bằng vải nên khi đi đâu thì mang theo. Nghĩa của câu này là khi mặc áo phải biết rõ từng hành động đang mặc áo; khi mang bát đi xin cơm cũng vậy, đều phải biết rõ ràng từng hành động mang bát từ lúc bắt đầu đi khát thực cho đến khi ngồi xuống ăn cơm không được quên, không được nhớ chuyện khác, chỉ nhớ rõ từ hành động của thân mang bát đi khát thực cho đến lúc về ăn cơm như đã nói trên.

Đây là một phương pháp tu tập tỉnh thức trên thân hành niệm của quý vị. Quý vị phải siêng năng tập ngay trên thân hành mặc y mang bát, có nghĩa là quý vị đừng quên những hành động nhỏ nhặt nào trên thân quý vị. Quý vị đều phải tu tập trên đó. Nhờ tu tập trên thân hành đó sức tỉnh thức của quý vị càng tăng thì xả tâm càng rốt ráo. Xả tâm càng rốt ráo thì con đường tu tập của quý vị sẽ đến nơi đến chốn.

Như vậy, tu theo Phật giáo chỉ có tu theo thân hành niệm của mình mà thôi. Nhờ có thân hành niệm, mà thân hành niệm thì lúc nào cũng có trong thân, nên sự tu tập tỉnh thức rất dễ dàng, không có khó khăn, không có mệt nhọc. Sức tỉnh thức đạt được thì tâm định tĩnh đâu còn khó khăn. Tâm định tĩnh đạt được thì thiền định đâu có còn gì khó mà không nhập được.

Oai nghi thứ sáu đức Phật dạy: *“Khi ăn uống, thuốc men đều phải nhẹ nhàng, phù hợp với oai nghi, phải khéo tìm phương tiện từ bỏ năm ám cái, cho đến đứng, nằm, ngồi, thức, ngủ, nói năng hay im lặng đều phải nhiếp tâm không cho tán loạn. Ấy là những oai nghi mà các thầy tỳ kheo phải giữ gìn đầy đủ”*. Lời dạy thứ sáu này rất rõ ràng, trong tất cả thân hành của mình luôn luôn phải tỉnh thức từng hành động trong sinh hoạt hằng ngày của sự sống.

Cho nên phải lưu ý từ hành động ăn uống hằng ngày đến uống thuốc thang trị bệnh đều phải nhẹ nhàng vén khéo, ăn không chậm lăm mà cũng không nhanh lăm, ăn như thế nào

để vừa đủ quan sát từng hành động nhai nuốt một cách cụ thể rõ ràng mà không bỏ sót hành động nhai nuốt nào cả. Đó là ăn uống trong oai nghi tế hạnh của người tu sĩ, tức là ăn uống trong phạm hạnh. Ăn uống trong phạm hạnh tức là ăn uống luôn luôn loại trừ năm ám cái, không để năm ám cái chi phối tâm mình.

Ví dụ ăn uống còn lo cho thân được đủ chất bổ dưỡng, được đầy đủ dưỡng chất vitamin A, B, C, D, E,... đó là ăn uống bị năm ám cái chi phối. Vì thế đức Phật dạy: *“Ăn uống phải khéo tìm phương tiện từ bỏ năm ám cái”*. Trong vấn đề ăn uống, chúng ta quên lời dạy nên ăn uống đều lo bảo dưỡng thân ngũ ấm cho mập cho khỏe là sai. Trên bước đường tu hành chúng ta rất tâm đắc lời dạy này: *“Khi ăn uống thuốc men đều phải nhẹ nhàng phù hợp với oai nghi, phải khéo tìm phương tiện từ bỏ năm ám cái”*. Không phải ăn uống vì cái thân bổ khỏe; không phải uống thuốc vì cái thân hết bệnh. Ăn uống và thuốc thang là để giúp cho thân bình an, nhờ có cái thân bình an mới tu tập đúng chánh pháp của Phật, nhờ tu tập đúng chánh pháp của Phật mới thoát khỏi kiếp sanh tử luân hồi đầy muôn vàn sự khổ đau. Cho nên lời dạy này quý vị hãy gắng ghi vào trong lòng, đừng quên.

Đức Phật nhắc tiếp những hành động oai nghi về thân hành trong sự tu tập hàng ngày: *“Cho đến đứng, nằm, ngồi, thức, ngủ, nói năng hay im lặng đều phải nhiếp tâm không cho tán loạn”*. Quý vị có nghe lời dạy này không?

Khi đứng biết mình đứng, đứng đúng vị trí rất tỉnh thức, biết rất rõ. Ngồi biết rất rõ tư thế mình đang ngồi, ngồi trên ghế hay ngồi xếp bằng, ngồi bán già hay kiết già, ngồi thẳng chân dưới đất hay ngồi trên giường, ngồi dựa lưng trong vách hay không dựa lưng trong vách đều biết rất rõ, ngồi có thoải mái hay không thoải mái, v.v... Nằm cũng vậy. Nằm ngửa, nằm nghiêng, nằm sấp; nằm kiết tường gối tay mặt hay gối tay

trái đều biết rất rõ cách thức nằm. Người tu sĩ Phật giáo chỉ chọn cách nằm kiết tường là tốt nhất, vì xưa kia đức Phật gọi nằm kiết tường là nằm đáng con sư tử. Người nằm biết mình nằm, biết rõ mình nằm với tư thế nào, đó là tỉnh thức trên sự nằm; còn quên không biết là thiếu tỉnh thức.

Khi thức phải biết mình thức, thức đang nghĩ ngợi những điều gì hay không nghĩ ngợi đều phải biết rất rõ ràng, đó mới gọi là thức. Thức mà không biết tâm mình đang nghĩ một điều gì thì người ấy chưa phải là người đang thức mà người đang mê hay nói cách khác là người ấy đang chạy theo dục lạc danh, lợi, sắc, thực, thù của thế gian. Cho nên thức phải tỉnh thức hoàn toàn biết từng tâm niệm, từng cảm thọ khi xảy ra đều biết ngay liền.

Ngủ phải biết mình đang ngủ, hầu hết mọi người khi ngủ không biết mình đang ngủ, chỉ khi thức dậy mới biết mình đã ngủ. Đó là mê. Vì vậy, tu tập như thế nào ngủ mà biết mình đang ngủ thì đó mới là hết mê. Có đúng vậy không quý vị?

Ngủ mà biết mình đang ngủ là một điều khó. Người không tu tập theo Phật giáo thì không làm được điều này. Không làm được điều này là người chưa đủ sức tỉnh thức. Cho nên người tu tập theo Phật giáo thường tác ý câu: *“Thân ngủ, tâm phải tỉnh thức”*, nhờ có tác ý câu này nên thân nằm yên ngủ mà tâm vẫn tỉnh thức biết rõ thân đang ngủ.

Khi nói năng mình phải biết mình đang nói năng điều gì. Nói thiện hay nói ác, nói lời ôn tồn nhã nhặn êm dịu hay nói lời hung dữ chửi mắng mạ sát mạ lị người. Biết rất rõ từng lời nói khi mình phát ngôn nên khi phát ngôn không phát ngôn bừa bãi. Luôn luôn sử dụng lời nói ái ngữ đến với mọi người. Sống được với ngôn ngữ như vậy mới gọi nói năng biết mình nói năng.

Khi im lặng biết mình im lặng nghĩa là phải tỉnh thức hoàn toàn, lúc nào cần im lặng thì im lặng và lúc nào cần nói thì nói, không thì im lặng. Đó là sự tỉnh thức trong sự im lặng mà đức Phật đã dạy: “*Nói năng hay im lặng đều phải nhiếp tâm không cho tán loạn. Ấy là những oai nghi mà các thầy tỳ kheo cần phải giữ gìn đầy đủ*”. Đúng vậy, người đệ tử của Phật phải tu tập tỉnh thức trong các oai nghi như đi, đứng, nằm, ngồi, liếc, ngó, co, duỗi, mặc y, mang bát, ăn uống, nói nín, im lặng, v.v... đều phải trong chánh niệm. Có tỉnh giác như vậy mới gọi là đầy đủ oai nghi tế hạnh của một vị đệ tử Phật.

THÍCH HỘI HỢP

LỜI PHẬT DẠY

“Này Ananda, nếu Tỳ kheo nào thích thú trong hội chúng của mình, hân hoan trong hội chúng của mình, hoan hỷ trong hội chúng của mình, thích thú trong hội chúng của người, hân hoan trong hội chúng của người, hoan hỷ trong hội chúng của người, có thể là một vị chúng đắc tùy theo ý muốn, chúng đắc không khó khăn, chúng đắc không mệt nhọc, viễn li lạc, độc cư lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc, sự kiện như vậy không xảy ra.” (Kinh Trung Bộ tập III trang 302-303 kinh Đại không).

CHÚ GIẢI:

Kính thưa các bạn! Các bạn có đọc và nghe lời Phật dạy trong đoạn kinh này không? Tỳ kheo nào ưa thích hội họp, ưa thích nói chuyện trong nhóm của mình, trong nhóm của người khác, thì Tỳ kheo ấy tu hành không có kết quả, chỉ tu chơi ồng phí một đời tu hành.

Kính thưa các bạn! Tu chơi thì đi tu để làm gì. Phải không các bạn? Tu thì phải thật tinh tu, tu thì phải hết sức mình để mang lại sự lợi ích lớn cho mình, cho người.

Cho nên, những tu sĩ Phật phải lấy hạnh độc cư làm cuộc sống của mình; phải lấy hạnh độc cư làm ngọn đuốc soi đường cho mình đi; phải lấy hạnh độc cư phòng hộ sáu căn giúp cho thân tâm bất động thanh tịnh; phải lấy hạnh độc cư làm căn cứ địa để chiến đấu với giặc sanh tử luân hồi; phải lấy hạnh độc cư biến mình thành con *Tê Ngưu Một Sừng* sống không hề sợ hãi, khiếp đảm bất cứ một trở ngại nào.

Người tu sĩ đạo Phật có thành tựu được đạo giải thoát là nhờ hạnh độc cư. Hạnh độc cư bị phá vỡ thì con đường tu của các bạn sẽ là con đường cùng và đời sống của các bạn đời chẳng ra đời, đạo chẳng ra đạo.

Kính thưa các bạn! Các bạn đừng lầm lạc độc cư của đạo Phật với độc cư của ngoại đạo. Độc cư của đạo Phật là giới luật, là đức hạnh. Cho nên “*Im lặng như Thánh*” là giới hạnh trầm lặng của bậc Thánh Hiền biết sống im lặng như Thánh để lắng nghe các ác pháp và các cảm thọ; để lắng nghe tâm bất động trước mọi hoàn cảnh, mọi sự việc đang diễn biến không ngừng theo qui luật nhân quả. Cho nên im lặng như Thánh là để lắng nghe bốn chỗ thân, thọ, tâm và các pháp của các bạn đang thanh thản, an lạc và vô sự hay đang bị chướng ngại, nếu thân, thọ, tâm và các pháp đang bị chướng ngại pháp thì các bạn phải xử dụng ngay liền Chánh Niệm Tỉnh Giác hay Định Niệm Hơi Thở để nhiếp phục tức là đẩy lui chúng ra khỏi thân, thọ, tâm, pháp để đem lại sự bình an cho nó. Như vậy Im lặng như Thánh chính là đang tu tập pháp môn Tứ Niệm Xứ. Người đang tu tập pháp môn Tứ Niệm Xứ thì đâu còn thời gian rảnh rỗi mà đi nói chuyện, mà thích hội họp. Người không biết tu tập Tứ Niệm Xứ mới đi nói chuyện, mới phá hạnh độc cư. Cho nên độc cư là giới hạnh, giới đức để tu tập Tứ Niệm Xứ. Tứ Niệm Xứ và hạnh độc cư hai pháp có liên quan mật thiết như cánh tay mặt và cánh tay trái. Hai pháp này rất quan trọng trong sự nghiệp tu tập tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ. Như

vậy độc cư có tầm quan trọng sự nghiệp tu hành của các bạn, các bạn cần nên lưu ý!

Kính thưa các bạn! có người bảo rằng: Chúng tôi không chấp nhận hạnh độc cư, tu là phải có đối tượng để xả tâm, tu mà không có đối tượng là tu tập ức chế tâm. Với ý kiến này có đúng không các bạn?

Với ý kiến này chỉ là người mới bắt đầu tu tập những đức hạnh nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng để tập sống đạo đức nhân bản - nhân quả, sống không làm khổ mình khổ người và khổ cả hai. Đây là giai đoạn tu tập của người cư sĩ còn sống trong gia đình, còn tiếp duyên với xã hội, còn giao thiệp với mọi người; còn lao tác mọi việc vì cuộc sống của mình của những người trong gia đình thì không thể tu tập như người tu sĩ được.

Chùng nào bước vào giai đoạn tu tập thứ hai, vì giai đoạn tu tập thứ hai này thì không giống như ở giai đoạn thứ nhất các bạn ạ!

Khi bước qua giai đoạn thứ II thì nhẫn nhục, tùy thuận và bằng lòng đã nhuần nhuyễn, nên đối với pháp này chỉ còn là một phản ứng rất tự nhiên, vì thế nhẫn nhục mà không nhẫn nhục, tùy thuận mà không tùy thuận tức là không có chỗ còn ức chế chịu đựng của tâm nữa. Vì thế bằng lòng không còn là bằng lòng gượng ép làm vui lòng người trước nghịch cảnh của các ác pháp. Nghịch cảnh của các ác pháp không tác động được thân, tâm người đã tu tập nhuần nhuyễn những đức hạnh nhẫn nhục, tùy thuận và bằng lòng.

Giai đoạn thứ hai là giai đoạn lập đức lập hạnh của những bậc Thánh Tăng, Thánh Ni và Thánh cư sĩ. Đó là sống với những đức hạnh ăn, ngủ, độc cư. Ăn, ngủ, không phi thời có nghĩa tu hành lập đức Thánh hạnh này tức là làm chủ được ăn và ngủ, khi ăn, ngủ không phi thời thì mới sống Thánh

hạnh độc cư. Chính nhờ Thánh hạnh độc cư mà tâm họ không phóng dật.

Có người cho rằng nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng là không phải giới luật. Họ đã hiểu sai. Nhẫn nhục, tùy thuận bằng lòng là giới đức, giới hạnh và giới hành của một tu sĩ Phật giáo.

Có bao giờ các bạn nghe và đọc kinh sách nói đến đức nhẫn nhục, tức tùy thuận đức bằng lòng chưa? Đó là những đức hạnh của những bậc Thánh, chứ không phải người phạm phu mà sống được.

Khi các bạn quyết tâm tu hành để tìm cầu sự giải thoát mà các bạn thích hội họp nói chuyện là các bạn không lập đức hạnh độc cư, dù các bạn có tu pháp nào, cũng chẳng có lợi ích gì cho các bạn cả, và có thể tâm trí của các bạn còn tệ hại hơn nữa.

Trong bài kinh này tuy lời cảnh giác đơn giản nhưng rất thâm thúy: *“Này Ananda, nếu Tỳ kheo nào thích thú trong hội chúng của mình, của người. Hân hoan trong hội chúng của mình, của người; hoan hỷ trong hội chúng của mình, thích thú trong hội chúng của người, hân hoan trong hội chúng của người, hoan hỷ trong hội chúng của người, có thể là một vị chứng đắc tùy theo ý muốn, chứng đắc không có khó khăn, chứng đắc không có mệt nhọc, viễn li lạc, độc cư lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc, sự kiện như vậy không xảy ra”*.

Tóm lại đoạn kinh này người không sống đúng hạnh độc cư, không phòng hộ sáu căn, thường để tâm phóng dật thì sự tu hành chẳng có kết quả gì, chỉ uống công mà thôi. Tâm tham, sân, si bị ức chế nên đầy đầy sự ham muốn dục lạc thế gian. Do đó càng tu tập thì chùa càng to, Phật càng lớn; càng tu tập vật chất càng nhiều, hạnh ba y một bát đâu còn nữa? Cũng từ nơi sống không phòng hộ sáu căn, sống không giữ

gìn hạnh độc cư, sống ăn ngủ phi thời, sống không đúng Phạm hạnh, không thiếu dục tri túc, không ba y một bát, sống trụ thế tăng, không du tăng khát sĩ. Vì thế Thánh hạnh giải thoát của tu sĩ đã đảo lộn, biến tu sĩ Phật giáo thành tu sĩ Bà La Môn thật là đáng thương. Tu theo Phật giáo, trở thành tu sĩ ngoại đạo mà không biết chỉ có mang danh từ “*Phật giáo Đại Thừa*”.

Các bạn hãy lắng nghe đoạn kinh này mà suy ngẫm con đường tu tập của mình, ở giai đoạn thứ nhất: “*Này Ananda, như sự an trú này đã được Như Lai toàn giác ngộ, tức là sau khi không tác ý với tất cả tướng, chứng đắc và an trú nội không, và nếu này Ananda, trong khi Như Lai an trú trong an trú này nếu có những Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, quốc vương, đại thần ngoại đạo, đệ tử của ngoại đạo đến yết kiến. Trong khi ấy này Ananda. Như Lai với tâm hướng đến viễn li, thiên về viễn li, nặng về viễn li, sống độc cư hoan hỷ trong dục lạc làm cho đoạn tận tất cả các pháp dựa trên các lậu hoặc, an trú nói lên tại chỗ ấy những lời thuần túy liên hệ đến khích lệ.*”

Rút ra từ kinh nghiệm tu hành của đoạn kinh này các bạn thấy khi an trú trong giới hạnh độc cư, phòng hộ sáu căn thì không được nói chuyện tiếp duyên với bất cứ một ai, không tác ý một tướng nào cả thì mới được gọi là an trú bất động tâm (nội không) đoạn kinh dạy rất rõ: “*Khi Như Lai an trú trong an trú này nếu có Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, quốc vương, đại thần, ngoại đạo đệ tử của ngoại đạo đến yết kiến. Trong khi ấy Như Lai với tâm hướng đến viễn ly... làm cho đoạn tận tất cả các pháp dựa trên các lậu hoặc*”.

Có sống với hạnh độc cư như vậy các bạn mới an trú được tâm bất động (nội không), mới đạt được chỗ li dục li ác pháp hoàn toàn, mới viễn li trọn vẹn các ác pháp đang tác động

trong giai đoạn tu tập thứ nhất, thứ nhì và mới sung mãn được Tứ Niệm Xứ.

Các bạn nên nhớ những lời Phật dạy ở trên để viễn li tất cả các ác pháp và các dục. Muốn viễn li tất cả các ác pháp và các dục mà không nhờ hạnh độc cư thì các bạn rất khó mà viễn li nổi.

XÁ LỢI.

LỜI PHẬT DẠY

“Dân chúng Mạt La bảo nhau: “Ngọn lửa cháy mạnh quá, khó dập tắt e cháy tiêu hết xá lợi! Chúng ta hãy lấy nước ở đâu để tưới?” (Kinh Trường A Hàm tập I trang 228 kinh Du Hành).

CHÚ GIẢI:

Đoạn kinh này đã xác định xá lợi của Phật chỉ là những mảnh xương vụn, cháy chưa hết, chứ không phải do tu tập thiền định mới có xá lợi.

Kính thưa các bạn! Trong cuộc đời ác trược này người tu sĩ khi chết mà còn lừa đảo thiên hạ thì không bằng người thế tục sống lương thiện không lường gạt lừa đảo ai hết. Lợi dụng sự không biết của tín đồ, bịa đặt ra: Do tu thiền tinh tủy kết tinh lại thành xá lợi lửa đốt không cháy. Người Phật tử nghe đâu tin đó chứ không xem xét kỹ nên sự tin như vậy là tin mù quáng. Từ lòng tin này Phật tử người ít kẻ nhiều góp nhau xây tháp to lớn đồ xô đồ để thờ xá lợi.

Chỉ có xá lợi mà đã lường gạt biết bao nhiêu người trên thế gian này. Họ bảo rằng: Do tu thiền định mới có xá lợi. Trong khi mọi người chưa có ai biết thiền định và nhập như thế nào? Vậy mà dám bảo do tu thiền định mới có xá lợi.

Kính thưa các bạn! Các bạn cứ hỏi các vị Sư, Thầy: “Thiền định như thế nào? Tu thiền định là tu như thế nào?”

Họ sẽ trả lời các bạn: “Tu thiền định là phải điều thân, điều tâm, điều tức, Sổ tức quan, Lục diệu pháp môn, chấn trâu, giữ ông chủ, biết vọng liền buông, phòng xệp v.v...Đó là tu thiền.

Người mà đã chứng đạt chân lí, có đủ Tứ Thần Túc, họ đã nhập định và biết rõ thiền định như thế nào? Vì thế, khi nghe quý vị trình bày những pháp môn tu thiền định như vậy, thì họ biết ngay là quý vị chưa bao giờ biết thiền định, chưa bao giờ nhập định. Những pháp tu tập trên đây làm sao nhập định được. Định mà quý vị tu tập là những pháp môn ức chế tâm, định này mà nhập là các bạn đã bị rơi vào định tướng, chứ không phải nhập thiền định như vậy. Vì lối tu tập của quý vị là lối tu tập ức chế ý thức cho hết niệm khởi, chứ không phải thiền định gì cả, đó là một loại thiền tướng.

Xin các bạn hãy đọc lại đoạn kinh Nguyên Thủy này thì sẽ rõ: “*Thưa Ni Sư thế nào là định? Thế nào là định tướng? Thế nào là định tư cụ? Thế nào là định tu tập?*”

“*Này Hiền giả Visaka, nhất tâm là định, bốn niệm xứ là định tướng, bốn tinh cần là định tư cụ, sự luyện tập, sự tu tập, sự tái tu tập của những pháp ấy là định tu tập ở đây vậy*”

Muốn thấu rõ thiền định thì phải hiểu rõ những cụm từ này:

Định

Định tướng

Định tư cụ

Định tu tập

Như trong đoạn kinh Nguyên Thủy này Ni Sư Dhammadinna đã trả lời ngắn gọn, nhưng rất đầy đủ cho những ai muốn

tìm hiểu thiền định của Phật giáo. Vậy nghĩa lý của những cụm từ trên đây là gì?

1- Định là nhất tâm. Vậy nhất tâm là gì? Từ xưa đến nay nhiều người chưa biết thiền định nên họ đều nghĩ nhất tâm là tâm không có vọng tưởng hay nói cách khác là tâm không có niệm khởi, “*Chẳng niệm thiện niệm ác*” hoặc “*Thất nhật nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu A Di Đà Phật*”. Định nghĩa nhất tâm như vậy là các bạn đều nhai lại bã mía của Đại Thừa và các giáo phái Bà La Môn.

Chữ nhất tâm của Ni Sư Dhammadinna quá ngắn gọn làm cho người ta không hiểu rõ. Định là nhất tâm. Thì họ lại càng điên đầu suy diễn theo định kiến của mỗi kiến giải, càng suy diễn theo tưởng giải khiến cho người ta lại không hiểu định là gì nữa.

Thậm chí các nhà khoa học đem máy móc ra đo để tìm hiểu những người nhập định, thấy bộ óc có sự rung động thay đổi hoặc ngưng một vài bộ phận nào trên não là vội kết luận cho những người này nhập định.

Kính thưa các bạn! Các bạn nên biết: Định mà các Sư Thầy đã nhập đó là một loại thiền định tưởng như đã nói ở trên, do ức chế ý thức để tưởng thức hoạt động. Cho nên máy móc các nhà khoa học đo đạc cho biết trên bộ óc có phần bị ức chế, có phần hưng phấn. Nhưng những loại định này là thiền định của ngoại đạo, chứ không phải là thiền định của Phật giáo. Muốn định nghĩa chữ “định” theo nghĩa của ngoại đạo chứ nghĩa của Phật giáo thì định là chỗ tâm bất động trước các pháp ác và các cảm thọ. Định của Phật còn có tên là bất động tâm, còn có tên là vô tướng tâm tức không có ba tướng làm tâm động, đó là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Cho nên chữ nhất tâm của Ni Sư Dhammadinna có nghĩa là bất động tâm, chứ không phải chỗ tâm không niệm khởi, chỗ tâm không vọng tưởng.

Các bạn có bao giờ nghe Phật dạy: “*giới sinh định*” chưa? Giới là pháp môn ly dục ly ác pháp, vì thế khi tâm ly dục ly ác pháp thì tâm nhập Bất Động Tâm Định. Bất Động Tâm Định không phải chỉ biết hít vô thở ra không có vọng tưởng. Các bạn hiểu như vậy là các bạn hiểu sai lạc.

Chỗ ly dục ly ác pháp là chỗ tâm bất động, chứ không phải chỗ hơi thở ra vào.

Khi tâm bất động tâm định trên thân hành tức là thân động dụng chỗ nào là tâm biết ngay chỗ ấy như hơi thở ra vô, chứ không phải như người tu theo pháp Hơi Thở dùng hơi thở để tập trung tâm, chế ngự tâm, ức chế tâm, nhiếp phục tâm, làm cho tâm không khởi niệm. Đó là một sự hiểu sai lầm. Do sự hiểu sai lầm thành ra tu sai lầm cho nên, định là do sống không làm khổ mình khổ người có nghĩa là sống mà không tham sân si, mạn, nghi là định. Người sống giới luật nghiêm chỉnh không hề vi phạm những lỗi nhỏ nhặt nào, thì người ấy nhập định. Do đó mà Ni Sư Dhammadinna xác định, định tướng là Tứ Niệm Xứ.

Kính thưa các bạn! Tứ Niệm Xứ là một trạng thái tâm thanh thản, an lạc và vô sự đó là tướng của định bất động tâm như Ni Sư nói: “*Bốn Niệm Xứ là định tướng*” Như vậy kinh sách Nguyên Thủy đã xác định rõ ràng về thiền định. Vậy ai nói sai hoặc kinh sách nào nói không đúng định tướng của Phật là kinh sách và người nói ấy đã nói về thiền định của ngoại đạo, chứ không phải nói về thiền của Phật giáo.

Ông Visakha hỏi: “Tu thiền định là pháp môn nào?”

Ni sư Dhammadinna đáp: “Bốn chánh cần là định tư cụ”

Tứ chánh cần là định tư cụ tức là phương pháp dùng để tu tập thiền định. Như vậy rõ ràng tu tập thiền định là ngăn ác diệt ác pháp, sinh thiện tăng trưởng thiện pháp chứ không phải tu thiền định là ngồi kiết già, lưng thẳng, hít vô thở ra,

tập trung tâm ở tại mũi, ở trán, ở bụng phình xẹp, hay ở đan điền v.v... Người tu tập phải hết sức cố gắng tập trung tâm như vậy, làm cho vọng tưởng không sanh khởi. Vọng tưởng không sanh khởi, họ cho đó là tu thiền, nhập định. Tu thiền, nhập định như vậy là sai không đúng thiền của Phật giáo như Ni sư Dhammadinna dạy: “*Bốn chánh cần là định tư cụ*”.

Ở đây chúng tôi xin nói với các bạn: Nếu cứ tập trung hít thở thì “*Đó là loại thiền định tưởng của ngoại đạo, tu như vậy chẳng có ích lợi gì. Tâm tham, sân, si của các bạn vẫn còn nguyên, cho nên các bạn không làm chủ bốn sự đau khổ: Sanh, già, bệnh, chết và không chấm dứt tái sinh luân hồi*”.

Kính thưa các bạn! Các bạn có biết phương pháp tu tập Tứ Chánh Cần chưa? Đó là phương pháp ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp mà các bạn phải tu tập trong bốn oai nghi, đi, đứng, nằm, ngồi, để xả tâm ly dục ly ác pháp và từ bỏ từ niệm tham, sân, si, mạn, nghi chứ không phải ngồi kiết già cho hết niệm khởi, cho nên khi nào tâm các bạn hết tham, sân, si, là các bạn nhập định. Các bạn có biết chưa?

Như vậy các bạn đã hiểu định là tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ. Cho nên Ni Sư Dhammadinna dạy: “*Định tưởng là Tứ Niệm Xứ*” tức là tâm thanh thân, an lạc và vô sự. Còn pháp tu tập thiền định thì hằng ngày thì Ni Sư Dhammadinna dạy: “*Sự luyện tập, sự tu tập, sự tái tu tập của những pháp ấy là định tu tập ở đây vậy*” Các bạn có nghe lời dạy này không? Hằng ngày luyện tập, tu tập, tái tu tập ngăn ác diệt ác pháp sinh thiện tăng trưởng thiện pháp là các bạn đã tu tập thiền định của Phật giáo, chứ không phải ngồi kiết già lưng thẳng, hít thở hoặc giữ tâm không vọng tưởng v.v...

Xét qua trong kinh sách Nguyên Thủy, các bạn mới thấy kinh sách Đại Thừa và Thiên Đông Độ dạy tu thiền không giống như Phật dạy. Có đúng như vậy không các bạn?

Vậy mà các Tổ Sư Đại Thừa bảo rằng: Kinh sách Đại Thừa do Phật thuyết, thật là oan cho đức Phật. Đức Phật không dạy mà các Tổ gán cho mình dạy những pháp thiên định tu tập điên khùng khiến cho những người có nhiệt tâm tu hành thành bệnh thần kinh; khiến cho những người có lòng tin Phật pháp trở thành những người mê tín dị đoan; khiến cho những người có lòng tin Phật pháp trở thành những người tin mù quáng. Thật đáng thương!

Đại Thừa còn gạt người: “Người nào tu thiên khi chết để lại xá lợi rất nhiều. Đó là mảnh khoé lừa đảo người tu hành, khiến cho người ta nghĩ sai về Phật giáo.

Với thân tứ đại duyên hợp bất tịnh này là vô thường, có gì quan trọng, khi chết sẽ thành cát bụi, còn có gì quý báu ở đâu, thế mà lừa đảo để làm tiền thiên hạ thật là một hành động đáng chê trách.

Tóm lại, khi tin theo một tôn giáo nào thì các bạn phải xem xét cho thật kỹ, tôn giáo ấy có phải là một chân lí không?

Kính thưa các bạn! Chân lí là một sự thật mà mọi người ai cũng phải nhận ra được. Nếu một tôn giáo không phải là sự thật mà là một ảo tưởng thì xin các bạn hãy tránh xa, nếu các bạn tin thì đó là các bạn tin mù quáng, các bạn sẽ trở thành những người mê tín, lạc hậu v.v... Vì đó là một tôn giáo lừa đảo, chẳng có lợi ích gì cho các bạn về trí tuệ nhân quả, hay về sự giải thoát bốn nỗi khổ: Sanh, già, bệnh chết.

Trên đời này các tôn giáo thường hay lừa đảo con người bằng Thánh khải, cơ bút giáng v.v...hoặc tạo ra những thần thông tưởng, nói chuyện quá khứ vị lai, trị bệnh bằng nhân điện, khí công, bùa chú, từ trường tưởng Yoga v.v...Các bạn đừng vội tin vì tất cả những hiện tượng nó không phải là chân lí, nó lưu xuất từ tưởng uẩn của các bạn.

THẮNG TRÍ ĐOẠN TRỪ SẮC, THÂN TỨ ĐẠI LÀ VÀO CỨU CẢNH

LỜI PHÁT DẠY

“Nhưng này Aggivessana, thân này có sắc, do 4 đại thành, do cha mẹ sinh ra, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường biến hoại, phân toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, cần phải được quan sát, là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã. Khi vị ấy quán sát thân này là vô thường, là khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã; thời thân: Thân dục, thân ái, thân phục tùng được đoạn trừ, đoạn diệt”. (kinh Trung Bộ tập II trang 350 kinh Trường Trảo).

CHÚ GIẢI:

Theo chúng tôi nghĩ: Tu theo Phật giáo không phải khó, cũng không phải tu tập cái gì nhiều, nhưng cũng không dễ đẩy các bạn ạ! Nếu các bạn không siêng năng chịu khó tu tập thì tu tập chẳng có kết quả gì.

Kính thưa các bạn! Chỉ cần các bạn chịu khó một chút tư duy suy nghĩ cho thấu suốt lý chân thật của các pháp là chúng ta đã giải thoát ngay liền.

Như trong kinh Trường Trảo dạy: Quán sát thân tứ đại để thấu suốt lý vô thường, vô ngã của nó; để thấu suốt lý khổ đau nhân quả của nó. Vậy dựa vào bài kinh này chúng ta có thể quán xét thân nhân quả: “Thân này được sinh do vô minh của cha mẹ đắm chìm trong sắc dục nên mới giao hợp tạo duyên cho 4 đại: Đất nước gió lửa kết hợp lại cùng với các từ trường của nghiệp nhân quả tạo thành thân ngũ uẩn. Trong thân ngũ uẩn có phần thân tứ đại. Thân tứ đại này khi

sinh ra được mẹ nuôi dưỡng bằng sữa của mẹ, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, lớn dần thay đổi nên gọi là vô thường, biến hoại phân toái và cuối cùng đoạn tuyệt, hoại diệt. Vì thân tứ đại vô thường nên thường khổ đau, như bệnh tật, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã. Khi quán xét rõ thấu lý như thật của thân tứ đại, không có gì là ta, là của ta là bản ngã của ta. Thì thân muốn gì ta không làm theo, thân gặp chướng ngại gì ta không sợ hãi, do đó dục và ác pháp đều bị đoạn diệt. Dục và ác pháp đã bị đoạn diệt là ta đã biết rõ: *“sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc làm đã làm xong, chỉ còn một đời này nữa mà thôi”*.

Kính thưa các bạn! Nếu các bạn chỉ cần quán sâu hiểu biết rõ thân tứ đại như vậy và thấu hiểu nhiều lý vô thường, khổ, vô ngã của nó như thật thì dục và ác pháp không còn tác động vào thân tâm các bạn được. Chỉ chừng đó tu tập thôi thì các bạn cũng đã giải thoát sinh tử luân hồi cần gì phải tu tập nữa. Phải không các bạn?

Bài kinh trên đây tuy ngắn, gọn, nhưng rất đầy đủ ý nghĩa tu hành giải thoát và chấm dứt luân hồi.

Thấy sự lợi ích rất lớn và mang lại một nền đạo đức nhân bản - nhân quả cho loài người, chúng tôi không ngại khó khăn, không sợ gian lao, không lo nguy hiểm nên chú giải những đoạn kinh này để làm sáng tỏ con đường tu hành của Phật giáo và dựng lại nền đạo đức nhân bản – nhân quả sống không làm khổ mình khổ người và khổ cả hai. Nhờ đó con cháu của chúng ta sau này không còn có một tôn giáo nào lừa đảo lường gạt nó được, hướng là kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông.

Đến đây chúng tôi ước nguyện những kinh sách này được phổ biến rộng rãi khắp nơi để mọi người sống có đạo đức,

biết đoàn kết, biết thương yêu nhau, biết tha thứ cho nhau để đem lại sự an vui và hạnh phúc cho nhau.

THĂNG TRÍ ĐOẠN TRỪ BA CẢM THỌ ĐI VÀO CỨU CẢNH.

LỜI PHÁT DẠY

“Này Aggivessana, có ba thọ này: Thọ lạc, thọ khổ, thọ bất lạc bất khổ. Này Aggivessana, trong khi cảm giác lạc thọ, chính khi ấy không cảm giác khổ thọ, không cảm giác bất lạc, bất khổ thọ, chỉ cảm giác lạc thọ mà thôi. Này Aggivessana, trong khi cảm giác khổ thọ thì không có hai cảm giác kia, này Aggivessana, trong khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ, chính khi ấy không có hai cảm giác kia, này Aggivessana, lạc thọ là vô thường, là hữu vi do duyên sanh, là đoạn diệt bị hủy hoại, bị suy tàn, bị tiêu diệt. Này Aggivessana khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ là vô thường, hữu vi do duyên sinh, bị đoạn diệt, bị hủy hoại bị suy tàn, bị tiêu diệt. Như vậy này Aggivessana, vị đa văn Thánh đệ tử yếm ly lạc thọ, yếm ly khổ thọ và yếm ly bất khổ bất lạc thọ. Do yếm ly vị ấy không có tham dục. Do không tham dục. Vị ấy được giải thoát”.

“Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: “Ta đã giải thoát” vị ấy biết: “Sanh đã diệt Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm. Sau thời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa”.

“Này Aggivessana, Tỳ kheo không nói thuận theo một ai, không tranh luận với một ai, chỉ nói theo từ ngữ đã được dùng ở đời không có chấp thủ”. (kinh Trung Bộ tập II trang 351 kinh Trường Trảo).

CHÚ GIẢI:

Đọc đoạn kinh này các bạn thấy rất rõ ràng đạo Phật dạy chúng ta tu tập ngay trên các đối tượng của nó tức là trên các cảm thọ. Như vậy các bạn đã biết rõ có 3 cảm thọ:

Thọ lạc.

Thọ khổ.

Thọ bất lạc bất khổ.

Ba cảm thọ này cần phải quán xét kỹ lưỡng để thấu rõ chúng là các pháp hữu vi do duyên sanh mà có, nên bản chất vô thường, bị đoạn diệt, bị tiêu diệt. Khi hiểu rõ lạc thọ như thật thì các bạn không còn sợ hãi và lo lắng khi chúng đến thăm các bạn. Nhưng muốn giữ tâm bất động với chúng không phải dễ đâu. Dù các bạn đã hiểu biết chúng như thật, nhưng khi chúng đến viếng thăm các bạn thì thọ lạc sẽ cám dỗ khiến các bạn khó dừng lại được tâm tham đắm. Nên đức Phật dạy: *“Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỳ kheo xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông như sắc người đàn bà.”*

Bởi vì dục lạc người đàn ông và người đàn bà tạo ra thọ lạc làm cho họ không bỏ được, không quên được, đó là thọ lạc. Còn thọ khổ thì sao?

Kính thưa các bạn! Thọ lạc thì ai cũng thích, nhưng đến thọ khổ thì mọi người ai cũng sợ. Khi một cơn đau như dao cắt ruột thì ai cũng rên la, kêu khóc. Muốn bất động tâm được các cảm thọ khổ này thì các bạn phải nhiếp tâm và an trú cho được trạng thái thân tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ. Do nhiếp tâm và an trú như vậy các bạn mới bất động tâm được.

Đây, các bạn hãy lắng nghe đức Phật dạy tiếp: *“Thật vậy, này Aggivessana, vị đa văn Thánh đệ tử yểm ly lạc thọ, yểm ly khổ thọ, yểm ly bất lạc bất thọ khổ, do yểm ly vị ấy không có tham dục. Do không tham dục vị ấy được giải thoát.”*

Kính thưa các bạn! Đoạn kinh này rất khó hiểu là hai danh từ yếm ly. Vậy yếm ly nghĩa là gì?

Chữ yếm ở đây có nghĩa là ếm hay ếm, làm cho không ngóc đầu dậy. Như yếm bùa, yếm chú, ếm tà, ếm ma v.v...

Yếm ly các cảm thọ nghĩa là làm không cho các cảm thọ tác động vào thân tâm được. Vậy làm cho các thọ không còn tác động vào thân tâm được, là phải làm sao?

Muốn yếm ly các thọ, các bạn nhiếp tâm và an trú tâm vào thân hành nội hay thân hành ngoại.

Khi nói đến hai chữ yếm ly thì các bạn nhớ đến Định Niệm Hoi Thở: *“An tịnh thân hành tôi biết tôi hút vô, An tịnh thân hành tôi biết tôi thở ra”*. Đó là phương pháp yếm ly các cảm thọ tuyệt vời.

Khi các bạn yếm ly được các cảm thọ tức là các bạn làm chủ được các cảm thọ. Khi làm chủ được các cảm thọ thì tham dục bị diệt trừ, do tham dục được diệt trừ thì các bạn đã được giải thoát.

Chúng tôi xin nhắc lại để các bạn rõ người ngộ được 12 nhân duyên là bậc duyên giác, người này tu tập ngay trên các cảm thọ. Theo kinh Thập Nhị Nhân duyên thì thọ sinh ra ái dục. Do muốn bẻ gãy ái dục thì nên yếm ly ba thọ. Muốn yếm ly ba thọ thì Định Niệm Hoi Thở phải tu tập nhiếp phục và an trú tâm cho được nhuần nhuyễn trong hơi thở.

Như vậy bài kinh này dạy các bạn chỉ cần tu có một pháp để diệt trừ tâm tham dục. Một pháp để diệt trừ tâm tham dục, đó là pháp môn yếm ly ba thọ. Khi yếm ly ba thọ được thì tham dục đoạn diệt. Tham dục đoạn diệt là tự thân đã giải thoát và giải thoát hoàn toàn nên đức phật dạy: *“Do yếm ly các thọ, vị ấy không có tham dục, do không có tham dục vị ấy được giải thoát. Đối với tự thân đã được giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: “Ta đã giải thoát”* vị ấy biết *“Sanh đã*

diệt Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm. Sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa”.

Kính thưa các bạn! Người tu theo Phật giáo đến đây là tu xong, không còn tu tập gì nữa cả.

Đọc đoạn kinh này các bạn thấy sự tu tập của Phật giáo rất đơn giản. Chỉ cần có sự quyết tâm muốn tìm đường ra khỏi cuộc đời đầy ô trược và ác pháp; đầy khổ đau và phiền toái, thì nỗ lực tu tập cho đạt được chân lí, nhiếp tâm và an trú tâm cho được trong thân hành niệm nội hay ngoại. Đó là những pháp yếm ly các thọ. Vậy các bạn hãy cố gắng, con đường tu tập không có khó khăn, nó đang chờ đợi sự quyết định và nhiệt tâm của các bạn.

Phật pháp là một sự thật, sự thật trong đời sống của các bạn. Nó giúp cho các bạn vượt qua bao nhiêu sự khổ đau của cuộc đời mình; nó giúp cho các bạn trở thành một con người toàn thiện, sống đầy đủ đạo đức làm người làm Thánh.

Rất mong thay! Các bạn hãy tìm về nơi đạo đức nhân bản - nhân quả, nơi ấy là ngôi nhà an trú vĩnh viễn của các bạn.

Vì yếm ly các thọ là một hành động đạo đức tự thân tâm của các bạn. Nó sẽ làm hết khổ cho các bạn và những người khác. Biến cuộc sống của mọi người trên hành tinh này trở thành cõi Cực Lạc, Thiên Đàng. Vậy chúc các bạn thành công

ĐẠO VÀ ĐỜI

Muốn thành tựu được lòng tin tịnh tín sâu sắc, quý vị phải suy nghĩ cho kỹ và so sánh giữa cuộc sống "Đời" và cuộc sống "Đạo". Đời có cuộc sống theo Đời, Đạo có cuộc sống theo Đạo.

Sự sống theo Đạo là đi ngược lại sự sống theo Đời, Đạo thì buông xả ra, Đời thì ôm lấy vào, cho nên quý vị đừng tưởng cuộc sống Đời và cuộc sống Đạo giống nhau.

Không! Hoàn toàn không! Không giống nhau một chút nào cả. Người tu sĩ Đạo Phật có cuộc sống như thế gian, nghĩa là có vợ, có con, sống chạy theo danh lợi, ăn ngủ phi thời, là những người cư sĩ trọc đầu, chứ không phải là một vị Tỳ kheo xuất gia đệ tử của Đức Phật, họ diệt Phật Giáo chết cũng giống như trùng trong lòng sư tử sẽ diệt sư tử .

Người tu sĩ Phật Giáo sống như người thế gian ăn ngủ phi thời, không buông xả vật chất, tâm dễ dính mắc sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Ngũ triền cái luôn luôn che mờ trí tuệ họ, Thất kiết sử thường trói buộc như dây xích sắt khiến họ khó vẫy vùng, nên họ đã trở thành Ma Ba Tuần.

Vì thế, làm sao sống đúng Phạm hạnh, ly dục ly ác pháp được?. Làm sao nhập Tứ Thánh Định, làm chủ sanh tử, chấm dứt luân hồi được?. Làm sao nhập Định Vô Lậu xả tâm diệt ngã chấm dứt khổ đau?. Làm sao nhập Định Bất Động Tâm sông thanh thân an lạc và vô sự?.

Nếu một người tu sĩ mà còn có lối sống như thế gian thì không thể nào tu hành theo Đạo Phật được, đó là những kẻ mượn chiếc áo Phật Giáo tìm miếng cơm để sống, sống như vậy là sống một cách hèn hạ, chỉ biết lừa đảo tín đồ mê muội để sống bằng mồ hôi nước mắt của người khác, thật là đáng khinh bỉ.

Có người lầm hiểu Đạo Phật cho rằng, chỉ cần biết được pháp môn tu tập, chớ không phải do sự sống đúng Phạm hạnh. Hiểu như vậy là hiểu sai, hiểu như vậy có nghĩa là sự sống và sự tu tập là hai lối khác nhau: Niệm Phật, tụng kinh, bái sám, niệm chú, ngồi Thiền trước điện Phật có ăn nhập gì vào cuộc sống đâu?. Đó là, cái hiểu về tu hành nông cạn, của

những người tâm còn tham đắm quá nhiều vật chất, đòi không muốn bỏ mà đạo lại muốn thêm.

Đạo Phật vốn tu nghĩa là sống, sống biết sửa sai, sửa quấy những lỗi lầm, biết ngăn chặn không làm những điều ác, biết xa lìa mọi cám dỗ vật chất thế gian, biết tiết độ trong ăn uống ngủ nghỉ. Biết thiếu dục tri túc đối với đời sống, biết phòng hộ mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý của mình, biết giữ chánh niệm để tâm được thanh thản, an lạc và vô sự.

Lấy cuộc sống Đạo của những bậc chân tu đem so sánh với cuộc sống người thế gian, bên nào khổ, bên nào thoát khổ.

Khi đã so sánh như vậy, ta mới thấy đời sống con người thật khổ, khổ như thật, đời sống xuất gia tu hành phóng khoáng như hư không, không gì trói buộc được, không gì làm động đến tâm họ được.

Khi đã thấu rõ cả hai cuộc sống ta mới quyết định chọn một trong hai con đường này. Nếu không so sánh, không thể thấu rõ, mà vội vàng chọn lấy con đường tu thì e rằng chúng ta nông nổi bùng bột đến chừng vào Đạo đã trở thành một tu sĩ thì chừng đó tiến thoái lưỡng nan.

Đời sống Đạo rất khó, không phải dễ như mọi người lầm tưởng. Rồi đây, cuộc sống Đạo chẳng ra Đạo, Đời chẳng ra Đời, chết cũng dở, sống cũng dở.

Lấy cuộc sống của mọi người mà suy ngẫm cuộc sống của mình. Đời sống trong gia đình đầy rẫy những phiền phức, biết bao dây mơ rễ má trói buộc, biết bao nhiêu vật chất cám dỗ và lôi cuốn vào đường tội ác. Đường đời đầy dẫy ô nhiễm và ứ trệ, biết bao chông gai và hố thẳm của ác pháp đang chờ đón, càng suy ngẫm chúng ta mới thấy rằng, đời sống con người sinh ra là để khổ, khổ thật.

Chúng ta mới lớn lên chưa lập gia đình, đời còn tươi đẹp giống như một giấc mơ, ăn rồi đi học, chẳng lo nghĩ gì hết, đói no có cha mẹ lo, đến khi lớn lên một chút, biết ham muốn, biết xài tiền, biết ăn chơi vui đùa, chớ chưa biết khổ là gì nên thường rủ rê bạn bè uống rượu, cờ bạc rồi đánh nhau, hoặc đua xe gắn máy, gây tai nạn giao thông, gãy chân, gãy tay, có khi mất mạng. Bây giờ, mới thấy khổ nhưng cái khổ đó có thấm vào đâu.

Đến khi lập gia đình, chừng đó mới thấy cái khổ của đời sống con người: Vợ con, tiền bạc, nhà cửa và những vật dụng tiêu thụ hàng ngày.

Khi cha mẹ còn sống, có thiếu hụt cái gì thì ông bà giúp đỡ cho, đến khi cha mẹ mất, chẳng còn ai giúp đỡ, tự mình phải lo lấy cuộc sống của mình, trên vai chất gánh nặng phải lo toan đủ thứ, thế mà vợ con đâu biết, nên đâu phải lúc nào cũng ngọt ngào với mình, vợ con cũng phải có những tư tưởng riêng, lối sống ưa thích riêng do những đặc trưng riêng biệt, mình cũng vậy. Cho nên, sống với nhau đâu phải lúc nào cũng hợp nhau được.

Do sự khác biệt đó, nên trong nhà thường có sự lục đục, rằ rà trái ý nhau, làm cho tâm mình bất toại nguyện, phiền não, chớ đâu phải sung sướng gì. Nếu không nhẫn nhục, tùy thuận với nhau thì gia đình là một địa ngục tại trần gian, càng tư duy suy nghĩ, ta càng thấy đời sống khổ đau, quá khổ, không có gì là hạnh phúc nhưng nó lại trói buộc chặt hơn bất cứ một thứ gì. Chẳng hạn, đang sống chung với nhau có một người chết, thử hỏi những người còn sống có buồn khổ không?. Chắc chắn, không ai là không đau khổ. Hai vợ chồng ngồi trong mâm cơm vừa ăn vừa nói chuyện hàng xóm, rốt cuộc gây gổ nhau thì thử hỏi có vui sướng gì không?. Thấy thế, đời sống có vui sướng gì?. Hai vợ chồng sống chung với nhau không tiền không bạc, vợ thì ham muốn cái này cái kia,

do đó vợ chồng cãi cọ hờn giận nhau, thế mới biết đời khổ, khổ mọi điều, nhưng ở đời người ta đâu biết, đâu thấy cái khổ đó, người ta chỉ thấy cái ảo ảnh bề ngoài tưởng là hạnh phúc như đôi vợ chồng trẻ ngồi trên chiếc xe hơi bóng loáng, hoặc trên chiếc xe Honda, hình ảnh này thật là hạnh phúc nhưng lòng dạ họ đang khổ nào ai biết. Một người nghèo nói: "Tôi nghèo không có cơm ăn áo mặc, tôi quá khổ", nhưng người giàu có lại nói: "Tôi có tiền có bạc, tôi lại còn khổ hơn nữa, tôi ngủ không yên sợ trộm cắp". Đó là, mọi thứ khổ đau ưu não của cuộc đời.

Ở gần nhau con gà, con vịt, con chó, con heo qua lại đã xảy ra những trận gây gổ, làm náo loạn cả xóm làng, con cái chơi giỡn với nhau, vì bệnh con đã xảy ra chuyện lớn, kẻ đi tù, người nằm nhà thương còn hai gia đình thì hận nhau mãi, chuyện nhỏ mọn lật vạt đó, đã khiến cho đời người bất an, bất toại nguyện.

Nhìn lại, đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không, không có một vật gì trói buộc, không có một hoàn cảnh nào làm dao động tâm, tâm hồn rộng lớn như đất trời, bao dung tất cả mọi thứ, dơ xấu bất tịnh cũng chẳng buồn, tốt đẹp quý báu như vàng bạc ngọc ngà cũng chẳng mừng vui.

Bởi vậy, thật khó cho những người còn sống ở trong gia đình không thể thực hiện sống theo pháp hạnh đầy đủ hoàn toàn, trắng bạch như vỏ ốc của những người xuất gia.

Đem so sánh giữa hai đời sống thế gian và xuất thế gian. Đời sống thế gian suốt đời nô lệ cho vật chất, đời sống xuất thế gian hoàn toàn cởi bỏ ách nô lệ vật chất, vì thế nên không còn một vật gì hết, chỉ còn ba y một bát, tối ngủ yên giấc, không sợ trộm cắp gì cả, không sợ hư hao gì hết, bởi vì còn có gì nữa đâu mà hư hao, nhà cửa cũng không, gia đình cũng không, lấy gì mà sợ vợ đối con khát. Cuộc sống người xuất gia là như vậy nên tâm hồn an vui thanh thản và hoàn toàn

hạnh phúc., tâm hồn trong trắng như vỏ ốc, không có vật gì làm hoen ố, ác pháp không làm dao động được tâm.

Họ sống độc cư, độc bộ, độc hành nhưng lại biết hòa mình trong mọi cuộc sống của người khác bằng đức nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng.

Từ chiếc áo của người cư sĩ chúng ta đem so sánh với chiếc áo của người xuất gia, ta nhận xét, người cư sĩ tu theo Đạo Phật hoàn toàn khó giải thoát như người xuất gia, chỉ giải quyết được cuộc sống bằng Thiện pháp và không thể thực hiện được sự làm chủ sống chết bằng Thiên định.

Khi quán triệt cuộc sống Đời và Đạo, ta mới thấu rõ người tu sĩ Đạo Phật không thể sống theo dục lạc thế gian, không thể sống có vật chất tài sản được phải xa lìa viễn ly tất cả, buông bỏ xuống hết, không chùa to tháp lớn, không ti-vi, tủ lạnh, không xe hơi, xe cúp, không điện thoại di động v.v... sống đời thiểu dục tri túc, ba y một bát, hằng ngày sống một bữa ăn, không ăn uống lặt vặt phi thời, đi khát thực nuôi thân, chẳng thân chẳng sơ với ai, chẳng tiền chẳng bạc, chẳng danh chẳng lợi, ai hỏi Đạo thì chỉ thẳng, chẳng nói, chẳng dạy điều mê tín gạt người.

Vì thế, cuộc sống Đời và cuộc sống Đạo không thể giống nhau được, giống nhau thì không phải Đạo.

Ở đây, trong tu viện có tu sĩ và cũng có cư sĩ, nam có, nữ có nhưng sự cân nhắc tu hành quả thật chỉ có buông bỏ mà quý vị chưa hoàn toàn buông bỏ sạch trong. Chúng tôi biết rất rõ quý vị nghe chúng tôi giảng để hiểu biết, chớ sự thật tu hành để giải thoát cảnh trần lao đau khổ thì quý vị không đủ ý chí cương quyết và khả năng hành trì được. Người có quyết tâm đi tìm sự giải thoát thì phải gan dạ, gọt bỏ râu tóc, mặc y áo xấu xa, cắt đứt dây mơ rễ má tình cảm với gia đình, cha mẹ, anh em chị em ruột thịt, vợ con và người thân quyến thuộc,

lại còn phải bỏ tất cả tài sản của cải châu báu vàng bạc. Có đoạn dứt được như vậy, thì con đường Thiên định của Đạo Phật mới tu tập được, có tu tập được Thiên định (Tứ Thánh Hiện Tại An Lạc Trú Định) thì mới làm chủ được sự sống chết, mới tịnh chỉ được các hành trong thân. Sự tu hành này, nó không đơn giản mà phải tu tập hết sức. Các Thầy phải tự suy nghĩ, các hành đang hoạt động trong thân của chúng ta như: Tim đập, gan, phèo, phổi, thần kinh đang hoạt động không ngừng nghỉ, hơi thở đang ra vô tự động, da đang bài tiết. Tất cả, những sinh hoạt này đang tạo ra một sức sống cho thân mạng chúng ta. Thế mà, tu tập Bốn Thánh Định chúng ta điều khiển làm cho nó ngưng hoạt động, thì đây không phải là một việc dễ làm, nếu tâm của chúng ta chưa thanh tịnh, chưa ly dục ly ác pháp, còn thương, còn ghét, còn giận, còn hờn, còn tham muốn vật này vật khác, chưa đoạn lìa tình cảm thế gian thì chắc chắn quý Thầy không thể thực hiện được, không thể làm chuyện vĩ đại này được.

Giáo lý của Đức Phật đã vạch ra con đường tu hành rất rõ ràng, lấy nhân quả làm nòng cốt đối tượng cho sự tu tập, vì thế thay đổi nghề nghiệp ác là hành động đầu tiên trau dồi thân tâm thiện (Chánh Nghiệp) kế đến, chúng ta lần lượt tu tập những hạnh bố thí cúng dường, để xả bỏ lòng ích kỷ hẹp hòi, để xa lìa lòng ham muốn nhiều của mình và hàng ngày còn trau dồi đức nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng trong mỗi đối tượng, mỗi hoàn cảnh, mọi sự việc. Chính những sự tu tập này, đã mang đến cho quý vị và gia đình một sự an vui hạnh phúc tuyệt vời.

Người cư sĩ chỉ cần tu tập bấy nhiêu đây, cũng đủ đem lại một cuộc sống an lành hạnh phúc mà hầu hết mọi người trên thế gian này đều mơ ước, chỉ có những người chưa biết an phận thì con đường tu tập này không phù hợp.

Nếu không có Đạo Phật chỉ đường vạch lối giải thoát cho loài người thì loài người đi tìm hạnh phúc trong ảo tưởng, đó chỉ là một giấc mơ đẹp mà thôi.

Ở đây, chúng tôi xin lưu ý các bạn: Đòi và Đạo không thể đi chung nhau một đường, mà hai nẻo rõ ràng. Đòi là đau khổ, Đạo là giải thoát; Đòi thì ôm vào tất cả, Đạo thì buông ra chẳng còn một vật. Vì thế, mà các bạn quan sát biết rõ người tu đúng và người tu sai, người nào tu theo đúng chánh pháp của Đạo Phật; người nào tu sai lạc vào tà pháp của ngoại đạo, thì các bạn không còn lầm người. Đó là, Đạo và Đòi đã xác định rõ như vậy.

LÚC NÀO HƠI THỞ TỊNH CHỈ ?

Hỏi: Kính thưa Thầy, chỉ khi nào, con buông xả sạch và không còn dính mắc, tâm con đã thanh tịnh, lúc bấy giờ hơi thở mới tịnh chỉ phải không thưa Thầy?.

Đáp: Đúng vậy, chỉ khi nào tâm con buông xả sạch và không còn phóng tâm theo các pháp, lúc bấy giờ hơi thở mới thật sự tịnh chỉ, không còn bị tưởng thức che ngăn.

Hơi thở tịnh chỉ không phải khó, khó là ở chỗ tâm thanh tịnh, cho nên sự tu tập của Đạo Phật là chỗ có giới luật, chỗ có giới luật là chỗ rất khó giữ. Vì thế, hiện giờ tu sĩ Phật Giáo đều rơi rớt ở giới luật, mọi tu sĩ hầu hết đều phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới v.v...

Gới luật giúp tâm chúng ta thanh tịnh tức là giới luật giúp chúng ta ly dục ly ác pháp.

Con người sanh ra ở chỗ dục nên sống trong dục, làm việc gì cũng dục mà ở đâu có dục là ở đó có ác pháp, ở đâu có ác pháp là ở đó có đau khổ.

Mục đích của Đạo Phật không phải nhắm vào chỗ hơi thở tịnh chỉ mà nhắm vào chỗ tâm bất động, chỗ tâm bất động là chỗ ly dục ly ác pháp, chỗ ly dục ly ác pháp là chỗ giới luật của Đức Phật; chỗ giới luật không phải là giới cấm mà là chỗ đức hạnh làm Người, không làm khổ mình khổ người và chỗ đức hạnh làm Thánh Nhân, sống một đời sống không còn ràng buộc thất kiết sử và không bị ngăn che bởi ngũ triền cái. Chỗ tâm bất động này, là chỗ để quý vị tịnh chỉ các hành trong thân, nếu tâm quý vị chưa bất động thì dù quý vị có muốn tịnh chỉ tâm tứ còn không được thay hướng là quý vị tịnh chỉ hơi thở.

Bởi vì, quý vị chưa tịnh chỉ lòng ham muốn và chướng ngại pháp trong tâm thì làm sao quý vị tịnh chỉ được hơi thở, đó là một sự việc rất rõ ràng, nếu quý vị không lo tịnh chỉ các chướng ngại pháp trong tâm, mà lo tịnh chỉ hơi thở thì đó là một việc làm hoài công vô ích .

Tịnh chỉ dục và ác pháp rất dễ, chỉ cần có nhiệt tâm, nhiệt huyết là quý vị tịnh chỉ ngay liền.

Như quý vị đã biết lòng ham muốn và ác pháp là những sự việc sẽ đem đến cho quý vị khổ đau. Khổ đau là quý vị không bao giờ ưa thích và khi gặp nó quý vị sợ hãi và chán chường. Thế biết như vậy, cố sao quý vị không nhiệt tâm dứt bỏ nó. Quý vị ăn cơm để sống, chớ đâu phải hút thuốc lá, uống rượu, cà phê, thuốc phiện mà quý vị sống. Tại sao quý vị không tịnh chỉ được nó, để thọ chịu sự khổ vì nó.

Mục đích của Đạo Phật, là ở chỗ tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ, chứ không phải ở chỗ tịnh chỉ hơi thở hay thần thông phép tắc, biến hóa tàng hình, kêu mây gọi gió v.v...

Vì những thần thông phép tắc ngoại đạo đều tu tập có được, cũng như tịnh chỉ hơi thở như quý vị đều biết, có những tu sĩ

Yoga họ tịnh chỉ được hơi thở, nhưng không tịnh chỉ được lòng ham muốn và ác pháp, mặc dù đem chôn họ trong đất, chìm trong nước họ đều không chết, nhưng tâm họ vẫn còn động trong danh lợi.

Tại sao chúng ta biết được? Tại vì, họ đã biểu diễn những thần thông đó, cho mọi người xem, khiến cho con người trên thế giới mê mết vì những thần thông, do đó nên chúng ta biết tâm họ lòng tham và ác pháp còn.

Đạo Phật vốn ra đời là giúp cho con người thoát khổ, chứ không phải ra đời để biểu diễn những trò ảo thuật huyền hóa để lừa đảo những người khác.

Cho nên, sự tịnh chỉ lòng ham muốn và các ác pháp rất cần thiết để cho con người sống không làm khổ mình khổ người, mà đã không làm khổ mình khổ người thì không phải là tâm bất động sao?. Thì không phải là sự lợi ích lớn cho cá nhân và xã hội sao?. Còn thần thông có lợi ích gì chỉ là một trò ảo thuật mua vui giải trí cho thiên hạ mà thôi. Người mới bắt đầu tu theo Đạo Phật là phải tịnh chỉ thói hư tật xấu, không còn nữa. Chúng ta tiến lên một bước nữa là tịnh chỉ lòng ham muốn và các ác pháp.

Ví dụ: Ngày chúng ta ăn ba bữa, bây giờ chúng ta tu theo Phật Giáo chúng ta tịnh chỉ hai bữa còn chỉ ăn có một bữa. Và sự tịnh chỉ như vậy chúng ta có làm được không?.

Chắc chắn việc làm này ai cũng tịnh chỉ được.

Ví dụ, chúng ta nghiện thuốc lá, chúng ta tịnh chỉ không hút thuốc lá nữa có được không?.

Chắc chắn, việc làm này ai cũng làm được trừ ra, chúng ta không muốn tịnh chỉ hút thuốc lá, thì chúng ta phải nghiện mà thôi.

Bởi thế, trong sự tịnh chỉ không phải khó khăn trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta.

Bởi vì, chúng ta biết lòng ham muốn và các ác pháp là đau khổ, nên chúng ta có quyết tâm tịnh chỉ là chúng ta sẽ làm được ngay liền, chứ không phải chờ đợi một vài kiếp như kinh sách Đại Thừa dạy: “Tu hành phải vô lượng kiếp”.

Cũng như người nghiện rượu, biết rượu sẽ đem đến cho chúng ta nhiều sự đau khổ, do đó chỉ cần có sự quyết tâm là chúng ta tịnh chỉ không uống rượu nữa, chỉ có những người không biết rượu đem đến cho họ đau khổ, hoặc có những người biết rượu sẽ đem đến tai hại cho họ, nhưng họ là những người không biết dừng, là những người chai lỳ chấp nhận, chịu đựng sự đau khổ, họ là những người không có ý chí thoát khổ, họ là những tên nô lệ cho dục vọng chịu mọi sự đau khổ, họ là những kẻ nô lệ cho rượu, cho thuốc lá, cho cà-phê, cho thuốc phiện v.v... Họ là những kẻ ngu si, u tối suốt đời sống trong đêm tối của dục vọng, họ chỉ làm nô lệ cho vật chất, cho những thứ thuốc độc.

Bởi vậy, kẻ nào không tịnh chỉ lòng ham muốn, không ngăn và diệt các ác pháp, đó là những kẻ nô lệ cho ác pháp và lòng ham muốn của họ.

Vì lòng ham muốn và các ác pháp thường sai bảo, khiến cho đời sống của họ khổ sở, điêu đứng, có khi gần như chết, nhưng họ là những con trâu bị xỏ mũi bởi dục vọng nên không dám chống lại, chỉ an phận làm tôi tớ nô lệ cho nó. Vì thế, cuộc đời của họ phải chịu mọi sự khổ đau từ kiếp này sang kiếp khác.

Đạo Phật dạy chúng ta chiến đấu lại lòng ham muốn của mình, và ngăn diệt các ác pháp để chúng ta giải thoát khỏi kiếp đời nô lệ tối đời, chứ đâu phải dạy chúng ta những thần thông phép tặc, những trò ảo thuật để lừa đảo người khác.

Vì thần thông là những trò lừa đảo này đã có từ xưa, mà các tôn giáo khác đã từng dạy thiên hạ để lừa đảo mọi người, chứ nó có lợi ích gì đâu, cho kiếp sống của loài người.

Cũng như ngài Thiên tịnh chỉ hơi thở có ích lợi gì thiết thực cho cuộc sống chúng ta đâu, nó chỉ là một trò khiến cho người khác kính nể chơi chữ có nghĩa lý gì cho đời sống.

Cũng như các đạo sĩ Yoga đã biểu diễn thần thông làm cho người Tây phương mê mết, nhưng sự thật nó ích gì đâu cho kiếp sống làm người của họ của người khác. Họ phải bỏ ra cả cuộc đời tu tập quá vất vả và khổ sở, cuối cùng chỉ là một trò giải trí cho người khác như một trò xiếc mà thôi. (đìm trong nước chôn trong đất mà không chết).

Vì thế, khi Đức Phật còn sống Ngài không có chấp nhận thần thông. Ngài dạy: “Mục đích Đạo Phật không phải ở chỗ Giới luật, Thiên định, Tam minh mà ở chỗ bất động tâm trước các pháp và các cảm thọ”.

Cho nên, tịnh chỉ hơi thở là vấn đề phụ, chúng ta đừng nên quan tâm nó, mà hãy quan tâm đến tịnh chỉ lòng ham muốn và các ác pháp tức là ly dục ly ác pháp.

Vậy, con nên quan tâm điều này mà lo tu tập xả tâm, diệt ngã ly dục ly ác pháp để cứu mình ra khỏi nghiệp nhân quả thiện ác, đó mới chính là con đường tu theo Đạo Phật và chính là con đường giải thoát của con.

TRẠNG THÁI HƠI THỞ TRONG BÓN THIÊN

Hỏi: Kính bạch Thầy, xin Thầy giảng lại cho con hơi thở Sơ Thiên đến Tứ Thiên như thế nào?.

Đáp: Sơ Thiên, hơi thở bình thường như chúng ta thở sống hằng ngày.

Nhị Thiên, hơi thở chậm và nhẹ hơn hơi thở Sơ Thiên, do tâm tứ diệt, tạo nên một trạng thái an ổn thích tu (siêng năng), ưa ngồi.

Tam Thiên, hơi thở chậm và nhẹ hơn hơi thở Nhị Thiên do ly hỷ tưởng, người đang ở trong trạng thái này cảm giác như hơi thở gần như không, thở hơi thở nhẹ nhàng tự động ra vô.

Tứ Thiên, hơi thở tịnh chỉ, hoàn toàn không thấy hơi thở ra vô.

Hơi thở của Sơ Thiên, là hơi thở của tâm ly dục ly ác pháp. Ai là người, đã ly dục ly ác pháp thì mới nhận ra hơi thở này. Như chúng ta hiện giờ chưa có ai ly dục ly ác pháp, tâm còn đầy dẫy sự tham ưu, còn phiền não, đau khổ và còn lo sợ, giận hờn, thù oán thì làm sao nhận ra được hơi thở của Sơ Thiên.

Nói hơi thở của Sơ Thiên, là hơi thở bình thường là nói hơi thở giống như hơi thở bình thường chứ thực ra, nó không giống hơi thở bình thường, vì tâm chúng ta hiện giờ đâu có bình thường, lúc nào cũng lăng xăng loạn động, không nghĩ việc này thì lại nghĩ việc khác, cho nên trong kinh sách bảo tâm chúng ta, là tâm như con vượn, ý chúng ta là như con ngựa, như vậy chúng ta có hơi thở bình thường chăng? Tâm chưa bình thường thì làm sao hơi thở bình thường được.

Nhưng, chúng ta phải lưu ý khi tâm chúng ta bình thường là lúc thân tâm thanh thản, an lạc và vô sự. Lúc đó, là lúc hơi thở bình thường của tâm còn ham muốn và còn chướng ngại pháp (ác pháp) thì hơi thở có bình thường, nhưng bình thường của nó, mặc dù lúc đó tâm chúng ta chưa ly dục ly ác pháp hết, nhưng nó không có dục và ác pháp khởi lên nên được xem hơi thở lúc đó là bình thường.

Đến hơi thở của Nhị Thiên, thì không có một hơi thở nào so sánh, khó mà giúp cho con nhận ra, chỉ khi nào nhập vào Nhị

Thiền thì mới nhận ra và biết rõ ràng. Ở đây, Thầy chỉ trả lời hơi thở chậm và nhẹ hơn hơi thở nhập Sơ Thiền. Hơi thở Sơ Thiền, đã không biết thì làm sao biết được hơi thở Nhị Thiền, không khéo nghe Thầy nói hơi thở chậm và nhẹ, rồi các con tưởng ra hơi thở chậm nhẹ, do đó tưởng thức sẽ hiện tướng hơi thở đó thì các con đã lọt vào định tưởng, một loại định rất nguy hiểm. Khi đã rơi vào định này thì khó mà thoát khỏi tưởng pháp. Hầu hết, các nhà Đại Thừa và Thiền Đông Độ đều đã chết trong loại định tưởng này, và Kinh sách Đại Thừa để lại quá nhiều pháp hành về trạng thái tưởng pháp này.

Từ Nhị Thiền cho đến Tứ Thiền, khi nhận ra được hơi thở của nó, tức là nhận ra được trạng thái của Thiền định đó, cho nên ở đây, Thầy nói để cho chúng ta biết mức độ của hơi thở các loại Thiền định của Tứ Thánh Định, nhưng chúng ta đừng quan tâm đến nó, quan tâm đến nó tức là chúng ta sẽ rơi vào tưởng thức.

Hiện giờ, con nên nương vào hơi thở để tập tĩnh thức mà cố gắng xả tâm ly tham đoạn diệt khổ ưu, chừng nào tu tập đến đó thì chúng ta sẽ biết, còn hiện giờ muốn biết nó thì là một tai hại xảy đến không tốt cho đường tu tập của con.

Tu tập về hơi thở thì nên tu tập 18 đề mục Định Niệm Hơi Thở của Phật dạy, chứ đừng tu hơi thở theo pháp môn Lục Diệu của Ngài Trí Khải, nó không phải của Phật Giáo. Lục Diệu Pháp Môn là một loại Thiền tưởng của Trung Hoa và cũng đừng tu số tức quan vì nó, cũng là một loại Thiền ức chế tâm do các Tổ Đại Thừa chế ra.

Hơi thở rất khó tu, nếu tu không có người hướng dẫn sẽ sinh ra rối loạn hô hấp, rối loạn thần kinh. Cho nên, tu tập hơi thở phải dè dặt cẩn thận.

Tóm lại, hơi thở chỉ là một thân hành như các thân hành khác trong thân, cho nên tu hơi thở ra vô, cũng giống như tu cánh tay đưa ra vô vậy, chứ không có gì quan trọng lắm.

NĂNG KHIẾU

Hỏi: Kính thưa Thầy, qua gương hạnh đáng kính của Thầy, theo con nhận xét sự tu tập rèn luyện thân tâm không phải tầm thường. Một người tu đạt kết quả như vậy, Thầy phải có sẵn một cái tài hay một năng khiếu, một trí thông minh . . . nên con đường tu mau kết quả, có phải vậy không thưa Thầy?

Đáp: Sự tu tập nào, có được nhanh chóng, đều phải nhờ nhiều đời huân tu chớ không phải có sẵn tài, trí và năng khiếu. Tài trí và năng khiếu là do sự huân tập nhiều đời mà có. Nếu đời này con không trau dồi, tu tập rèn luyện tài trí và năng khiếu thì đời sau con cũng chẳng có.

Tu tập và xả tâm càng gặp khó khăn, đừng nên chán nản, mà phải quyết tâm khắc phục cho được, xả bỏ cho được, quyết thực hiện cho bằng được thì người đó, sẽ trong một đời này thành tựu viên mãn, chỉ có “quyết tâm” là làm nên việc lớn, Đời cũng như Đạo.

Trí thông minh và năng khiếu không phải người có, người không, mà tất cả mọi người ai cũng có, nhưng chỉ vì chúng ta không huân tập nên không có mà thôi.

Ví dụ: trong một lớp học có 60 học sinh, nhưng học sinh giỏi thì có năm ba đứa, chúng học rất nhanh và mau thuộc bài, môn học nào chúng cũng xuất sắc. Thật sự số học sinh này rất ít, nghĩa là học sinh giỏi tất cả các bộ môn.

Còn số học sinh giỏi từng môn thì nhiều, kể giỏi toán, người giỏi văn, người giỏi sinh ngữ v.v...

Đó là vì, chúng ta đã có học tập trong đời trước, nên đời này chúng học lại môn đó, tức là ôn lại, nên học rất nhanh làm bài rất giỏi. Còn những người đời trước không học, đời nay học, nên học lâu thuộc bài, nhiều khi học mãi mà không thuộc.

Lịch sử Việt Nam, có nhắc lại ông Lê Quý Đôn, khi ông bố sai mua một cuốn lịch xem ngày, ông đem tiền ra mua giấy và đến cửa hàng bán lịch ông xin cho mượn xem, xem xong ông trả lại cho hàng sách, về nhà ông chép lại cho bố một cuốn lịch mà không sai một chữ nào.

Bên Trung Hoa, đời Tam Quốc, bên Tây Thục sai một người đi sứ qua Bắc Ngụy, tức là Tào Tháo. Tào Tháo viết một cuốn sách lấy tên là Tào Mạnh Đức Kinh, đem khoe với vị sứ giả. Vị sứ giả bảo bên nước tôi trẻ con đều thuộc lầu kinh sách này. Tào Tháo không tin mới bảo Ông hãy đọc cho Tào Tháo nghe một đoạn, Ông bảo Tào Tháo xin Ngài đưa cho tôi xem có đúng không? Rồi tôi sẽ đọc cho Ngài nghe. Tào Tháo đưa cho Ông đọc, Ông đọc xong trả lại cho Tào Tháo, Ông cả cười nói: “Tôi nói đâu có sai, đúng là trẻ con của nước tôi từng đã đọc sách này”, Ông bắt đầu đọc cho Tào Tháo nghe không sai sót một chữ nào. Tào Tháo tán thán và không bắt tội Ông được.

Trí thông minh như vậy quá tuyệt vời, đọc qua là thuộc lòng, thế mà trí thông minh đó dùng vào việc gì, chỉ đi ra làm quan mà không giải quyết sự khổ đau của dân tộc. Trong thời làm quan, các vị này cũng chẳng làm được những gì lợi ích cho dân, cho nước nhiều, mà chính sự thông minh đó cũng chẳng giải quyết được gì, cho đời sống của các Ông cả, các Ông ấy cũng chỉ khổ đau vì danh, vì lợi như bao nhiêu người khác.

Làm được như Thầy (tức là làm chủ tham, sân, si) không để tâm mình phiền não khổ đau, giận hờn, thương ghét ấy là tài năng và trí tuệ. Thông minh cũng như năng khiếu đó mới

chính là tài năng, trí tuệ, thông minh của Đạo Phật, còn ngược lại tài năng, trí tuệ, thông minh và năng khiếu mà tự làm khổ mình, khổ người. Đó là, tài năng trí tuệ của phàm phu, của người thường trong thế gian.

Bởi vậy, người có tài năng, trí tuệ, thông minh của Đạo Phật là sống thanh thản, an lạc không làm khổ mình, khổ người. (chỉ có những bậc Thánh Alahán mà thôi) Người có được trí tuệ như vậy, không phải từ trên trời rơi xuống, mà do công huân tu tập của chúng ta nhiều ngày và nhiều đời, phải huân tu rất nhiều; huân tu mà còn phải có ước nguyện, khi mình cố gắng xả tâm được, để hướng dẫn mọi người đồng được giải thoát khỏi kiếp đời trầm luân đau khổ.

Mục đích của Thầy tu là tìm sự giải thoát, khi nào giải thoát được thì mới dạy người tu, còn đang tu thì nhất định không dạy ai hết. Đến khi Thầy tu xong, về trình sự tu hành của mình cho Hòa Thượng Thanh Từ, thì cũng năm đó Phật tử tìm về kiếm Thầy hỏi pháp, do Hòa Thượng Thanh Từ báo cho Phật tử biết chính là Thầy đã tu chứng quả “A-La-Hán”. Đó là, vị cư sĩ tìm về đây đầu tiên là Ông Chánh Giải ở Châu Đốc. Khi gặp Thầy ông xin Thầy cho phép đánh lễ vì Hòa Thượng đã cho Ông biết Thầy đã chứng quả A-La-Hán.

Các con nên nhớ những gì mà các con tu đúng pháp, dù muôn đời nó vẫn không mất, nó sẽ làm sống lại nơi tâm hồn của các con mà các con sẽ gọi nó là tài năng, năng khiếu hay là trí thông minh. Nhưng nếu các con tu sai, nó vẫn sống lại và đưa các con vào biển khổ bằng ảo tưởng như đồng cốt, những người này họ đâu có tu hành trong đời này, nhưng đời trước họ đã tu theo tà đạo, đời này năng khiếu đó, nó sống lại, cho nên họ trở thành là những loại đồng cốt, ông lên, bà xuống, bóng chàng v.v...

Những người ở đời này, tu Thiền Đông Độ, Thiền xuất hồn, Thiền Yoga và tất cả các loại Thiền tưởng, kiếp sau họ trở

thành những thầy cúng, phù thủy, đồng, cốt, thầy bói, thầy bùa, thầy ngải v.v... Nói chung kiếp này tu sai chánh pháp, kiếp sau làm những điều mê tín, tiếp tục lừa đảo người khác, đó là năng khiếu tà giáo ngoại đạo. Khi chúng ta huân tu thì nó không bao giờ mất, nó sẽ sống lại trong khi chúng ta sanh lên làm người. Còn chúng ta tu đúng theo chánh pháp của Phật thì luôn luôn lúc nào cũng xả tâm lý dục lý ác pháp. Tuy rằng, cuộc sống có nhiều sóng gió ba đào, nhưng chúng ta không bị lạc vào hoang đảo, cũng vì nhờ đức hạnh và giới luật, nó là ngọn hải đăng đưa tàu vào bến an toàn.

Cuộc đời tu hành của Thầy cũng vậy, khi mất cả hy vọng trên đường tu tập, chới với giữa biên pháp của Đại Thừa, bước đường cùng, chỉ còn chết mà thôi.

Trong khi mất hết cả niềm hy vọng, thì năng khiếu trời dậy để cứu mình, nên trong tiềm thức của Thầy nhớ đến lời của Hòa Thượng Minh Châu. Trong khi sắp chết đuối, một chiếc phao đã hiện ra và đã cứu Thầy.

Thầy đã tìm được lối thoát mà xưa kia Thầy đã từng tu học giáo pháp này, nên đọc tới đâu Thầy nhận ra pháp hành tới đó và thực hành có kết quả ngay liền, nghĩa là Thầy tu lại theo lời dạy của Đức Phật đã dạy trong Kinh Nguyên Thủy pháp “Như Lý Tác Ý” mà hơn nữa đời người theo Đạo Phật tu hành chẳng có một vị Thầy nào dạy tu tập điểm này với pháp môn này, Thầy đã nhận ra bí quyết thành công của pháp môn này là “Độc cư”.

Pháp Như Lý Tác Ý và Độc Cư là năng khiếu của Thầy trời dậy. Xưa, Đức Phật cũng vậy, khi con đường tu tập tận cùng, Ngài như sắp chết, thì năng khiếu Ngài trời dậy. Ngài nhớ lại đạo lộ Tứ Thánh Đỉnh, Ngài liền bỏ sạch các pháp môn của ngoại đạo, Ngài không tu khổ hạnh nữa, tiếp tục sống đúng đời sống Phạm hạnh, khi cơ thể Ngài bình phục, 49 ngày dưới cội Bồ Đề do đạo lộ Tứ Thánh Đỉnh, Ngài đã viên mãn

con đường tu giải thoát, thỏa mãn được ước vọng của Ngài làm chủ sanh, già, bệnh, chết.

Bởi vậy, muốn có năng khiếu và trí thông minh thì phải tu tập pháp “Hương Tâm” và “Độc Cư” con ạ!

Quyết định phải tu cho bằng được phải không con? Dù cho xương có tan, thịt có nát nhất định chúng ta phải thành công, thì đó là con đã huân tập một tài năng, một tri kiến, một năng khiếu.

TRONG KHI TU TẬP THIỀN ĐỊNH NÊN LƯU Ý NHỮNG LỜI DẠY NÀY

LỜI PHÁT DẠY

- 1/ “*Tịnh chỉ âm thanh ly “động”*”
- 2/ “*Tịnh chỉ mộng tưởng ly “hỷ”*”.
- 3/ “*Tịnh chỉ thọ ly “xúc” (Trạng thái vắng lặng trong tỉnh thức là xả lạc, xả khổ, xả niệm thanh tịnh).*”

CHÚ GIẢI:

Tịnh chỉ âm thanh ly “động”. Tức là diệt tầm tứ nhập Nhị Thiền. Bởi vì khi nhập Nhị Thiền thì sáu căn ngưng hoạt động. Sáu căn là gì?

Sáu căn là mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý. Ở đây chúng ta hiểu tầm tứ thuộc về ý căn, diệt tầm tứ tức là diệt ý căn. Ý căn là một căn trong nhóm sáu căn. Nên ý căn diệt thì bắt buộc các căn kia cũng bị diệt. Cho nên câu trên đây dạy: “*Tịnh chỉ âm thanh ly “động”*”, tức là âm thanh ngưng thì không còn nghe tiếng động. Giống như người đang ngủ say, ý căn không hoạt động nên tầm tứ không có, thì tất cả sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng không có. Cả một không gian vắng lặng.

Toàn bộ ý thức bị ngưng bật, chỉ còn cái biết của tướng thức mà thôi. Giống như người trong giấc chiêm bao.

“Tịnh chỉ mộng tướng ly “hỷ”. Tức là ly hỷ trú xả nhập Tam Thiên. Bởi vì khi nhập Tam Thiên thì không còn chiêm bao. Cho nên nói tịnh chỉ mộng tướng tức là chiêm bao không còn. Chiêm bao không còn thì mới nhập được Tam Thiên. Nói cho dễ hiểu hơn: Muốn nhập Tam Thiên thì phải tịnh chỉ sự hoạt động của tướng uẩn.

Tóm lại muốn nhập Tam Thiên thì phải vượt qua thế giới tướng, tức là lia xa 18 loại hỷ tướng. Mười tám loại hỷ tướng như thế nào?

- Sáu loại tướng trần gồm có:

- 1/ Sắc tướng
- 2/ Thính tướng
- 3/ Hương tướng
- 4/ Vị tướng
- 5/ Xúc tướng
- 7/ Pháp tướng

- Sáu loại tướng thức gồm có:

- 1/ Nhân tướng thức
- 2/ Nhĩ tướng thức
- 3/ Tỷ tướng thức
- 4/ Thiệt tướng thức
- 5/ Thân tướng thức
- 6/ Ý tướng thức

- Sáu tướng thông gồm có:

- 1/ Thiên nhãn tướng thông
- 2/ Thiên nhĩ tướng thông
- 3/ Tỷ tướng thông
- 4/ Thiệt tướng thông

5/ Thân tức tướng thông

6/ Tha tâm tướng thông

Lìa hết 18 loại hỷ tướng này thì nhập Tam Thiên. Cho nên lời dạy tịnh chỉ mộng tướng ly hỷ thì biết ngay đó là trạng thái Tam Thiên hay nói cách khác mà trong kinh thường dùng ly hỷ trú xả nhập Tam Thiên.

“Tịnh chỉ thọ ly “xúc”. Tức là lìa các cảm thọ nhập Tứ Thiên. Bởi vì khi nhập Tứ Thiên thì các cảm thọ ngưng hoạt động. Thọ là gì?

Thọ là các cảm thọ nơi thân và tâm, vì thế khi nhập Tứ Thiên Đức Phật dạy: *“Xả lạc, xả khổ, xả niệm thanh tịnh”*. Xả lạc, xả khổ, xả niệm thanh tịnh tức là xả thọ. Vì các cảm thọ có ba:

Thọ lạc.

Thọ khổ

Thọ bất lạc bất khổ

Muốn xả được như vậy thì phải có đủ năng lực của bảy Giác Chi. Nhờ bảy năng lực của Giác Chi, các bạn mới đủ điều kiện tu tập Tứ Như Ý Túc, trong Tứ Như Ý Túc có Định Như Ý Túc.

Khi các bạn muốn tu tập Định Như Ý Túc thì các bạn dùng Trạch Pháp Giác Chi hướng tâm nhập Sơ Thiên. Hướng tâm nhập Sơ Thiên như thế nào?

Hướng tâm nhập Sơ Thiên như trong kinh Phật đã dạy: *“Tâm ly dục ly bất thiện pháp nhập Sơ Thiên”*. Đó là câu trạch pháp hướng tâm của Thất Giác Chi. Và Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên cũng đều dùng Trạch Pháp hướng tâm tùy theo câu hướng tâm của loại định đó. Hướng tâm đúng pháp và đầy đủ lực Giác Chi thì nhập định được ngay liền, như Đức Phật đã dạy: *“Nhập bốn thiên không có khó khăn, không có mệt nhọc”* Cho nên *“Tịnh chỉ thọ ly “xúc”* là nghĩa này. Ở

đây Đức Phật sợ chúng ta không hiểu và không nhận ra trạng thái của Tứ Thiên, nên Đức Phật xác định để chúng ta dễ nhận hơn nên Ngài bảo: *“Trạng thái vắng lặng trong tĩnh thức (của Thức uẩn) là xả lạc, xả khổ, xả niệm thanh tịnh”*.

GIỚI CỤ TÚC

LỜI PHẬT DẠY

“Người tu sĩ còn tự nuôi sống bằng những tà mạng, các loại nghề nghiệp, thì không thành giới cụ túc, còn ngược lại chỉ đi xin ăn ngày một bữa thì mới thành cụ túc giới”.

CHÚ GIẢI:

Nghề nghiệp duy nhất của người tu sĩ theo Phật Giáo, là chỉ có nghề đi ăn xin và ăn ngày một bữa, còn tất cả các nghề khác không phải là nghề của người tu sĩ Phật Giáo. Như lời Phật dạy trên đây, ngoài nghề đi khát thực xin ăn, người tu sĩ Phật Giáo hành các nghề khác thì giới luật cụ túc không thành.

Chúng tôi xin kể một số các nghề khác trong Phật Giáo hiện giờ để các bạn tư duy thấy rằng tu sĩ Phật Giáo hiện giờ có phải là tu sĩ Phật Giáo thật hay là tu sĩ của Bà La Môn?

- 1/ Nghề cúng bái cầu siêu, cầu an
- 2/ Nghề coi ngày giờ tốt xấu
- 3/ Nghề cúng sao giải hạn
- 4/ Nghề tụng kinh trị bệnh tà, ma
- 5/ Nghề thầy thuốc trị bệnh (thuốc đông y, thuốc nam)
- 6/ Nghề xem xăm bói quẻ
- 7/ Nghề trồng tỉa cây trái
- 8/ Nghề đan thêu may
- 9/ Nghề bán cơm chay
- 10/ Nghề làm và bán nhang

- 11/ Nghề bán kinh sách
- 12/ Nghề bán tứ khí của Bà La Môn
- 13/ Nghề thuyết giảng (giảng sư)
- 14/ Nghề làm ruộng rẫy
- 15/ Nghề làm ma chay, v.v...

Còn rất nhiều nghề khác nữa, nhưng chúng tôi không thể kể ra đây hết được, vì tu sĩ Phật Giáo hiện giờ đã làm đủ thứ mọi nghề. Nhất là nghề mê tín (Cúng bái, cầu siêu, cầu an) và thứ hai là nghề nói dối (thuyết giảng), còn nghề khát thực thì đã bỏ mất.

Qua lời Phật dạy trên đây chúng tôi thấy tu sĩ Phật Giáo hiện giờ là tu sĩ của Bà La Môn. Như vậy các bậc tôn túc Hoà Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni chưa thành giới cụ túc. Ngay cả với Mười Giới Đức Thánh Sa Di, các Ngài còn vi phạm, thì chưa xứng đáng là tu sĩ đệ tử xuất gia của Phật, có đâu thành giới cụ túc được. Nếu Phật Giáo hiện giờ mà được lấy giới chân chính thì giới tu sĩ còn lại chắc không đầy trong 10 đầu ngón tay. Nếu chân chính Phật Giáo được như vậy, thì xã hội này bớt đi một gánh quá nặng cho mọi người. Đó là một điều vô cùng quan trọng và nhức nhối trong tâm tư của mỗi người.

KHÔNG THỂ CỨU ĐỘ

LỜI PHẬT DẠY

*“Không thể rửa nghiệp đen,
Của kẻ ác gây tội.
Đối kẻ sống thanh tịnh,
Ngày nào cũng ngày tốt.
Với kẻ sống thanh tịnh
Ngày nào cũng ngày lành”.* (Kinh Trung bộ tập 1 trang 93)

CHÚ GIẢI:

Bài kệ trên đây xác định Đạo Phật không cứu khổ cho ai được, nên hai câu kệ đầu Phật dạy: *“Không thể rửa nghiệp đen, của kẻ ác gây tội”*.

Vì thế Đức Phật khuyên rằng: *“Hằng ngày nên ngăn ngừa các ác pháp, luôn sống trong thiện pháp thì ngày nào cũng là ngày tốt, ngày nào cũng là ngày lành”*, không cần cầu ai cứu khổ mình cả. Có đúng vậy không các bạn?

Người theo Phật Giáo mà cầu an, cầu siêu là người đã đi sai lời dạy của Đức Phật. Phật không cứu khổ cho ai được chỉ có mình tự cứu mình. *“Các con tự thấp đuốc lên mà đi, Ta chỉ là người hướng dẫn đường mà thôi”*. Lời dạy này không khác bài kệ trên đây.

Tóm lại Đạo Phật là một tôn giáo dạy mỗi người phải tự cứu mình bằng cách sống trong thiện pháp, thì đó là tự mình xây dựng cho mình cuộc sống Thiên Đàng, Cực Lạc. Phải mạnh dạn đứng trên đôi chân của mình, đừng cầu cạnh Thần, Thánh, Trời, Phật, quỷ ma vô ích.

Chúng ta nên học thuộc lòng những câu kệ này để luôn luôn tác ý, luôn luôn nhớ những lời dạy này đừng quên các bạn ạ! Vì nó là hạnh phúc của các bạn. Vì nó là con đường thoát khổ của các bạn. Các bạn tiến lên đừng chùng bước trước những gian nan thử thách, trước những sự khó khăn vô cùng mà người tu sĩ phải gặp đừng sợ hãi, **có Phật và có Thầy đang ở bên các bạn. Khi gặp những điều gì khó khăn các bạn không vượt qua được, thì các bạn hãy gọi tên Thầy và giữ gìn tâm thanh thản, đừng sợ hãi đừng dao động tâm, các bạn sẽ vượt qua được những đoạn đường khó khăn gian hiểm đó.**

TRIẾT HỌC CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHÚNG

Hỏi: *Học môn triết học Chủ Nghĩa Duy Vật Biện Chứng và Chủ Nghĩa Duy Vật Lịch Sử. Thầy cô đều dạy phải có một lập trường tư tưởng vững vàng, phải đứng trên lập trường tư tưởng của giai cấp công nhân...nên làm con rất dao động tư tưởng.*

Đáp: Về môn triết học thì loài người từ xưa cho đến nay đã để lại cho chúng ta rất nhiều triết học, nhưng không có một triết học nào đứng vững, nó chỉ đáp ứng theo xu thế của thời đại mà thôi, Triết học không phải là chân lý của loài người, cho nên nó thường không theo kịp từng thời đại thường bị lỗi thời, nên không được con người áp dụng vào cuộc sống triết để.

Chúng ta ai cũng biết con người có hai phần:

- Phần vật chất
- Phần tinh thần

Phần vật chất gồm có một duyên (sắc uẩn là thân tứ đại).

Phần tinh thần gồm có bốn duyên (thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn).

Như vậy triết học Chủ Nghĩa Duy Vật Biện Chứng chỉ luận về phần vật chất còn phần tinh thần hoàn toàn không hiểu. Và như vậy triết học Chủ Nghĩa Duy Vật Biện Chứng không đủ những điều kiện giải quyết nhân sinh quan và vũ trụ quan để cho chúng ta có một lập trường tư tưởng vững vàng. Có đúng như vậy không các con?

LUẬT NHÂN QUẢ

Hỏi: *Luật nhân quả rất công bằng, ai làm thì người đó chịu. Vậy sao trên đời này chẳng thấy có cái gì là công bằng cả.*

Ví dụ: Như người siêng năng học tập không chơi bời mà khi kết quả thi thì cứ thấp hơn những người chơi nhiều học ít. Tại sao vậy?

Đáp: Luật nhân quả rất công bằng, ai làm thì người đó chịu, nhưng chúng ta phải có đủ trí tuệ quán xét, chứ không nhìn một cách thông thường mà thấy được sự công bằng ấy.

Ví dụ: Như người siêng năng học tập không chơi bời mà khi kết quả thi thì cứ thấp hơn những người chơi nhiều học ít. Nếu nhìn thông thường thì chúng ta thấy luật nhân quả không công bằng, còn chúng ta nhìn suốt lý nhân quả thì mới thấy luật nhân quả không bỏ sót một hành động thiện ác nào mà ta đã tạo nhân trong hiện tại cũng như trong quá khứ. Cho nên luật nhân quả gồm có nhiều góc độ nhìn:

- Thứ nhất nhân hiện tại quả hiện tại.
- Thứ hai nhân quá khứ quả hiện tại.
- Thứ ba nhân hiện tại quả tương lai.
- Thứ tư nhân người này quả người khác chịu do chòm nhân quả.

Ví dụ trên về người sinh viên thì phải nhìn nhân quá khứ, quả hiện tại, thì mới thấy luật nhân quả công bằng, còn nhìn nhân hiện tại, quả hiện tại thì luật nhân quả không công bằng, đó là nhìn sai. Thường mọi người chỉ nhìn thấy nhân hiện tại, quả hiện tại, chứ không chịu thấy những nhân quả ở các góc độ khác nhau, vì vậy đôi khi thấy nhân quả không công bằng. Ví dụ: Như một người ăn cắp mà không bị bắt quả tang tại trận, không bị đánh đập, không bị tù tội thì cho đó là nhân quả không công bằng. Như vậy là cái nhìn nhân quả không đúng, chứ không phải nhân quả không công bằng. Luật nhân quả có sự chuyển biến thay đổi theo từng sát na, từng giây, từng phút không để một kẻ nhỏ của thời gian thiếu công bằng. Nếu một hành động thiện vừa làm là có sự thay

đổi nghiệp quả ngay liền chuyển biến sự đau khổ của người làm thiện. Thiện ở đây có ba nơi xuất phát:

Thân hành thiện

Khẩu hành thiện

Ý hành thiện

Chỉ một ý hành thiện vừa khởi là chúng ta cũng cảm thấy quả khổ tiêu tan ngay liền.

Ví dụ 1: Một người đang tức giận bị người khác mắng chửi, họ chỉ cần khởi niệm: “Đời trước ta đã gieo nhân này nên ngày nay ta phải trả hoặc người này là người đáng thương họ đang tạo nhân quả ác”. Khi nghĩ như vậy ngay liền là họ hết khổ. Phải biết, đang tức giận là đang trả quả ác (khổ), đang chửi mắng là đang tạo nhân ác.

Ví dụ 2: Khi ta vừa khởi niệm người ấy xấu ác là nhân thì ngay đó liền có quả ta phiền não và đau khổ.

Cho nên phải quán xét trong nhiều góc độ khác nhau thì ta mới thấy luật nhân quả công bằng, và công bằng tuyệt đối, do công bằng tuyệt đối nên không sai một hào ly, vì không sai một hào ly, nên người nào không đủ trí tuệ quán xét tế nhị thì không thấu rõ, vì vậy cho rằng luật nhân quả không công bằng.

Ví dụ: Như người siêng năng học tập không chơi bời mà khi kết quả thi thì cứ thấp hơn những người chơi nhiều học ít. Là vì người học sinh ấy học hành không có phương pháp nên học nhiều mà không nhớ (nhân), do đó kết quả thi thì cứ điểm thấp (quả hiện tại), Còn người học ít nhưng lại học có phương pháp nên nhớ không quên (nhân hiện tại), do đó kết quả thi thì điểm cao (quả hiện tại) Vì công bằng cho nên luật nhân quả không phải chỉ có ở góc độ nhân quả hiện tại mà còn ở nhiều góc độ khác nữa khi nào các bạn học đạo đứ

nhân bản – nhân quả thì các bạn sẽ hiểu rõ hơn nhiều về sự công bằng của luật nhân quả.

Các bạn cứ thử nghĩ xem: Luật nhân quả chi phối điều hành khắp vũ trụ này, nếu chỉ một sát na không công bằng thì vũ trụ này sẽ đổ nhào và không còn trật tự, tất cả vạn vật đều bị rối loạn và bị tiêu diệt.

Với đôi mắt và trí óc phàm phu người ta không thể nào nhìn thấu suốt quy luật hoạt động của nhân quả, vì thế người này thấy góc độ này, người kia thấy góc độ khác, chứ chẳng bao giờ thấy toàn diện.

NGẪU NHIÊN

***Hỏi:** Trên đời này có những điều may mắn ngoài quy luật nhân quả không thưa Thầy?*

Đáp: Trên đời này không có sự ngẫu nhiên, mọi sự kiện, mọi sự vật xảy ra đều phải theo quy luật nhân quả điều khiển hoạt động. Cho nên sự may mắn cũng như sự rủi ro đều do sự định đoạt của luật nhân quả cả. Bởi vì luật nhân quả không ai tạo ra nó mà chính mình tạo ra, nên nó xử phạt lại mình rất công bằng.

Con người mê mờ không đủ trí tuệ nhìn xuyên suốt đường đi của nhân quả nên cho rằng sự may mắn và sự rủi ro ngoài quy luật nhân quả.

Nếu các con cho rằng: Mọi sự xảy ra đều là sự ngẫu nhiên thì các con cứ làm ác đi! Hay làm thiện đi! Thì các con sẽ thấy rõ.... Nhân quả thiện ác sẽ đến thăm các con nó không tha một người nào đâu, các con ạ!

SỐ MỆNH

Hỏi: *Có số phận không thưa Thầy?*

Đáp: Có luật nhân quả, chứ không có số phận. Do tinh thần tiêu cực, mất hết ý chí tự lực, nên có một số người đặt ra thuyết định mệnh để an ủi lại mình khi đứng trước những nhân quả quá khắc nghiệt, quá khó khăn. Do bi quan họ nghĩ tưởng rằng: Con người không thể nào vượt qua số phận.

Phần đông ngày nay người ta chịu ảnh hưởng thuyết định mạng nhân quả của văn hóa Trung Hoa. Khi đứng trước những việc khó khăn, những sự thử thách gian nan, khổ sở, họ đều co đầu, rút cổ và bảo rằng: Đó là Định mệnh do Trời đã quyết định, chúng ta là con người không thể làm nên và cũng không thể nào vượt qua được. Do sự tư duy như vậy nên nghị lực mất hết, tinh thần yếu kém, mất sức tự chủ v.v...

Nếu có số phận của con người thì trên đời này không có luật nhân quả. Không có luật nhân quả thì xã hội loài người không bao giờ có sự công bằng.

Nếu không có luật nhân quả thì không bao giờ có câu tục ngữ: “Không ai giàu ba họ và cũng không ai khó ba đời”. Vì đời sống con người đều nằm trong luật vô thường chung của các pháp, đó là quy luật của nhân quả, của bánh xe tiến hóa luân hồi. Do đó không thể nào nói có số phận được, Phải không các con?

Nếu không có luật nhân quả thì bốn chân lý của Đạo Phật không ra đời, vì mọi sự đau khổ của con người là số mệnh, là số phận cố định. vì mọi sự đau khổ của con người là số phận, là số mệnh cố định không thay đổi được, vì thế không thể nào chuyển khổ thành vui được. Do đó chân lý của Đạo Phật không còn là Chân lý của loài người nữa.

Mục đích Đạo Phật ra đời là dạy con người chuyển khổ thành vui, lấy nhân thiện chuyển quả ác đem lại sự an vui

hanh phúc cho mọi người, cho nên chân lý của Phật Giáo sẽ đập tan tành thuyết định mệnh, vì thế con người không còn gọi là số phận mà là chuyển nghiệp xấu thành nghiệp tốt.

Ví dụ: Một người chửi mắng mình, mình không chửi mắng lại, vui vẻ không giận hờn, đó là chuyển nhân ác thành quả vui. Như vậy đâu phải là số phận mà là nhân quả, phải không các con?

SÁCH ĐẠO ĐỨC

Hỏi: Có nên đưa sách của Thầy cho người khác xem không thưa Thầy?

Đáp: Khi đưa sách của Thầy cho người khác xem thì con nên chọn những người bạn thân, người bạn tốt, người bạn đối xử có tình, có nghĩa. Còn những người bạn nào có tính cố chấp thì không nên đưa.

Kinh là lời dạy của Phật, là lời vàng, lời dạy đạo đức làm Người, làm Thánh khiến cho chúng ta có cái nhìn rộng rãi hơn, thấu suốt những lý lẽ mà ta chưa từng hiểu biết, những lời dạy ấy khiến cho ta có được một tâm lòng cởi mở, một tâm hồn phóng khoáng, thoải mái dễ chịu. Những lời dạy ấy giúp cho ta mở rộng lòng thương yêu đến với sự sống của muôn loài vạn vật trên hành tinh này. Những lời dạy ấy còn giúp cho chúng ta mở rộng lòng tha thứ những tội lỗi của những người khác khiến cho thân tâm của chúng ta thanh thản, an lạc và vô sự.

Nhờ những lời dạy ấy chúng ta mới xây dựng cho mình một nền đạo đức nhân bản - nhân quả sống cao thượng không làm khổ mình khổ người, khổ chúng sanh.

Những lời dạy quý báu như vậy khi ta cần cho một người nào thì phải xét họ có đủ duyên hay chưa? Nếu họ là người có đủ

duyên thì họ phải là người thành thật, không nói láo, không nói thêm bớt, không nói xấu người khác, không vu khống, không nịnh bợ, a dua, không nói lời hung dữ v.v...

Nếu xét thấy những người như vậy thì nên cho và giúp họ đọc những lời dạy đạo đức của Phật, của Thầy.

Ngược lại con không cho những người mà con chưa hiểu, thì sự không cho ấy là không có tội và không phải là ích kỷ, Cho người khác đọc mà người ta xem thường những lời dạy của Phật là không lợi ích cho họ mà còn tạo thêm tội lỗi phi báng Phật Giáo nữa.

Cho sách đạo đức làm người mà người nhận sách không xứng đáng, thì người cho không được phước, còn người nhận thì càng thêm tội lỗi. Cũng ví như người biết luật mà vi phạm luật thì tội nặng, còn người chưa biết pháp luật mà vi phạm luật thì tội nhẹ hơn nhiều.

PHÁ HÔN TRẦM, THÙY MIÊN

Hỏi: *Kính thưa Thầy, làm thế nào để phá hôn trầm thùy miên sạch?*

Đáp: Muốn quét sạch hôn trầm, thùy miên, vô ký thì trước tiên con phải tập đi kinh hành Chánh Niệm Tỉnh Giác cho nhuần nhuyễn, kế đó phải tu tập pháp Thân Hành Niệm, nếu hai pháp này không thắng nổi hôn trầm, thùy miên thì con nên quan sát lại xem về giới luật. Chỉ có một pháp duy nhất phá được hôn trầm, thùy miên, hôn tịch, vô ký, ngoan không tuyệt gốc. Đó là “GIỚI LUẬT”.

Theo sự nhận xét của Thầy thì người tu hành thời nay bị hôn trầm, thùy miên nặng, vì giới luật sống không nghiêm chỉnh, thường vi phạm vào những lỗi nhỏ nhặt, những giới trọng thì bề vụn nát tan để vi phạm không ai biết, sống như đời

thường thể tục, nhất là ăn ngủ phi thời, phạm vào giới ăn uống phi thời, thường thuyết giảng kinh sách mà mình chưa tu chứng, đó là phạm vào giới vọng ngữ, tứ thời tụng niệm thường tụng kinh ê, a giọng cao giọng thấp theo tiếng chuông tiếng mõ như ca hát, đó là phạm vào giới ca hát, hiện giờ các Thầy đều còn cất giữ tiền bạc, đó là phạm giới cất tiền, y áo toàn của quý, các Thầy thường mặc những thứ vải đặc tiền, chứ không mặc y phần tảo như Đức Phật ngày xưa, vì thế các thầy phạm vào giới không trang sức, thường thấy người khác phái còn sinh tâm sắc dục, đó là phạm vào giới dâm, còn thấy ưa thích những vật dụng thế gian, vật này tốt vật kia xấu, đó là là phạm vào giới tham, thấy muối kiến cắn còn nở tâm giết hại chúng chưa có lòng từ bi, thì đó là phạm vào giới sát sanh. Những sự sống phạm giới phá giới như vậy là những tu sĩ hiện giờ chịu ảnh hưởng của giáo pháp Đại Thừa cho rằng giới luật Phật thời nay không phù hợp, lỗi thời, chứ Đại Thừa không ngờ giới luật là một pháp phá hôn trầm thù miên vô ký tuyệt vời, chỉ có giới luật mới phá nổi tâm si của con người mà thôi. Tâm si tức là hôn trầm thù miên vô ký hôn tịch ngoan không. Nếu không sống đúng giới luật thì không bao giờ phá nổi tâm si (hôn trầm thù miên, vô ký. Vậy chúng ta hãy nghe Đức Phật dạy: *“Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỳ Kheo, đưa đến hôn trầm thù miên chưa sanh không sanh khởi, hay hôn trầm thù miên đã sanh được đoạn tận, này các Tỳ Kheo, như tinh cần giới, tinh tấn giới, dũng mãnh giới. Người tinh cần, tinh tấn, dũng mãnh, này các Tỳ Kheo, hôn trầm thù miên chưa sanh không sanh khởi, hôn trầm thù miên đã sanh được đoạn tận.”* (Kinh Tăng Chi Bộ tập 1 trang 13 bài 8 tạng kinh Việt Nam).

Đọc qua đoạn kinh này nhất là câu: *“Ta không thấy một pháp nào khác”* Chỉ có Giới luật là pháp duy nhất mới mới quét sạch hôn trầm, thù miên, vô ký. Đây là lời xác quyết của Đức Phật. Vậy khi bị hôn trầm thù miên nặng thì nên trở về

giới luật, sống đúng Phạm hạnh, không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào thì đúng như lời Phật dạy hôn trầm thù miên sẽ được quét sạch.

Thưa các bạn! Lời dạy trên đây các bạn có tin không? Chú riêng bản thân chúng tôi đã có kinh nghiệm trên sự tu tập này. Do chúng tôi sống đúng giới luật không hề vi phạm một lỗi lầm nhỏ nhặt nào, nên chúng tôi không bị hôn trầm thù miên đến thăm như các bạn.

Hôn trầm thù miên là một loại bệnh lười biếng rất khó trị và dai dẳng, nếu không giới luật thì không có pháp nào trị dứt được. Cho nên chấp nhận cuộc sống tu hành theo Phật Giáo thì giới luật pháp môn lý dục ly ác pháp đệ nhất.

TỰ XÉT MÌNH BIẾT MÌNH CÓ CHỨNG ĐƯỢC QUẢ A LA HÁN HAY KHÔNG?

LỜI PHÁT DẠY

“Này Bà La Môn, thật sự là vậy. Này Bà La Môn thật khó trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu! Thật khó khăn đời sống viễn ly! Thật khó thương thức đời sống độc cư! Ta nghĩ rằng rừng rú làm rối loạn tâm trí vị Tỳ Kheo chưa chứng thiền định”.

CHÚ GIẢI:

Đoạn kinh này chỉ cho chúng ta thấy rằng: Đời sống nơi hoang vắng, đời sống viễn ly và đời sống độc cư, bản chất con người khó mà sống được. Vì con người sống trong dục lạc và ác pháp như vậy, thì cảnh hoang vắng rừng rú sẽ làm rối loạn tâm trí của họ. Vậy đời sống nơi hoang vắng như thế

nào? Đòi sống viễn ly như thế nào? Đòi sống độc cư như thế nào?

Đòi sống nơi hoang vắng là sống nơi rừng rú, nơi nghĩa địa, nơi cánh đồng mông quạnh, nơi hòn đảo giữa biển khơi, v.v...

Đòi sống viễn ly là đòi sống không nhà cửa không gia đình, đơn thân, đơn chiếc, sống độc thân một mình, v.v...

Đòi sống độc cư là đòi sống không giao thiệp với ai, không thích tập hợp, không thích nói chuyện, không thích giao du, không thích qua lại, không thích tranh luận, không thích bạn bè, v.v...

Đòi sống như vậy không thích hợp với người thế gian, người phàm phu, người còn ham vui, người còn ham thích dục lạc, v.v... Cho nên họ không thể sống như vậy được. Ngược lại, chỉ có những bậc hướng đến Thánh quả A La Hán thì mới sống được như vậy.

Tự xét mình có thích sống trong ba trường hợp này thì người ấy sẽ tu tập chứng quả A La Hán chỉ trong một đời này, còn ngược lại thì rất khó chứng quả A La Hán Chúng ta hãy đọc đoạn kinh kể tiếp dưới đây thì sẽ thấu hiểu rất rõ ràng:

“Này Bà La Môn, xưa kia khi Ta chưa chứng ngộ Chánh đẳng giác, khi còn là Bồ Tát, Ta nghĩ như sau: “Thật khó kham nhẫn những trụ xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu! Thật khó khăn đòi sống viễn ly! Thật khó thưởng thức đời sống độc cư! Ta nghĩ rằng: Rừng núi làm rối loạn tâm trí vị Tỳ Kheo chưa chứng thiên định!”

“Này Bà La Môn, rồi ta suy nghĩ: “Những Sa môn hay Bà La Môn nào, thân nghiệp không thanh tịnh, sống trong các trụ xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước, thân nghiệp không thanh tịnh, những tôn giả Sa Môn hay Bà La Môn ấy làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi

lên. Ta không có thân nghiệp không thanh tịnh, sống tại các trụ xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Thân nghiệp ta thanh tịnh. Ta là một trong những bậc Thánh.”

Đoạn kinh trên đây đã xác định rõ ràng: “*Thân nghiệp không thanh tịnh, những tôn giả Sa Môn hay Bà La Môn ấy làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên.*” Chỗ chúng ta cần hiểu là thân nghiệp không thanh tịnh. Vậy thân nghiệp không thanh tịnh là gì?

Thân nghiệp không thanh tịnh có nghĩa là thân còn thích dục lạc như ăn uống phi thời, thân hay bệnh tật đau yếu, thân thích dâm dục, thân hay đốt lửa giết hại chúng sanh, thân lười biếng ưa thích ngủ nghỉ, thân hay làm những điều ác làm chết và đau khổ các loài chúng sanh, thân đi đứng không nhẹ nhàng đầm thắm, thân còn đỏ mặt tía tai, thân còn muốn co tay đánh người khác, vật khác, v.v...Nói chung thân nghiệp không thanh tịnh gồm có ba hành động chính:

- Thân có những hành động ác như trộm cắp cướp giựt lấy của không cho.
- Thân ưa thích dâm dục, ưa thích nói chuyện người khác phái, thân có hành động thủ dâm.
- Thân giết hại chúng sanh, làm cho chúng sanh đau khổ.

Khi nào thân nghiệp thanh tịnh thì không còn những hành động ác đó nữa. Cho nên trong kinh Giáo Giới La Hầu La Đức Phật dạy phải luôn luôn phản tỉnh lại thân hành nghiệp của mình, nếu thân hành nghiệp của mình làm khổ mình khổ người và khổ cả hai thì nhất định chết cũng không làm, còn thân hành nghiệp nào không làm khổ mình khổ người và khổ cả hai thì mới làm. Nếu một người tập như vậy thì họ ở những chỗ xa vắng hoang vu, không hề sợ hãi.

Chúng ta hãy lắng nghe tiếp Đức Phật dạy: “*Này Sa Môn hay Bà La Môn nào có khẩu nghiệp không thanh tịnh... ý nghiệp không thanh tịnh... Có mạng sống không thanh tịnh, sống trong các trụ xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhân nhiễm trước, mạng sống không thanh tịnh, những tôn giả Sa Môn hay Bà La Môn ấy làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên ...*”

Đoạn kinh trên chúng ta nên lưu ý: “*Khẩu nghiệp không thanh tịnh, ý nghiệp không thanh tịnh*”. Vậy khẩu nghiệp không thanh tịnh và ý nghiệp không thanh tịnh nghĩa là gì?

Khẩu, có bốn nghiệp không thanh tịnh:

- Nói lời hung ác.
- Nói không thật, nói dối nói xảo trá.
- Nói đâm thọc, nói xấu người, nói vu khống người.
- Nói lưỡi hai chiều, nói lật lọng.

Ý, có ba nghiệp không thanh tịnh:

- Ý tham dục, ham muốn cái này, cái kia, xan tham, v.v...
- Ý sân hận, thù oán, ghen ghét, tị hiềm, tật đố, v.v...
- Ý si mê, lừa dối, biếng ngủ nghỉ, hôn trầm thùy miên vô ký.

Bây giờ các bạn đã hiểu rõ thân, khẩu, ý nghiệp không thanh tịnh là do những thân, khẩu và ý hành của các bạn còn làm những điều ác trên đây. Vậy, muốn cho thân, khẩu, ý nghiệp thanh tịnh thì các bạn không nên làm những điều ác như trên đã dạy. Vậy muốn cho thân hành, khẩu hành và ý hành không làm ác thì chúng ta hãy nghe Đức Phật dạy La Hầu La: “*Này La Hầu La, con nghĩ thế nào? Mục đích của cái gương là gì?*”

“*Bạch Thế Tôn mục đích của cái gương là để soi, để phản tỉnh lại mình ...*”

“Cũng vậy, này La Hầu La, con phản tỉnh hay soi lại nhiều lần nơi thân hành nghiệp, khẩu hành nghiệp, ý hành nghiệp của con”.

“Khi soi vào thân hành nghiệp và con muốn cho thân hành nghiệp của con phải làm gì, thì con phải soi lại thân hành nghiệp như sau: “Thân hành nghiệp này của con có thể đưa đến tự hại; có thể đưa đến hại người; có thể đưa đến hại cả hai; thân hành nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ”.

“Này La Hầu La, khi con nghĩ như vậy, nhất định con không nên làm, nhất định con từ bỏ, nhất định con cần phải thưa lên, cần phải tỏ lộ trình bày trước các vị Đạo sư hay trước các vị đồng Phạm hạnh. Sau khi đã tỏ lộ trình bày cần phải phòng hộ trong tương lai”.

“Còn ngược lại khi con soi lại thấy thân hành nghiệp này của con không có thể đưa đến tự hại, không có thể đưa đến hại người, không có thể đưa đến hại cả hai, thì thân nghiệp này thiện, đưa đến an lạc. Một thân nghiệp như vậy, này La Hầu La, con nên làm, cần phải tiếp tục làm. Do vậy, này La Hầu La, con phải an trú trong niềm hoan hỷ, tự mình tiếp tục học ngày đêm trong các thiện pháp”.

Chúng ta nên theo lời dạy này mà phản ảnh lại thân hành, khẩu hành và ý hành của mình để thân hành, khẩu hành và ý hành của mình được thanh tịnh. Khi thân hành, khẩu hành và ý hành của mình được thanh tịnh là chúng ta đã đạt được tâm bất động giải thoát, tức là chứng quả vô lậu A La Hán. Như vậy quả A La Hán đâu phải tu tập có khó khăn gì. Phải không các bạn?

Khi thân hành, khẩu hành và ý hành của mình đã thanh tịnh thì sống bất cứ nơi đâu ta cũng không hề sợ hãi, như Đức Phật đã xác định: *“Này Bà La Môn, Ta tự quán sát mạng sống*

hoàn toàn thanh tịnh này, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi”.

Đoạn kinh trên đã xác định cho chúng ta thấy một số Tăng Ni và cư sĩ theo tu học tại tu viện Chơn Như, căn tánh còn phàm phu tục tử, tham ăn, thích ngủ, ham nói chuyện, v.v... Đời không muốn bỏ mà đạo lại muốn thêm. Đời vẫn còn dấn danh, tham lợi mà muốn hưởng đến Thánh quả A La Hán thì làm sao chứng Thánh được. Phải không các bạn?

Không tự xét thấy lỗi mình, mà cứ thấy lỗi người, và còn bảo rằng : “*Tu Viện Chơn Như sao không thấy ai tu chứng quả A La Hán*”, hoặc “*Những người theo tu học tại tu viện Chơn Như rơi rụng như sung*”. Tu mà đời không chịu bỏ thì như sung rụng là đúng chứ sao? Quả A La Hán dành cho những người sống đúng hạnh, tu tập đúng pháp, chứ không phải tu ăn, tu ngủ, tu phá hạnh độc cư, v.v ...

BẢY GIÁC CHI

LỜI PHẬT DẠY

“Bảy Giác Chi này, được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho đầy đủ Ba Minh ”. (Tăng Chi Bộ Kinh tập 4 trang 529).

CHÚ GIẢI:

Lời dạy trên đây quá cô đọng và ngắn gọn khiến cho hành giả chẳng biết cách thức tu tập như thế nào?

Thật khó cho những nhà học giả khi đọc đến đoạn kinh này, họ chỉ còn biết giải thích theo danh từ của pháp Bảy Giác Chi mà thôi, chứ không thể giải thích nổi bảy năng lực Giác Chi.

Khi đọc đoạn kinh này, phải có kinh nghiệm tu tập của người tu chứng thì mới kết tập được Bảy Giác Chi. Còn nếu người kết tập bài kinh Bảy Giác chi này chưa có Tam Minh. Vì chưa có Tam Minh nên kết tập bài kinh này không theo thứ tự năng lực của Bảy Giác Chi xuất hiện mà chỉ dựa theo Bảy pháp Giác Chi thì kết tập không đúng. Thứ tự của bảy pháp Giác Chi trong kinh này ghi như sau:

**Niệm Giác Chi
Trạch Pháp Giác Chi
Tinh tấn Giác Chi
Hỷ Giác Chi
Khinh An Giác Chi
Định Giác Chi
Xả Giác Chi**

Ngược lại, khi tu tập pháp Thân Hành Niệm trên Tứ Niệm Xứ thì Bảy Năng Lực Giác Chi xuất hiện theo thứ tự như sau:

**Tinh tấn Giác Chi
Khinh An Giác Chi
Hỷ Giác Chi
Niệm Giác Chi
Định Giác Chi
Xả Giác Chi
Trạch Pháp Giác Chi**

Nhờ có Bảy Năng Lực Giác Chi này nên tâm được định tĩnh, nhu nhuyễn, dễ sử dụng. Vì thế, chúng tôi nhập Tứ Thánh Định và thực hiện Tam Minh không có khó khăn, không có mệt nhọc.

Nếu không có kinh nghiệm tu chứng Tam Minh thì câu kinh trên đây chỉ là một lý thuyết suông của các nhà học giả. Bảy Giác Chi chỉ là Bảy Giác Chi chữ nghĩa mà thôi.

Lời dạy cô đọng như thế này làm sao ai tu tập được? “*Bảy Giác Chi này được tu tập, làm cho sung mãn, làm cho đầy đủ Ba Minh*”. Xin các bạn lưu ý. Đây là lý thuyết suông không phải pháp tu hành của các bạn. Tu chưa chứng mà kết tập và viết kinh sách như vậy là giết người bằng ngòi bút. Bảy Giác Chi này được tu tập là tu tập như thế nào? Kinh dạy ngắn gọn làm cho sung mãn. Vậy, làm cho sung mãn bằng cách nào? Cũng như kinh nói, làm cho đầy đủ Tam Minh. Vậy, làm cho đầy đủ Tam Minh như thế nào?

Không ngờ Bảy Giác Chi này được tu tập, làm cho sung mãn, làm cho đầy đủ Ba Minh thì phải tu tập Tứ Niệm Xứ trong giai đoạn cuối cùng, tức là thực hiện Thân Hành Niệm. Duy nhất chỉ có Pháp Thân Hành Niệm được tu tập, được thành như cỗ xe kiên cố, được làm thành như căn cứ địa thì Bảy Năng Lực Giác Chi mới xuất hiện.

Nhờ Bảy Năng Lực Giác Chi mới đủ sức giúp cho chúng ta nhập các định và thực hiện Tam Minh. Nếu không có bảy năng lực Giác Chi thì trên đời này không ai thực hiện được Tam Minh.

BÚA TRONG MIỆNG

LỜI PHÁT DẠY

*“Con người được sanh ra
Sanh với búa trong miệng
Người ngu nói điều xấu
Là tự chém vào mình.”* (Tăng Chi Bộ Kinh tập 4 trang 469).

CHÚ GIẢI:

Trên đây là một lời khuyên chân thật của Đức Phật đối với loài người. Khi sanh ra làm người, ai ai cũng có chiếc búa trong miệng. Nếu người có trí thì không nói những lời ác mà

phải nói lời lành. Chỉ có những người ngu mới nói lời ác. Những lời nói ác và những lời lành rất khó phân biệt. Vậy, muốn biết lời ác và lời lành thì phải căn cứ vào đâu?

Muốn biết lời ác và lời lành thì phải căn cứ vào giới luật Phật mà xác định. Về lời nói thì có bốn lời nói ác khẩu:

Nói lời hai chiều

Nói lời không thành thật

Nói xấu người khác, nói vu khống

Nói lời hung dữ là lời nạt nộ, chửi mắng, la hét, lớn tiếng, gầm thét, la lối, chửi thề, mày, tao, thằng, con, v.v.

Người có những lời nói hung dữ này như búa trong miệng chém vào mình. Khi nói ra những lời này thì người thọ khổ trước tiên chính là thân tâm của họ. Phải không các bạn? Các bạn có thấy những sự việc này xảy ra không? Người đang chửi mắng người là người nói ác, người nói ác là người khổ đau trước người bị nói. Cho nên người có trí không bao giờ nói xấu ác người khác.

Đây, chúng ta hãy lắng nghe cuộc đàm thoại giữa Phật và ông Phú Lô Na: “Một hôm ông Phú Lô Na xin Phật đi hóa độ ở một phương xa, Phật hỏi:

- “Ta nghe nói dân ở nước đó hung dữ lắm, liệu ông đến đó có độ được chăng? Họ sẽ chửi ông. Ông có kham nhẫn được không?

- Nếu họ chửi con là họ còn thương con vì họ chưa lấy đá ném con.

- Nhưng họ lấy đá ném ông. Ông nghĩ sao?

- Nếu họ lấy đá ném con, nhưng họ cũng còn thương con chưa lấy dao đâm con.

- Nếu họ lấy dao đâm ông chết thì ông nghĩ gì?

- Nếu họ lấy dao đâm con chết là họ còn thương con, vì họ đâm con chết để con không còn khổ đau nữa, vì mang thân này con phải chịu biết bao nhiêu sự khổ đau của kiếp làm người.

- Thôi! Ông hãy đi! Đi!...”

Trên đây là một bài học đạo đức rất thực tế và cao thượng tuyệt vời qua sự đối đáp của Phật và ông Phú Lô Na.

Cho nên kẻ nào ngu si mới dùng lời nói ác; chửi mắng người, mạ lị mạ sát người, nói xấu người, đặt điều nói xấu người, nói không đúng sự thật, nói vu khống vu oan người, nói thêu dệt, nói lật lọng, lấy trái làm phải, lấy phải làm trái, v.v...

Cho nên trong kinh Pháp Cú Đức Phật dạy:

*“Con người được sanh ra
Sanh với búa trong miệng
Người ngu nói điều ác
Là tự chém vào mình”.*

Các bạn có nhìn thấy một người đang chửi mắng người khác chẳng? Họ la lối, múa tay, múa chân, dùng hết sức để la cho to tiếng, như cái loa. La lối như vậy là tự làm hao sức lực của mình. Đó là tự làm khổ mình, là búa trong miệng trở lại chém mình.

Người nói lời không thật, nói lời hung dữ, nói xấu người, nói vu khống, nói lật lọng, nói thêu dệt, nói ác cho người khác, nói phỉ báng, nói mạ nhục, nói vu oan, v.v... như trên đã nói. Những lời nói đó là búa trong miệng sẽ tự chém lại người đó. Ở đây, Đức Phật cho những người có lời nói như vậy là người ngu. Người có trí thông minh không bao giờ có những lời nói hung ác như vậy, lời nói của họ rất ngọt ngào, êm dịu, không đối trá, không hung dữ, v.v...

Khi nói đến một việc gì, thì chúng ta phải thông suốt việc ấy, nếu chưa thông suốt mà vội đem ra bàn, thì lời nói của chúng ta là lời nói dối, lời nói dối là lưỡi búa trong miệng sẽ chém lại chúng ta, tự biến mình trở thành kẻ nông nổi, cạn cợt, có ác ý, chủ quan, kiến chấp, thiếu trí tuệ, không chân thật, mất uy tín, v.v... Xin các bạn nên lưu ý giữ gìn lời nói như giữ tròng con mắt, nếu một khi lỡ lời nói không lấy lại được thường lời nói hay làm khổ mình khổ người và khổ cả hai. Cho nên các bạn hãy tu khẩu hành (miệng) của mình. Lấy gương ông Phú Lô Na đối với mọi người như vậy thì ngay đó chúng ta đã tìm thấy sự an vui thanh thản an lạc và hạnh phúc ngay liền và không có một ác pháp nào tác động được vào thân tâm.

PHÓNG SANH

***Hỏi:** Kính thưa Thầy! Ở Châu Đốc người ta thường lợi dụng dịp vía bà Chúa Xứ, vía Quán Âm rằm lớn bắt chim nhót vào lồng bán cho khách hành hương phóng sanh đó có ý nghĩa gì không? Thế nào là phóng sanh đúng chánh pháp?*

Đáp: Phóng sanh đúng chánh pháp là phóng sanh theo luật nhân quả, là phóng sanh đúng thời, đúng đối tượng. Đúng thời, đúng đối tượng như thế nào ?

Đúng thời và đúng đối tượng là thời gian vô tình chúng ta gặp một con vật đang bị lưới, bị câu thì ngay đó chúng ta xin mua con vật đó để phóng sanh. Đó là đúng giờ giấc và đối tượng nhân quả ta và con vật. Nếu xem xét trong nhân quả thì ta và con vật có nhân duyên với nhau đã khéo gieo nhân quả trong tiền kiếp, nên kiếp này gặp nhau trong hoạn nạn.

Ta phóng sanh như vậy là phóng sanh đúng thời, đúng đối tượng, còn ra chợ mua chim cá phóng sanh là khiến cho người bắt chim cá giam nhốt lại trong chậu trong lồng để chờ

chúng ta đến mua phóng sanh cho có giá. Phóng sanh như vậy là chúng ta mang tội đồng lõa với kẻ bắt chim cá. Có nghĩa chúng ta phóng sanh là trở lại thành tội sát sanh. (Vì đi bắt chim cá nhốt là đã vô tình giẫm đạp một số con vật chết; và khi nhốt thì có thể chúng bị thương, bị đói, bị xa đàn, lẻ bầy...lòng dạ chúng cũng thương nhớ, âu sầu, sợ hãi...và chết; hoặc có khi người khác thích ăn loại chim cá ấy đến mua thì chúng bị giết hết.)

Kinh sách Đại Thừa dạy phóng sanh nhưng không giải thích rõ ràng, vì thế người phóng sanh không được phước báo ngược lại trong nhà có nhiều tai nạn, bệnh tật cho người này hoặc người khác. làm phước mà không thấy phước, mà chỉ thấy tai họa, thật là tội nghiệp.

Nếu từ đây có ai phóng sanh thì con khuyên họ, phóng sanh cho đúng chánh pháp, cho đúng luật nhân quả, chứ không khéo phóng sanh mà cuối cùng lại mang họa vào thân.

Loài chim cá bị lưới rập chài câu đều là do nhân quả đời trước, mà đời nay phải làm thân chim cá để bị người đời chài câu lưới rập lại.

Cho nên người làm nghề chài lưới cá tôm sau này thành thân cá tôm cho người khác chài lưới lại, đó là nhân quả.

Người săn bắn lưới rập chim thú, sau này trở thành chim thú cho người khác săn bắn và lưới rập trở lại.

Qui luật nhân quả xoay vần không ai có thể thoát lưới rập của nó được.

Loài người và loài vật được sanh ra đều do qui luật của nó. Cho nên không ai trốn khỏi luật nhân quả. Nhân nào thì quả nấy, có vay thì phải có trả. Đối với luật nhân quả mà không đủ trí tuệ thì làm một điều thiện nhưng trở lại là làm một điều ác như đi ra chợ mua chim cá phóng sanh. Mới nghe thì rất thiện, nhưng lại là ác pháp vì không trí tuệ, thiếu sự hiểu

biết vô tình khiến người làm ác lại làm thêm, nên làm thiện mà lại làm tội ác đồng lõa.

Cũng như bô thí cho người ăn mày nghèo, không ngờ chúng ta lại bị người không nghèo lừa đảo. Họ không nghèo giả vờ nghèo, họ không tàn tật giả vờ tàn tật ngửa tay xin tiền. Ta vô tình bị lừa đảo tiền mất mà không phước lại còn bị kẻ lừa đảo cười chê cho mình là ngu. Cho nên có một hôm Vua Ba Tư Nặc hỏi Đức Phật: *“Chúng con là người cư sĩ bô thí, cúng dường, phóng sanh đúng chánh pháp như thế nào xin Thế Tôn chỉ dạy.”*

Đức Phật bảo: *“Này Đại Vương muốn cúng dường, bô thí, phóng sanh cho đúng chánh pháp. Khi cúng dường phải chọn những người tu sĩ giới luật nghiêm chỉnh mà cúng dường thì mới được phước báo. Còn cúng dường cho những tu sĩ phạm giới, phá giới thì không được phước mà còn thêm tội nổi giáo cho các tu sĩ phạm giới diệt Phật giáo.”*

Tội ấy muôn đời sẽ không còn gặp chánh pháp của Đức Phật và đời sau sanh làm người, làm vật đều gặp nhiều tai nạn, bệnh tật nan y khổ đau vô cùng, vô tận.

“Này Đại Vương muốn bô thí thì phải chọn một người nghèo mà ăn ở hiền lành, hiếu hạnh đối với cha mẹ, không tham lam, trộm cướp, không giết của người, không lấy của không cho. Bô thí cho những người ấy thì được phước báo vô lượng. Bản thân ít bệnh tật, ít tai nạn gia đình luôn luôn mọi người đều được bình an, yên vui và hạnh phúc tràn trề. Còn bô thí cho những người ác tham lam, lấy của không cho, trộm cắp, cướp giết thì không được phước báo mà còn tai họa sẽ đến, hay gặp bệnh tật khó trị.”

Sư cô Trí Hải chuyển dịch Anh ngữ sang Việt ngữ những kinh sách có giá trị được mọi người biết đến, nhưng khi đi làm từ thiện, đem tài vật đi bô thí cho những người nghèo,

bất hạnh, nhưng bị tai nạn giao thông làm Sư cô chết một cách đột ngột thê thảm và đau xót. Bồ thí mà không được phước mà mang họa vào thân.

Nhân quả do những người tham lam giết người, cướp của, hai mạng chúng sanh hay ăn thịt chúng sanh hoặc bắt chim cá bán cho người phóng sanh. Vì thế mới lâm vào cảnh màn trời chiếu đất nghèo khổ, bất hạnh. Họ là những người không thiện, thế mà mình không trí tuệ mang của cải tài sản đến cho họ, nên mình phải lãnh nhân quả của họ. Vì thế tai nạn mới về mình.

Cho nên Đức Phật dạy bồ thí phải chọn lấy những người hiền lành mà bồ thí thì mới được phước báo.

Muốn phóng sanh thì phải chọn đúng nhân quả mà phóng sanh, chứ không phải đi tìm nhân quả của loài chúng sanh đang trả vay nợ nhân quả mà phóng sanh thì sai, không đúng chánh pháp. Phóng sanh như vậy là lãnh nhân quả của chúng. Cho nên người phóng sanh không được phước mà lại gặp tai nạn, đó là lãnh nhân quả của chúng.

Đại Thừa dạy phóng sanh hay bồ thí thì người phóng sanh, bồ thí không biết mình phóng sanh, bồ thí và người nhận bồ thí và vật được phóng sanh cũng không biết. Theo Đại Thừa phóng sanh và bồ thí như vậy mới là bồ thí và phóng sanh đúng chánh pháp. Lời dạy này là lời dạy phóng sanh bồ thí không trí tuệ, dạy như vậy đi phóng sanh và bồ thí để trở thành cây đá. Bồ thí mà không biết mình bồ thí, phóng sanh mà không biết mình phóng sanh thật là vô lý, người được thí mà không biết mình được bồ thí. Thật là ngu ngơ. Bồ thí, phóng sanh như vậy, là kẻ ngu dại si mê.

Đối với Đạo Phật phóng sanh hay bồ thí đều bằng trí tuệ nhân quả. Soi sáng tận gốc của nhân quả mới bồ thí, cúng dường và phóng

KHI TU XONG, CÒN THAM, SÂN, SI NỮA KHÔNG ?

Hỏi: Kính thưa Thầy, câu “vì vô minh nên ta sống viển ly” có phải người sống viển ly như vậy tu toàn pháp quán, tướng, Định Vô Lậu, tu không có đối cảnh để buông xả, ly dục ly ác pháp...nhưng khi ra giữa chợ, họ còn thèm ăn, ai chửi mắng họ còn có tức giận và tham, sân, si nữa hay không?

Đáp: “Vì vô minh ta sống viển ly” Vô minh là không hiểu rõ, viển ly là xa lìa.

Câu này không có nghĩa bỏ cuộc đời sống một mình trong rừng núi như các nhà Yoga, ông Nguyễn Bình Khiêm mà phải hiểu “Vì thông hiểu rõ các pháp nên các pháp đến ta đều bỏ xuống không cho dính mắc trong tâm”.

Tu không đối tượng không bao giờ có giải thoát chỉ là một dạng người yếm thế tiêu cực trốn đời, lánh khổ. Đạo Phật không chấp nhận điều này nên pháp môn hành thiền của Ngài, Thiền Thứ Nhất “ly dục ly ác pháp” diệt ngã xả tâm quét sạch ngũ triền cái, đoạn dứt thất kiết sử, chỉ khi nào tâm không còn tham, sân, si, mạn, nghi nữa, thì mới sống độc cư trong rừng núi một mình để thực hiện những thiền định sau cùng. Xưa Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã trải qua nhiều kiếp tu hạnh “Nhẫn nhục”, “Tứ vô lượng tâm” (tu có đối tượng) đến kiếp cuối cùng Ngài mới thành Phật. Tu có đối tượng tức là “Hoa sen nở trong lò lửa”.

Người tránh cảnh, tu để tiêu dao, thanh thoi an lạc không ai quấy rầy là người yếm thế như Lão Trang (Tiên Đạo). Khi đụng đến đối tượng, bao nhiêu tâm phiền não vẫn còn đầy đủ.

Đạo Phật không yếm thế, ngay cảnh phiền não, giải quyết tâm mình, buông xả hay viển ly, tức bỏ đề (giải thoát).

“Vi vô minh ta sống viễn ly”, câu này theo như các con hiểu khi tâm chúng ta còn tham, sân, si thì nên sống tránh xa mọi người, tìm nơi thanh vắng yên tịnh, để tu tập thiền định đến khi nhập các định xong, nhờ các định sẽ quét sạch tâm tham, sân, si, điều này là ảo tưởng con ạ! Con nên nhớ trong Bát Chánh Đạo, Chánh Định không bao giờ đi trước Chánh Kiến, Chánh Tư Duy và Chánh Ngữ, v.v...

Các con nên nhớ, khi sống trong rừng núi một mình tâm chúng ta không bao giờ chịu cô đơn, nó sẽ tìm mọi cách lý luận.

Cho nên khi vào trong rừng núi ở tu một mình tâm sanh ra nhiều thứ chướng ngại khiến cho chúng ta bỏ hạnh độc cư thường hay thỉnh thoảng đi tới đi lui như sư cô sư Thầy còn ngồi lì trong thất tu hành mà không xả tâm lại ức chế tâm, nên tâm đến khi có pháp chướng ngại thì tâm nổi lên sân âm âm như Minh Tông mà các con là những người đã trực tiếp chứng kiến sự tu tập từ đầu đến cuối hoàn toàn sống cách ly suốt gần năm năm, thế mà tâm Thầy vẫn còn phiền não và sân hận như người bình thường chưa tu, rất ủng hộ công tu tập gần năm năm trời một thời gian quá dài bây giờ trở về với một số “không”, chỉ còn có hình thức tu hành mà thôi, chứ xét nghiệm lại đức hạnh thì cũng không có mà thiền định thì lại rơi vào thiền tà giáo ngoại đạo của kinh sách phát triển, cho nên năm năm trời tu hành chẳng ích lợi cho mình và cho người, bây giờ chỉ còn nói vọng ngữ lừa đảo với thiên hạ mà thôi.

“Vi vô minh ta sống viễn ly”, hiểu như các con đó là sai, vì hiểu sai như vậy đã biến Đạo Phật trở thành đạo yếm thế, nhưng để chứng minh cho các con thấy, các huynh đệ của các con đã để lại một kinh nghiệm sai lầm quá lớn *“Vi vô minh ta sống viễn ly”*.

Xưa, có một vị Hòa Thượng ở trong rừng núi, ông xin một đứa bé hài nhi đem về núi nuôi dạy tu hành, khi đứa bé đến tuổi trưởng thành ông đưa về thành phố nơi phồn hoa đô hội “Ngựa xe như nước áo quần như nem”. Khi vào thành phố đứa bé thấy mọi vật cái gì cũng đẹp cũng lạ và nhất là phụ nữ thì cậu ta lại càng thích hơn và hỏi Thầy: “đó là con vật chi thừa Thầy?”.

Vị Thầy trả lời : “Đó là con cạp”.

Cậu bé hỏi: “Con cạp có dữ không thừa Thầy? Sao con thấy nó dễ thương quá vậy”.

Vị Thầy trả lời: “Con cạp dữ lắm con ạ! Nó sẽ ăn thịt con đó, con đừng nên lại gần nó”.

Sau chuyến đi thành phố này trở về núi, cậu bé không còn vui đùa hồn nhiên như trước, luôn luôn lúc nào cũng có chiều suy tư. Một hôm cậu thưa với Thầy: “Kính bạch Thầy! Xin Thầy cho phép con mua con cạp đó về nuôi được không? Sao con ưa thích nó quá”.

Vị Thầy làm thinh không trả lời và suy tư: “*Tu hành theo Đạo Phật không thể tránh cảnh mà tâm thanh tịnh được, trực tiếp trong mọi cảnh và phải thấu suốt cảnh vật, có trực tiếp có thấu suốt thì mới buông xả được*”, còn cậu bé này được cách ly thế giới bên ngoài từ lúc sơ sinh cho đến 18 tuổi chuyên ngồi thiền niệm Phật tụng kinh bái sám, nhưng ngồi thiền, niệm Phật, tụng kinh, bái sám chẳng giúp gì cho cậu buông xả được mà ngược lại khi trực tiếp vào cảnh thì cậu bị lôi cuốn ngay từ lúc đầu “ái dục”.

Cho nên câu nói “*Vì vô minh ta sống viễn ly*” đó là lời nói sai không đúng. Đừng hiểu lầm theo kiểu kinh sách phát triển của Đại Thừa và Thiên Đông Đô, trí tuệ từ thiên đình sanh ra, điều này không đúng, người ta cứ nghĩ rằng khi tọa thiền, ngồi im lặng thân tâm bất động tức là tâm hết vọng tưởng thì

trí tuệ sanh, hiểu như vậy là hiểu sai. Trí tuệ được phát triển từ chỗ quán xét tư duy đúng đạo đức nhân quả không làm khổ mình khổ người, còn ngược lại tọa thiền ức chế tâm, tâm không vọng tưởng, từ trong sự yên lặng đó tưởng tuệ phát sanh, khiến cho từ xưa đến nay mọi người đều lầm tưởng rằng tưởng tuệ là trí tuệ, cho nên kinh sách của các Tổ viết ra đều do tưởng tuệ, chứ không phải trí tuệ.

Cái sai thứ nhất của kinh sách phát triển và Thiền Tông là: Khi tâm hết vọng tưởng do sự tập trung ức chế ý thức mà cho là định thì đó không phải định của Đạo Phật, mà định của ngoại đạo.

Cái sai thứ hai là: Trong chỗ hết vọng tưởng phát sanh sự hiểu biết, mọi người đều lầm tưởng cho sự hiểu biết đó là trí tuệ, sự thật đó là tưởng trí chứ không phải trí tuệ. Đức Phật đã xác định trí tuệ ở đâu thì giới luật ở đó, mà giới luật tức là đức hạnh, cho nên người có đức hạnh là người có trí tuệ, người có trí tuệ là người có đức hạnh.

Trí tuệ hiểu biết những tướng pháp như hiểu biết trong kinh sách Đại Thừa và các công án của Thiền Đông Độ là tưởng tuệ sự hiểu biết đó không ích lợi cho mình cho người, sự hiểu biết đó chỉ là một hý luận. Từ xưa đến giờ các thiền sư dựng lên trò hý luận “*công án*” nói Đông trả lời Tây, nói Nam trả lời Bắc và còn hơn thế nữa là la, hét, chỉ, trở, v.v...

Vì hiểu không đúng nên mọi người khi nói đến tu thiền định thì ai ai cũng nghĩ rằng phải tìm nơi yên tịnh vắng vẻ để tu tập thiền định, chùng nào đắc định thì trí tuệ phát sanh, trí tuệ phát sanh sẽ quét sạch tâm tham, sân, si và các chướng ngại pháp, do sự hiểu lầm lạc mà người ta để ra câu kinh này: “*Vì vô minh ta sống viễn ly*”.

Thuần Tâm là một hành giả Yoga, ông biên soạn và viết về các loại sách này có câu: “*Có thiền định mới có trí tuệ, ngoài*

thiền định không có trí tuệ”. Nếu không có bài kinh Sonadanda trong kinh Nguyên Thủy thì lấy đâu chính đốn sự sai lầm này.

Đạo Phật lấy đức hạnh làm thanh tịnh trí tuệ, lấy trí tuệ làm thanh tịnh đức hạnh, do vậy mà người tu sĩ lấy đối tượng các chướng ngại pháp của cuộc sống đẩy lui khỏi tâm mình bằng sự triển khai trí tuệ vô lậu, cho nên câu: “*Vì vô minh ta sống viễn ly*”. Muốn hết vô minh ta phải sống viễn ly các ác pháp chứ không phải sống viễn ly là tránh né trốn đời, trốn ác pháp.

Khi mà tránh né trốn đời, trốn ác pháp, tìm nơi yên tịnh, thanh vắng tu tập thiền định của Đại Thừa và thiền Đông Độ, khi triệt ngộ xong có nghĩa là họ đã thành một thiền sư chánh thức, khi họ xuống núi va chạm vào cuộc đời thì tâm tham, sân, si họ vẫn còn đủ và có thể còn nhiều hơn nữa bằng chứng các thiền sư Trung Hoa, Nhật Bản, Việt Nam sống phạm giới, phá giới, sống ăn uống phi thời, chùa to Phật lớn, và mỗi vị Hoà Thượng tịch đều xây tháp vĩ đại, khiến cho hao tài tốn của, mang nợ của đàn na thí chủ quá nhiều, mà họ có làm lợi ích được những gì cho ai đâu.

Vào đầu thế kỷ thứ 20 làn gió Thiền Tông từ Nhật Bản thổi sang Tây Âu làm dậy sóng. Đánh thức tỉnh Á Châu, nhưng bước sang đầu thế kỷ thứ 21 Thiền Tông bắt đầu tuột dốc, vì người ta đã tìm thấy thực chất của nó là một trò hý luận ảo tưởng. Hai vị Thiền Sư lớn nhất của Việt Nam là Hoà Thượng Nhất Hạnh và Hoà Thượng Thanh Từ đã bắt đầu quay hướng về những lời dạy Nguyên Thủy của Đức Phật, gần đây những bài giảng của hai Ngài rất gần với ý kinh Tứ Chánh Cần.

Tóm lại, tu hành thiền định của Đạo Phật, không phải chỗ ngồi thiền, tụng kinh, bái sám, niệm chú, niệm Phật, v.v.. mà

ở chỗ ngăn ác diệt ác pháp và đẩy lui các chương ngại pháp trong tâm, thì đó mới chính là tu thiền của Đạo Phật.

LÀM VIỆC BIẾT LÀM VIỆC CÓ XẢ TÂM KHÔNG ?

Hỏi: Kính thưa Thầy, tại sao vừa làm việc, vừa suy tư để buông xả tâm mình, nhưng con lại tu không được hay chính hành động con làm là buông xả chẳng? Có đúng như vậy không?

Đáp: Vừa làm vừa suy tư để buông xả tâm mình là tu Định Vô Lậu câu hữu Thân Hành Niệm tức là tỉnh thức trong hành động làm việc để xả tâm.

Vừa làm, vừa không suy tư chỉ biết hành động đang làm là tu Chánh Niệm Tỉnh Giác Định. Chính hành động đang làm mà biết đang làm là tỉnh thức, chớ không phải buông xả, có tỉnh thức mới biết cái đúng cái sai, mới biết nhấn nhục, tùy thuận, bằng lòng mà buông xả. Buông xả là tu Định Vô Lậu.

Tâm tỉnh thức trong hành động làm, tức là tâm biết mình đang làm công việc đó, không có niệm khởi hoặc tùy miên trong niệm hoặc vô ký tức là quên, quên hành động làm, thì đó mới chỉ là tỉnh thức, chứ chưa xả niệm. Con nên phân biệt Định Vô Lậu và Định Chánh Niệm Tỉnh Giác (Thân Hành Niệm) khác nhau nhưng rất hỗ trợ cho nhau trên đường tu tập giải thoát, nếu biết kết hợp lại.

Con nên phân biệt khi làm việc biết mình làm việc nhưng phải nhớ dùng pháp hướng tâm như lý tác ý: *“Tâm như đất, không còn tham, sân, si nữa; tham, sân, si là khổ đau là ác pháp phải viễn ly phải xa lìa, phải đoạn diệt không được để trong tâm nữa, nếu không xa lìa các ác pháp đó tức là ngu si”*. Vừa làm việc, vừa tỉnh thức trong động, vừa làm việc cũng

vừa tỉnh thoả hướng tâm, nhắc tâm; hướng tâm, nhắc tâm càng nhiều càng tốt trong việc Chánh Niệm xả tâm.

Mục đích tu hành xả tâm tham, sân, si là phải tỉnh thức để xả tâm nhờ pháp hướng, nếu tâm đang thanh thản, an lạc và vô sự thì pháp hướng là một vai chánh trong sự tu tập xả tâm và ác pháp, chứ không phải tâm con biết hành động làm là buông xả mà chính pháp hướng tâm là buông xả. Còn khi tâm có niệm chướng ngại pháp khởi sanh thì con phải tỉnh ngay niệm khởi đó để dùng Định Vô Lậu quán xét cho thấu suốt niệm khởi đó để hoàn toàn đẩy lui khỏi tâm con thì mới gọi là xả tâm.

TRÍ NGU

LỜI PHÁT DẠY

*“Người ngu nghĩ mình ngu
Nhờ vậy thành có trí
Người ngu tưởng có trí
Thật xứng gọi chí ngu”.* (Kinh Pháp Cú.)

CHÚ GIẢI:

Con người ở đời thường hay thấy cái sai của người khác, ít khi thấy cái sai của mình. Đó là những người ngu.

Người ngu thường hay nói xấu người khác và hay khoe khoang cái hay (ngu) của mình. Ở tu viện Chơn Như có một số người về đây tu tập, tu hành chưa tới đâu mà vội hội họp nói chuyện khoe khoang mình tu được thể này, thể khác, thậm chí có người còn khoe khoang mình nhập Tam Thiên, Tứ Thiên...Rồi khoe khoang mình có đến 6, 7 cái Giác Chi...Nếu có 6, 7 cái Giác Chi, thế sao đến bây giờ chưa nhập được Sơ Thiên? Ăn, ngủ, đọc cư còn chưa giữ trọn vẹn,...hễ có chuyện gì không vừa ý là tức giận rồi xách gói ra đi...Vừa

rồi có một người tu tập ở đây 3, 4 năm sống không đúng Phạm hạnh bị tu viện mời ra khỏi. Khi trở về thăm tu viện tuyên bố đã nhập được từ Sơ Thiền đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, nhưng xét qua giới luật là người sống phi Phạm hạnh, phá giới, phạm giới, đi đâu cũng có vợ con đi theo hộ tống thế mà bốn thiền hữu sắc và bốn định vô sắc đều nhập được cả. Như vậy các bạn có tin không?

Xét qua giới luật thì biết ngay người ấy nhập định được hay không rất dễ dàng. Mọi người cứ nghĩ rằng thiền định của Đạo Phật không có tiêu chuẩn để xét duyệt hay sao? Dám tuyên bố một cách bừa bãi như vậy? Tưởng chưa có ai nhập các định này sao? Đừng khinh rẻ mọi người thái quá. Nói như vậy người ta không biết mình nói láo sao? Khi mình chưa nhập định được, nói như vậy là làm mất uy tín các bạn ạ! Nói như vậy là tự giết mình.

Những người mê mờ dám khoe khoang một điều mình chưa làm được với những người chưa biết, chưa tu, chứ những người đã biết đã nhập định thì đâu dễ gì lường gạt họ được. Kinh sách Nguyên Thủy của Phật Giáo đã xác định tiêu chuẩn và phương pháp nhập định như thế nào rất rõ ràng, tại sao các bạn không chịu khó nghiên cứu, để không bị những người háo danh lừa đảo. Cho nên Đức Phật dạy: *“Nếu tu tập có đạo lý gì thì không được nói ra, chỉ nói ra khi thấy mình có lỗi làm để phát lồ sám hối ăn năn chừa bỏ không tái phạm lại nữa”*. Đó là những điều Đức Phật nhắc nhở chúng ta hằng ngày. Bởi vậy kinh Pháp Cú dạy:

*“Minh ngu nghĩ mình ngu
Nhờ vậy thành có trí”*.

Đúng vậy, hằng ngày chúng ta nên xét lại mình thấy có những điều làm cho mình khổ, làm cho người khác khổ thì hãy mau ngăn chặn và diệt chúng cho tận gốc, bằng cách tư duy quán xét. Và phải luôn luôn xấu hổ khi có một hành

động, một lời nói hay một ý nghĩ làm cho mình khổ làm cho người khác khổ hay tất cả chúng sanh khổ thì phải hối hận ăn năn từ bỏ. Người biết tu tập những việc này là người biết mình ngu tức là người có trí đấy các bạn ạ!

Trong cuộc đời tu hành theo Phật Giáo chỉ có trầm tư suy nghĩ tìm cái ngu của mình để lần lần khắc phục sửa sai những lỗi lầm. Đây là người có trí các bạn ạ.

Còn ngược lại người ngu mà không biết mình ngu là người rất ngu. Tất cả các pháp trên thế gian này đều vô thường, không có vật gì thường hằng bất biến, không có vật gì là mình, là của mình, thế mà cứ lầm chấp là mình, là của mình. Do sự lầm chấp như vậy mà lao đầu vào chôn đầu sôi nước bỏng để chịu lấy những sự khổ đau bất tận cũng giống như loài thiêu thân lặn mình vào ánh sáng của ngọn đèn. Đó là những người ngu mà không biết mình ngu. Còn biết bao nhiêu sự ngu trong thế gian này nữa, như người chết là tan hoại hết không có tàn dư một chút xíu thức nào cả. Vậy mà, từ trong các tôn giáo cho đến những người có học thức cùng những người không học thức đều cho rằng người chết còn có linh hồn bất diệt nên từ đó họ bỏ tiền bạc tiêu hao về vấn đề này một cách nhảm nhí rất đáng thương. Họ thường cầu siêu, đốt tiền, vàng mã ... cho người chết, họ làm những điều mê tín lạc hậu. Đó là những người ngu mà không biết mình ngu, thật là người chí ngu đáng thương vậy.

Thưa các bạn! Những điều chúng tôi vừa nói trên đây có lẽ là lời nói quá thẳng thắn, dùng chữ ngu si quá nặng nề, khiến cho các bạn tư ái không vui lòng. Có phải vậy không các bạn? Xin các bạn vui lòng tha thứ cho. Nếu không dùng lời nói thẳng thiếu văn hóa, kém lịch sự như vậy thì mọi người cứ nghĩ mình là người khôn ngoan, thì tệ nạn mê tín lại còn tệ hại hơn nữa.

Xin các bạn cứ suy ngẫm lại thì xét thấy lời nói thẳng của chúng tôi là một lời chân thật, đầy lòng yêu thương của chúng tôi gửi đến các bạn, để trên đời này chúng ta không còn là người ngu nữa. Phải không hề các bạn?

CỨU ĐỘ CHA MẸ KHI ĐÃ KHUẤT BÓNG

Hỏi: Kính thưa Thầy! Người tu hành đắc đạo, khi cha mẹ đã qua phần lâu rồi, có độ được hay không?

Đáp: Khi tu xong đắc Tam Minh, dùng Thiên Nhân Minh quan sát khắp cả Thế gian xem xét coi nghiệp lực cha mẹ mình đã sanh về đâu, biết được vị trí cha mẹ sanh ra và đang ở đó, nghiệp lực đó còn duyên hay đã hết duyên với mình, nếu đã hết duyên thì mình tạo duyên mới tức là gieo duyên để gặp lại cha mẹ, nếu còn có duyên cũ thì sớm muộn gì, nghiệp lực nhân quả sẽ đưa đẩy cha mẹ gặp lại mình dễ dàng nhưng lại sợ mình tu chưa chứng nên không làm sao nhận ra người được. Khi gặp nhau nghiệp lực nhân quả có sức thu hút tạo thành một thiên cảm. Nhờ đó, người tu chứng dùng lời lẽ hay dùng kinh sách để giúp cho người thân của mình hiểu thông đạo đức nhân bản nhân quả làm người và tạo duyên hoặc khuyến khích độ cha mẹ tu hành thọ Bát Quan Trai và hằng ngày sống trong hành động ngăn ác diệt ác pháp để người thân của mình không tạo nhân ác luôn tạo nhân thiện. Đó chính là mình độ những người thân thương của mình có một đời sống với thân tâm thanh thản, an lạc và vô sự. Nếu họ có duyên trong một đời này thì mình sách tấn họ trở thành những bậc xuất gia để tiến tới tu tập thiền định và Tam Minh chấm dứt sanh tử luân hồi, không còn tái sanh lại cõi thế gian này nữa.

Với việc làm này của một người tu chứng Tam Minh thì không còn khó khăn, chúng ta nhớ lại khi mẹ Đức Phật sanh

Ngài ra chỉ trong vòng bảy ngày mẹ Ngài chết. Lúc bấy giờ Đức Phật được người dì nuôi nấng cho đến trưởng thành đi tu và chứng đạo. Sau khi chứng đạo Ngài quan sát thấy nghiệp lực của mẹ sanh lên cõi Trời và mùa hạ năm đó Đức Phật đến cõi Trời để dạy mẹ mình tu hành, còn vua cha Đức Phật cũng hướng dẫn cha mình tu tập và sau khi chết được sanh lên cõi Trời. (33 cõi Trời là 33 từ trường thiện, thập thiện... chứ không có 33 cõi giới siêu hình – Xem bài thế giới siêu hình không có ở những phần sau nơi bộ sách này).

Như vậy, mẹ của Đức Phật chết gần bốn chục năm, Ngài tìm được không mấy khó khăn và độ mẹ mình tu hành, trong kinh sách còn ghi lại rõ ràng. Nếu chúng ta nỗ lực tu hành khi chứng được Tam Minh thì không lý nào một người tu sĩ đệ tử của Đức Phật lại làm ngơ trước lòng hiếu hạnh của mình sao? Đạo đức của Đạo Phật dạy rất đầy đủ sự hiếu hạnh làm người. Làm người phải nhớ công ơn sanh thành dưỡng dục của mẹ cha, cha mẹ phải chịu biết bao nhiêu sự khổ cực để nuôi con lớn khôn, công ấy như trời biển, không sao kể hết được.

Những người không tu theo Đạo Phật họ còn có hiếu thay, huống là những người tu theo Đạo Phật thì lòng hiếu hạnh của họ phải còn gấp trăm ngàn lần.

Những người tu theo Đạo Phật là những người biết thương mình thương người, vì Đạo Phật tu hành rất khó khăn, nếu ai không thương mình thương người thì không bao giờ tu được, bởi vì tu theo Đạo Phật không tựa nương vào oai lực của ai cả chỉ bằng sức lực của mình, nhất là đời sống của người tu sĩ Đạo Phật phải buông xả vật chất thế gian cho thật sạch thì mới có thể ly dục ly ác pháp được, mà có ly dục ly ác pháp thì mới gọi là thương mình thương người và chính vì vậy mà họ phải thương cha mẹ họ nhiều nhất, cho nên khi tu xong, họ liền quan sát tìm cha mẹ được sanh về nơi đâu rồi

tìm mọi cách để độ cha mẹ, ngũ hầu đền đáp công ơn sanh thành dưỡng dục cao dày như trời, như biển.

BẢY ĐIỀU PHÁP

LỜI PHÁT DẠY

I – “Vị Thánh đệ tử có lòng tin, có lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: Ngài là bậc: A La Hán; Chánh Đẳng Giác; Minh Hạnh Túc; Thiện Thệ; Thế gian Giải; Vô Thượng sĩ; Điều Ngự Trượng Phu; Thiên Nhân Sư; Phật; Thế Tôn”.(10 danh hiệu).

II – “Vị này có lòng tà, tự xấu hổ vì thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh, tự xấu hổ vì thành tựu ác, bất thiện pháp”.

III – “Vị này có lòng quý, tự sợ hãi vì thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh, tự sợ hãi vì thành tựu ác, bất thiện pháp”.

IV – “Vị này là vị đa văn, nhớ nghĩ những điều đã nghe, tích tụ những điều đã nghe. Những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn nói lên phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, những pháp như vậy, vị ấy nghe nhiều, thọ trì đọc tụng bằng lời được trí suy tư, được chánh kiến thể nhập”.

V – “Vị ấy sống tinh cần tinh tấn, trừ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp”.

VI – “Vị ấy có niệm, thành tựu niệm tuệ tối thắng, nhớ lại, nhớ lại nhiều lần những gì đã làm từ lâu, đã nói từ lâu”.

VII – “Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, thành tựu Thánh thể nhập đưa đến đoạn tận khổ đau”.

“Này Mahanama, như vậy vị Thánh đệ tử thành tựu bảy vi diệu pháp”. (Trung Bộ Kinh, tập 2, trang 44).

CHÚ GIẢI:

Bước vào Đạo Phật lòng tin là pháp môn đầu tiên để chúng ta dùng nó mà xung trận đánh dẹp giặc sinh tử luân hồi. Nếu thiếu lòng tin tức là các bạn không có tinh thần chiến đấu.

Trong đoạn kinh này chúng ta còn thấy thiếu hai danh hiệu của Phật nữa là: Như Lai và Ứng Cúng. Như vậy, Đức Phật có 12 danh hiệu, mỗi danh hiệu nói lên được *Đức Hạnh* và *Trí Hạnh* của Phật. Vì thế lòng tin của chúng ta là tin nơi “*Đức Hạnh*” và “*Trí Hạnh*” của một bậc tu chứng, chứ không phải tin nơi thần thông pháp thuật hay ngòi thiên nhập định giỏi.

Chúng ta nên đọc trở lại 12 danh hiệu *Đức Hạnh* và *Trí Hạnh* của Ngài để hiểu rõ ý nghĩa đạo đức của Phật Giáo thật là cao thượng và tuyệt vời, nhưng vẫn ở trong tầm tay của mọi người, ai cũng có thể sống được đức hạnh này, chỉ cần có sự quyết tâm: “*Vị Thánh đệ tử có lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai, Ngài là bậc: 1- Như Lai; 2- Ứng cúng; 3- A La Hán; 4- Chánh Đẳng Giác; 5- Minh Hạnh Túc; 6- Thiện Thệ; 7- Thế gian Giải; 8- Vô Thượng sĩ; 9- Điều Ngự Trượng Phu; 10- Thiên Nhân Sư; 11- Phật; 12- Thế Tôn*”.

Đạo Phật dạy chúng ta tin vào một sự có thật, đó là đức hạnh. Đức hạnh là hành động sống không làm khổ mình khổ người và khổ tất cả chúng sanh hằng ngày của mỗi con người.

Chúng tôi đã giải thích nghĩa lý đức hạnh của mỗi danh hiệu trong 12 danh hiệu này để các bạn thông suốt mà đặt trọn vẹn lòng tin với nền đạo đức nhân quả - nhân bản của Đạo Phật một cách sâu xa và không bị thôi chuyển lòng tin ấy.

Sau khi có được lòng tin thì chúng ta tập tu pháp thứ hai. Pháp thứ hai đó là phải tu tập tính xấu hổ. Một con người không biết xấu hổ là một con thú vật các bạn ạ! Các bạn có thấy điều này không? Bởi vì làm người mà không tu tập xấu hổ thì sẽ lùi lại làm con thú vật. Nhờ có tính xấu hổ mà con người càng ngày càng tiến hóa, tiến hoá trên mọi mặt. Xấu hổ có nhiều cách:

- 1/ Nghèo thua kém người khác là xấu hổ.
- 2/ Làm ăn thua người khác là xấu hổ.
- 3/ Học hành không bằng bè bạn là xấu hổ.

Những người biết xấu hổ là những con người biết vươn lên, biết làm cho tốt hơn, biết cố gắng học tập cho giỏi hơn, biết tự sửa mình làm cho có đạo đức hơn. Cho nên, tính xấu hổ là một đạo đức cao đẹp giúp con người vượt ra khỏi loài thú vật. Ở đây Đức Phật lấy pháp xấu hổ làm pháp tu tập sửa mình để thăng hoa đạo đức làm người. Cho nên Ngài dạy: *“Vị này có lòng tâm, tự xấu hổ vì thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh, tự xấu hổ vì thành tựu ác, bất thiện pháp”*.

Bài pháp thứ hai này Đức Phật dạy chúng ta nên tự xấu hổ với những hành động ác, tức là hành động của thân làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh.

Ví dụ 1: Khi chúng ta lấy tay, chân hay gậy, đá đánh người hoặc chó, gà, heo, dê, lừa, ngựa, bò, trâu, v.v... làm cho chúng đau khổ hay đến chết thì chúng ta nên tự xấu hổ vì những hành động độc ác đó. Hành động ác đó không phải là hành động của một con người thật người, hành động như vậy là hành động của một con thú vật. Ta là con người thì ta phải xấu hổ với những hành động không xứng đáng là con người. Con người là con người thì còn không làm khổ thú vật, huống là làm khổ con người. Phải không các bạn? Cho nên Đức Phật dạy: *“Tự xấu hổ vì thân ác hạnh”*. Xấu hổ vì hạnh ác của thân.

Người biết xấu hổ với hành động ác là người biết chừa bỏ, không hề tái phạm lại những hành động ác đó nữa. Người ấy sẽ trở thành người tốt, người ra khỏi ác pháp. Người ra khỏi ác pháp là người giải thoát mọi khổ đau. Người giải thoát mọi khổ đau là người làm chủ nhân quả hay nói cách khác là người không làm khổ mình, khổ người và tất cả chúng sanh.

Cho nên pháp môn tu tập xấu hổ trong mọi hành động thân ác hạnh là đề ngăn và diệt ác pháp một cách tuyệt vời. Khi chúng ta biết xấu hổ với thân ác hạnh của mình thì chúng ta cũng biết xấu hổ với khẩu ác hạnh của mình. Vậy khẩu ác hạnh là gì?

Khẩu ác hạnh là lời nói ác, lời nói hung dữ; khẩu ác hạnh còn có nghĩa là ăn, uống, hút, chích vào thân những thực phẩm độc ác như tiết canh, óc khi, rượu, thuốc lá, thuốc Lào, thuốc phiện, xì ke, ma túy, v.v... Cho nên khẩu ác hạnh có hai phần:

- Phần I : “Khẩu ác hạnh về lời nói”.

- Phần II : “Khẩu ác hạnh về ăn, uống, hút, chích.

I- Khẩu ác hạnh về lời nói có tám:

Lời nói dối

Lời nói hung dữ

Lời nói xấu người

Lời nói vu khống người

Lời nói thêm bớt, lời nói thêu dệt

Lời nói lật lọng

Lời nói mỉa mai,

Lời nói móc họng.

II- Khẩu ác hạnh về ăn uống có bốn:

**Ăn thịt chúng sanh,
Ăn những chất độc vào thân,
Uống rượu bia, uống máu tươi,(nước có mạng chúngsanh)
Hút thuốc lá, thuốc lào, thuốc phiện.**

Ví dụ 2: Hằng ngày các bạn đều ăn thịt chúng sanh thì các bạn phải khởi tâm tự xấu hổ và tư duy rằng: Mình là con người; con người là một con vật thông minh nhất trong các loài vật. Vậy có sao ta lại hung ác nữ tâm ăn thịt chúng sanh khi mọi loài vật đều muốn sống, sợ chết, sợ đau khổ như nhau. Thế sao ta lại ỷ mạnh, thông minh lại bắt giết chúng ăn thịt. Thật là vô đạo đức. Trên đời này một người vô đạo đức là một con thú vật, chứ không phải là con người nữa.

Người biết xấu hổ là người biết dừng những hành động ác. Phải không hỡi các bạn? Người không biết xấu hổ với khẩu ác hạnh của mình là người càng làm ác hơn. Càng làm ác thì tội khổ càng nhiều hơn. Cho nên xấu hổ là pháp môn ngăn ác và diệt ác pháp tuyệt vời. Vậy các bạn hãy nên tu tập tính biết xấu hổ từng hành động, việc làm của các bạn thì các bạn sẽ tìm thấy được chân hạnh phúc.

Ăn những chất độc vào thân, uống rượu, hút thuốc lá, thuốc lào, thuốc phiện, v.v... Những hành động ăn, uống, hút này tự làm khổ thân mình mà không biết. Nhưng khi đã biết đó là khẩu ác hạnh thì phải tự biết xấu hổ, nếu không biết xấu hổ là không phải con người. Người biết xấu hổ mới chính là con người như trên đã nói. Có phải vậy không các bạn?

Pháp môn thứ ba là phải tu tập tính sợ hãi tội lỗi do thân ác hạnh, khẩu ác hạnh và ý ác hạnh của mình. Chính ba hành động ác này mang đến cho chúng ta một đời sống khổ đau và đầy phiền não. Vì có sợ hãi những lỗi nhỏ nhặt do thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh thì chúng ta mới ngăn

chặn và diệt chúng. Vì thế chúng ta sẽ không phạm vào những lỗi lầm lớn. Xét thấy tính sợ hãi các lỗi lầm nhỏ nhặt là một điều lợi ích rất lớn cho cuộc sống của mỗi người. Nó có tầm quan trọng như vậy nên Đức Phật dạy pháp thứ ba cần phải tu tập đức sợ hãi những tính xấu của mình: *“Vị này có lòng quý, tự sợ hãi vì thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh, tự sợ hãi vì thành tựu ác, bất thiện pháp”*.

Thưa các bạn! Tính sợ hãi các lỗi lầm của mình không phải là tính nhút nhát sợ ma, sợ bóng tối, sợ rắn, sợ chuột, sợ sâu, sợ đĩa, sợ cô đơn, sợ sống nơi thanh vắng một mình, sống nơi nhà mồ, nghĩa địa, v.v... Tính nhút nhát là một tính xấu cần phải được khắc phục bằng tính gan dạ, can đảm, dũng cảm, không hề sợ hãi trước cảnh vắng vẻ cô đơn nơi rừng sâu núi thẳm, trước mọi loài vật, mọi người hung ác, trước mọi gian nan thử thách. Nhưng tính sợ hãi các lỗi lầm của mình là một đức hạnh tốt. Một đức hạnh cần phải được rèn luyện và tu tập để ngày ngày được phát triển đức sợ hãi những lỗi lầm của mình càng to lớn hơn. Nhờ học tập và tu dưỡng đức sợ hãi những lỗi lầm của mình mà mình sẽ trở thành những người thật là con người. Những con người sau này sẽ trở thành những bậc Thánh nhân, bởi vì ngoài con người mà đi tìm Thánh nhân thì không bao giờ có. Con người có đạo đức không làm khổ mình khổ người và khổ tất cả chúng sanh là Thánh nhân các bạn ạ! Các bạn có nhận ra điều này không?

Từ khi đặt trọn lòng tin nơi Thánh Đức Minh Hạnh của Đức Phật, chúng ta tận lực rèn luyện mình trong hai đức hạnh đầu tiên như trên Phật đã nói: *“Đức biết xấu hổ và Đức biết sợ hãi những lỗi lầm của mình”*. Nhưng trong cuộc sống, phần nhiều chúng ta còn đang sống trong vô minh, trí tuệ của chúng ta còn u tối, mê mờ, vì thế làm sao thấy được những lỗi lầm của mình từ trong thân ác hạnh, khẩu ác hạnh và ý ác hạnh. Cho nên bài pháp thứ tư Đức Phật dạy:

Chúng ta phải học nhiều, nghe nhiều, phải tích tụ những điều thiện đã học và đã nghe được như đoạn kinh dưới đây: *“Vị này là vị đa văn, nhớ nghĩ những điều đã nghe, tích tụ những điều đã nghe. Những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn nói lên Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, những pháp như vậy, vị ấy nghe nhiều, thọ trì đọc tụng bằng lời được trí suy tư, được chánh kiến thể nhập”*.

Đọc đoạn kinh trên đây chúng ta thấy rõ ràng những gì cần phải học là chúng ta phải học cho thấu suốt. Vậy muốn cho thấu suốt thì chúng ta phải hiểu nghĩa của đoạn kinh này một cách tường tận. Ngay như câu đầu Đức Phật dạy: *“Vị này là vị đa văn”*. Thừa các bạn, đa văn nghĩa là gì?

Đa văn có nghĩa là trình độ hiểu biết (kiến thức). Trình độ hiểu biết ở đây không phải là trình độ học thức thế gian, học thức kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông, mà là trí thông minh, nghe, hiểu và tiếp nhận nghĩa lý thiện pháp cụ thể rõ ràng. Người có trí tuệ hiểu biết thiện pháp như vậy mới được gọi là Đa Văn.

Khi đã có trí tuệ như vậy thì luôn luôn phải nhớ nghĩ những điều thiện đã được nghe; thường lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong đầu những điều nghe, thấy, hiểu về thiện pháp. Nhờ đó chúng ta mới tích tụ được những điều đã học mà không bao giờ quên. Vì thế Đức Phật dạy chúng ta: *“nhớ nghĩ những điều đã nghe, tích tụ những điều đã nghe”*. Có học hỏi có tích tụ được như vậy thì chúng ta mới thông suốt *“Những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện”*. Pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện là như thế nào? Xin các bạn hãy đọc bộ sách Đạo Đức Làm Người, Mười Giới Đức Thánh Sa Di, Một Trăm Giới Đức Làm Người và bộ Giới Đức Thánh Tăng, Ni do tu viện Chơn Như biên soạn thì lúc bấy giờ các bạn sẽ rõ Sơ thiện, Trung thiện và Hậu

thiện. Có hiểu biết những thiện pháp như vậy thì chúng ta sẽ biết rõ thân ác hạnh, khẩu ác hạnh và ý ác hạnh. Nhờ biết rõ ba hành động ác của thân, khẩu, ý thì chúng ta ngăn và diệt chúng mới dễ dàng nên Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh thì đó là hạnh phúc nhất trần gian, cho nên câu kinh dạy: *“Có văn nói lên Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh”*.

Có sự hiểu biết, thấu suốt tất cả thiện pháp như vậy và biết xấu hổ, sợ hãi trước những lỗi lầm do những ác hạnh của mình thì bảo đảm chúng ta sẽ sống một đời sống an vui và hạnh phúc tuyệt vời. Cho nên ở đây Đức Phật khuyên chúng ta nên: *“Những pháp như vậy, vị ấy nghe nhiều, thọ trì đọc tụng bằng lời được trí suy tư, được chánh kiến thể nhập”*.

Các bạn nên lưu ý cụm từ này: *“Những pháp như vậy”*. Những pháp như vậy là những pháp gì? Đó là pháp Sơ thiện, Trung thiện, Hậu thiện. Khi rõ những pháp Sơ thiện, Trung thiện, Hậu thiện rồi thì phải làm gì nữa? Ở đây Đức Phật dạy: *“vị ấy nghe nhiều, thọ trì đọc tụng bằng lời, được trí suy tư, được chánh kiến thể nhập”*. Lời dạy bảo của Đức Phật: *“Phải nghe cho thật nhiều những pháp thiện này”*. Khi nghe rồi thì *“phải thọ trì đọc tụng”* có nghĩa là hằng ngày phải luôn luôn đọc đi đọc lại nhiều lần những pháp thiện này như các thầy Đại Thừa tụng kinh, niệm Phật vậy. Mỗi câu mỗi lời dạy đều phải được *“Trí suy tư”* nhiều lần cho thâm nhập được đầy đủ ý nghĩa thiện pháp này, cho đến khi nào gặp các ác pháp đều được *“chánh kiến thể nhập”*, thì lúc bấy giờ tâm chúng ta mới bắt động trước các ác pháp, bắt thiện pháp.

Khi đã chánh tri kiến thể nhập vào thiện pháp thì chúng ta phải siêng năng tinh cần hằng ngày trừ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu các thiện pháp. Khi thành tựu các thiện

pháp cũng giống như chúng ta đuổi giặc ra khỏi biên cương. Nhưng muốn giữ gìn đất nước thì phải xây dựng và phát triển nền kinh tế cho giàu mạnh thì đất nước mới thịnh vượng và nhân dân mới an cư lạc nghiệp. Cũng vậy, người tu theo pháp thiện của Phật thì phải siêng năng tinh cần loại trừ các pháp bất thiện. Khi loại trừ các pháp bất thiện thì phải giữ gìn thiện pháp. Muốn giữ gìn thiện pháp thì phải nỗ lực kiên trì không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp. Vì thế câu này Đức Phật dạy rất hay: *“Không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp”*. Chúng tôi xin nêu ra một vài ví dụ để các bạn dễ hiểu nghĩa không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp.

Ví dụ 1: Ăn uống ngày một bữa mà từ năm này đến năm khác không bao giờ ăn uống phi thời. Đó là không từ bỏ gánh nặng đối với thiện pháp.

Ví dụ 2: Không ăn thịt chúng sanh tức là ăn trường chay, dù có bệnh đau đến chết, dù có sự bắt buộc nào, dù có hoàn cảnh như thế nào nhất định không bao giờ ăn thịt chúng sanh, thì đó là không từ bỏ gánh nặng đối với thiện pháp.

Ví dụ 3: Người không ngủ nghỉ phi thời dù cho hoàn cảnh nào cũng nhất định không ngủ nghỉ phi thời; bằng mọi cách cố gắng nỗ lực kiên trì phá vỡ hôn trầm, thù miên vô ký. Đó là người không từ bỏ gánh nặng đối với thiện pháp.

Ví dụ 4: Một người nghiện ngập thuốc lá, rượu, thuốc lào, thuốc phiện, v.v..., họ cố gắng kiên trì nỗ lực để cai nghiện những loại độc dược này và suốt đời không còn uống rượu, hút thuốc lá, thuốc lào, thuốc phiện nữa. Đó là những người không từ bỏ gánh nặng đối với thiện pháp.

Cho nên lời dạy này có một giá trị rất lớn đối với những người tu theo Phật Giáo, chúng ta phải nhớ lời dạy này mãi mãi: *“Vị ấy sống tinh cần, tinh tấn, trừ bỏ các pháp bất*

thiện, thành tựu các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp". Chúng ta khẳng định câu này có một giá trị rất lớn đối với những ai đi tìm con đường thoát khổ. Xét qua lời dạy này chúng ta nhìn lại chúng trong tu viện Chơn Như thì thấy rất rõ ràng. Trong những ngày đầu, mới tới ở trong tu viện Chơn Như thì còn giữ được thiện pháp nhưng dần dần về sau họ đã từ bỏ gánh nặng thiện pháp ăn ngủ phi thời, lại thêm phá hạnh độ cư, làm những việc thâm lén tội lỗi mà không thấy. Bởi vậy tu như họ làm sao đạt được cứu cánh rốt ráo. Tu dễ mà có tu, chứ gánh nặng thiện pháp họ đã từ bỏ rồi.

Thưa các bạn! Gánh nặng thiện pháp mà Đức Phật dùng ở đây có ý nghĩa rất là tuyệt vời. Phải không hề các bạn? Chỉ có bốn từ "*Gánh Nặng Thiện Pháp*", vậy mà không có ai gánh nổi thật là đau lòng cho thời đại mạt pháp này, tâm đời thì không muốn bỏ mà lại muốn thêm tâm đạo, thật là tham lam vô độ. Như vậy muốn chấn chỉnh lại Phật Pháp chúng tôi còn biết trông cậy vào ai!!!

Trong thời đại của chúng ta, ai là người không bỏ gánh nặng thiện pháp? Thật khó mà tìm những bậc này. Nói thiện pháp thì dễ, bỏ gánh thiện pháp thì dễ, nhưng làm được, gánh được thiện pháp thì không phải là chuyện dễ. Cho nên ai làm được, gánh được thiện pháp đều là những bậc Thánh nhân, dù bất cứ ở thời gian nào quá khứ, vị lai và hiện tại.

Thưa các bạn! Pháp của Phật chỉ là thiện pháp, không có pháp gì huyền bí cao siêu cả, không có thần thông phép thuật gì cả, chỉ có đạo đức không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh mà thôi. Không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh là giải thoát các bạn ạ! Chúng đạo là ngay ở chỗ đó, chứ đâu cần tìm ở đâu xa. Cự Lạc, Thiên Đàng, Niết Bàn, Phạm thể cũng từ nơi đó. Đây các

bạn hãy nghe lời nói này của Đức Phật dạy: “*Vị ấy không tự hành khổ mình, không hành khổ người, ngay trong hiện tại không tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm thấy lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể*”.

Khi chúng ta không bỏ gánh nặng thiện pháp thì lúc bấy giờ tâm chúng ta có niệm không phóng dật, bởi vì niệm không phóng dật là niệm toàn thiện. Vì thế Đức Phật dạy: “*Vị ấy có niệm*”. Chữ niệm ở đây cô đọng quá, nếu không phải là hành giả tu xong thì không bao giờ hiểu được chữ niệm này. Niệm tức là niệm không phóng dật như trên chúng tôi đã nói. Khi tâm có niệm không phóng dật, thì ngay lúc bấy giờ chúng ta thành tựu niệm tuệ tối thắng tức là trí nhớ vô cùng tận, không có một điều gì ở quá khứ mà không nhớ, nên Đức Phật dạy: “*Thành tựu niệm tuệ tối thắng, nhớ lại, nhớ lại nhiều lần những gì đã làm từ lâu, đã nói từ lâu*”.

Khi tu tập đến đây niệm tuệ tối thắng xuất hiện thì mới bắt đầu có trí tuệ. Ở đây xin các bạn lưu ý: Niệm tuệ tối thắng chưa phải là trí tuệ, khi chúng ta tu tập nó sẽ tiếp tục nhớ lại nhiều lần những gì đã làm từ lâu, đã nói từ lâu. Từ sự tu tập đó ta mới có trí tuệ, nên Đức Phật dạy: “*Vị ấy có trí tuệ*”. Khi có trí tuệ ta tiếp tục tu tập rèn luyện để thành tựu trí tuệ về sanh diệt, trí tuệ thành tựu nhập Thánh thể tức là Niết Bàn, đưa đến đoạn tận khổ đau. Ở đoạn kinh này khiến cho các nhà học giả không thể hiểu được và cũng không thể nào kiến giải và tường giải được. Khi giảng đến đoạn kinh này họ chỉ lý luận loanh quanh. Xin các bạn vui lòng đọc lại đoạn kinh này, rồi chúng tôi sẽ hướng dẫn các bạn tu tập thì các bạn sẽ hiểu rõ hơn: “*Thành tựu trí tuệ về sanh diệt, thành tựu Thánh thể nhập đưa đến đoạn tận khổ đau*”.

Thành tựu trí tuệ về sanh diệt, câu này nghĩa là gì? Câu này chỉ là một lời nói nhắc nhở chúng ta tu tập có trí tuệ thì phải thành tựu trí tuệ về sống chết tức là trí tuệ Lưu Tận Minh, chứ không phải có trí tuệ nhớ lại nhiều đời nhiều kiếp mà thôi. Muốn thành tựu trí tuệ về sự sống chết thì phải dùng năng lực Trạch Pháp Giác Chi mà dẫn trí tuệ về sanh tử, về Bát Thánh Đạo, về nhân quả. Khi thành tựu trí tuệ về sanh tử xong thì tiếp tục dùng Trạch Pháp Giác Chi dẫn trí tuệ nhập vào Thánh thể (Niết Bàn) để hoàn toàn đoạn tận khổ đau.

Trên đây là phương pháp tu tập để thực hiện trí tuệ Tam Minh. Và đây là phương pháp cuối cùng trong bảy pháp tu tập trong Đạo Phật. Cho nên Đức Phật kết luận bài pháp này bằng câu: “*Này Mahanama, như vậy, vị Thánh đệ tử thành tựu bảy diệu pháp*”.

Tóm lại bảy pháp trên đây, nếu chúng ta biết cách tu tập cho đúng, thì con đường giải thoát của Phật Giáo không còn bí ẩn không còn khó khăn nữa. Phải không các bạn?

BẠC TU CHỨNG KHI NHẬP DIỆT CÓ DÙNG THA LỰC ĐỘ CHÚNG SANH KHÔNG?

Hỏi: *Kính bạch Thầy, các bậc tu đạt đạo đã nhập diệt có thể thị hiện hoặc dùng tha lực để độ chúng sanh không?*

Đáp: Các bậc tu chứng đã nhập diệt chỉ có thị hiện độ chúng sanh, không dùng tha lực, vì tha lực trái với Đạo Phật, trái với luật nhân quả.

Đạo Phật xây dựng giáo pháp của mình trên một nền tảng đạo đức nhân bản nhân quả, cho nên không thể nào dùng tha lực độ người được.

Đạo Phật là một tôn giáo có một nền đạo đức công bằng và công lý không có một tôn giáo nào có một nền đạo đức hơn được.

Vì thế cầu siêu, cầu an, tụng kinh, cúng bái, tế lễ, niệm Phật vẽ bùa đọc thần chú, v.v... là của ngoại đạo, với việc làm này Đạo Phật được xem là việc làm phi đạo đức, tà nghiệp.

Đạo Phật là một tôn giáo dạy người phải tự lực cứu mình bằng những hành động đạo đức nhân quả có nghĩa là mình muốn được an vui hạnh phúc thì không nên làm những điều ác, những điều làm khổ mình khổ người và khổ muôn loài chúng sanh, nếu làm những điều ác khổ mình khổ người, dù có cầu Thánh, Thần, chư Phật, chư Bồ Tát gia hộ thì cũng không bao giờ có một vị nào dám cứu độ cho một việc làm phi đạo đức như vậy. Cho nên Đạo Phật không có dùng tha lực cứu độ mà chỉ có thị hiện để dạy người sống có đạo đức và nhờ sống có đạo đức không làm khổ mình khổ người thì chính đó là đem lại sự an vui hạnh phúc cho chính bản thân mình và cho mọi người, chứ không thể cầu ai cứu khổ cho mình được cả.

Tóm lại, Đạo Phật không có dạy cầu tha lực, cầu tha lực là không đúng của Đạo Phật mà đó là chịu ảnh hưởng của tà giáo ngoại đạo, chịu ảnh hưởng mê tín lạc hậu của dân gian.

Bậc A La Hán hoặc Phật thị hiện để độ chúng sanh là thể hiện những đức hạnh đạo đức không làm khổ mình khổ người, sống đúng một đời sống phạm hạnh ly dục ly ác pháp, không phạm phải một giới luật nhỏ nhặt nào, thường sống thiểu dục tri túc, chứ không có thể hiện thần thông hoặc trị bệnh trừ tà yểm quỷ, như các vị giáo chủ của ngoại đạo thường dùng những danh từ “cứu dân độ thế” những danh từ cứu dân độ thế là để lừa đảo thiên hạ.

Cho nên Đạo Phật chân chánh và Đạo Phật không chân chánh chúng ta rất dễ nhận ra, nhận ra là ở chỗ tha lực và tự lực; nhận ra là ở chỗ mê tín và không mê tín; nhận ra là ở chỗ đạo đức không làm khổ mình khổ người và không đạo đức thường làm khổ mình khổ người; nhận ra là ở chỗ giới luật nghiêm trì và không nghiêm trì giới luật, phạm giới, phá giới; nhận ra là ở chỗ cúng tế và không cúng tế; nhận ra là ở chỗ thiếu dục tri túc và không thiếu dục tri túc; nhận ra là ở chỗ phòng hộ sáu căn và không phòng hộ sáu căn.

Vì công bằng công lý của đạo đức nhân quả nên các bậc tu chúng chỉ độ người bằng sự thị hiện để dạy đạo cho người ấy phải tự mình thấp đức lên mà đi chứ không dùng tha lực giúp họ được, dù bất cứ trường hợp nào, cho đến sự báo hiếu đối với cha mẹ cũng không dùng tha lực mà chỉ dùng duyên nhân quả để giúp cho cha mẹ hiểu rõ thiện và ác và không nên làm các điều ác luôn sống trong thiện pháp thì cha mẹ được an vui hạnh phúc, đó là độ cha mẹ giải thoát.

HẠNH ĐỨC VÀ TRÍ ĐỨC

LỜI PHẬT DẠY

HẠNH ĐỨC

“Này Mahanama!

1- Vị Thánh đệ tử nào thành tựu giới hạnh, như vậy thuộc về Hạnh Đức của vị ấy.

2- Vị Thánh đệ tử nào hộ trì các căn, như vậy thuộc về Hạnh Đức của vị ấy.

3- Vị Thánh đệ tử nào có tiết độ trong ăn uống, như vậy thuộc về Hạnh Đức của vị ấy.

4- Vị Thánh đệ tử nào chú tâm cảnh giác, như vậy thuộc về Hạnh Đức của vị ấy.

5- Vị Thánh đệ tử nào đầy đủ bảy diệu pháp, như vậy thuộc

về *Hạnh Đức* của vị ấy.

6- *Vị Thánh đệ tử nào hiện tại lạc trú bốn thiên, thuộc tầng thượng tâm, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức, như vậy thuộc về Hạnh Đức của vị ấy.*”

TRÍ ĐỨC

“Này Mahanama!

7- *Vị Thánh đệ tử nào nhớ đến các đời sống quá khứ sai biệt, như một đời, hai đời... cùng với các nét đại cương và các chi tiết, như vậy thuộc về Trí Đức của vị ấy.*

8- *Vị Thánh đệ tử nào với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh... đều do hạnh nghiệp của chúng, như vậy thuộc về Trí Đức của vị ấy.*

9- *Vị Thánh đệ tử nào với sự đoạn tận các lậu hoặc, tự mình ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát như vậy thuộc về Trí Đức của vị ấy. Như vậy này Mahanama, vị Thánh đệ tử được gọi là Minh cụ túc, Hạnh cụ túc, Minh Hạnh Cụ Túc”. (Kinh Trung Bộ, tập 2, trang 47, 48).*

CHÚ GIẢI:

Lúc bấy giờ Đức Phật chia pháp môn của mình ra làm hai phần:

- Phần thứ nhất là Hạnh Đức.
- Phần thứ hai là Trí Đức.

Vậy Hạnh Đức nghĩa là gì? Hạnh Đức là những hành động thân, miệng không làm khổ mình khổ người, gồm có những pháp sau đây:

HẠNH ĐỨC

1- **Giới hạnh**: Người tu sĩ và người cư sĩ nào tìm về tu viện Chơn Như tu tập và giữ gìn giới hạnh nghiêm chỉnh, không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào. Đó là vị ấy đã thể hiện Hạnh Đức của mình, như lời Đức Phật đã dạy: *“Vị Thánh đệ tử nào thành tựu giới hạnh, như vậy thuộc về Hạnh Đức của vị ấy”*. Như vậy giới luật là *“Hạnh Đức”* của người tu sĩ và người cư sĩ. Xin các bạn nên ghi nhớ: Người tu sĩ và người cư sĩ nào phạm giới, phá giới là những người không có Hạnh Đức.

2- **Hộ trì các căn**: Người tu sĩ và người cư sĩ nào tìm về tu viện Chơn Như tu tập và biết hộ trì các căn: Mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý, làm cho nó không dính mắc sáu trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tức là sống độc cư trọn vẹn, không hề phá hạnh độc cư thì người ấy đang thể hiện Hạnh Đức của mình như Đức Phật đã dạy: *“Vị Thánh đệ tử nào hộ trì các căn, như vậy thuộc về Hạnh Đức của vị ấy”*. Ở đây phần đông tu sĩ và cư sĩ về Chơn Như tu tập, đều phá hạnh độc cư, thích đi nói chuyện. Cho nên những người tu sĩ và cư sĩ này không có hạnh đức, vì thế họ tu hành chẳng tới đâu, chỉ tu hành cho có hình thức.

3 - **Tiết độ trong ăn uống**: Người tu sĩ và người cư sĩ nào đã tìm về tu viện Chơn Như tu tập mà biết tiết độ trong ăn uống, có nghĩa là không ăn uống phi thời, chỉ ăn ngày một bữa. Đó là người đang thể hiện Hạnh Đức của mình như Đức Phật đã dạy: *“Vị Thánh đệ tử nào có tiết độ trong ăn uống, như vậy thuộc về Hạnh Đức của vị ấy”*. Ăn ngày một bữa tuy vậy cũng không phải dễ các bạn ạ! Cho nên, họ vừa ra khỏi cổng chùa là đã ăn uống phi thời. Cho nên Hạnh Đức về ăn uống không phải dễ, đối với những người còn mang đầy ắp thân kiến, sợ thân bệnh, sợ thân chết, v.v... Xin các bạn lưu ý: Muốn tìm sự tu tập để được giải thoát thì ăn uống là Hạnh Đức rất cần thiết cho các bạn. Các bạn ăn uống phi thời thì công phu tu tập của các bạn chỉ hoài công vô ích.

4 - Chú tâm cảnh giác: Người tu sĩ và cư sĩ nào biết chú tâm cảnh giác từng tâm niệm, từng đối tượng của mình để ngăn và diệt các pháp ác, đó là người đang thể hiện Hạnh Đức của mình như Đức Phật đã dạy: *“Vị Thánh đệ tử nào chú tâm cảnh giác, như vậy thuộc về Hạnh Đức của vị ấy”*.

Thưa các bạn! Chú tâm cảnh giác là một pháp môn tuyệt vời, nhưng các bạn có biết nó là pháp môn gì không? Đó là Định Vô Lậu trên Tứ Niệm Xứ. Định Vô Lậu trên Tứ Niệm Xứ là Hạnh Đức của vị tu sĩ và của vị cư sĩ, vì vậy nó là một Hạnh Đức rất quan trọng trong sự tu tập đến cứu cánh hoàn toàn.

5- Đầy đủ bảy diệu pháp: Người tu sĩ và cư sĩ nào đã tu tập đầy đủ bảy diệu pháp, như bảy diệu pháp mà chúng tôi đã giảng ở một bài trước, trong tập sách này (xin các bạn vui lòng đọc lại), thì người ấy đang thể hiện Hạnh Đức của mình như Đức Phật đã dạy: *“Vị Thánh đệ tử nào đầy đủ bảy diệu pháp, như vậy thuộc về Hạnh Đức của vị ấy”*. Bảy diệu pháp là bảy phương pháp tu tập để thực hiện Hạnh Đức của một tu sĩ và của một cư sĩ Phật Giáo xứng đáng là đệ tử của Đức Phật. Xin các lưu ý cho.

6- Hiện tại lạc trú Bốn thiên: Người tu sĩ và người cư sĩ nào đã tu tập đầy đủ thiện pháp thì nhập Hiện Tại Lạc Trú Bốn Thiên không có khó khăn và mệt nhọc, là người ấy đang thể hiện “Hạnh Đức” của mình, như Đức Phật đã dạy: *“Vị Thánh đệ tử nào hiện tại lạc trú bốn thiên, thuộc tầng thượng tâm, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức, như vậy thuộc về Hạnh Đức của vị ấy”*. Hiện tại lạc trú Bốn Thiên là phương pháp tu tập để thực hiện Hạnh Đức của người tu sĩ và của người cư sĩ Phật Giáo. Nhờ có hạnh đức này mới xứng đáng là đệ tử của Đức Phật. Xin các lưu ý cho.

TRÍ ĐỨC

Vậy Trí Đức nghĩa là gì? Trí Đức là những hành động tâm ý thức không làm khổ mình khổ người, gồm có những pháp sau đây:

7- Nhớ đến các đời sống quá khứ sai biệt, như một đời, hai đời và nhiều đời... Người tu sĩ và người cư sĩ nào thể hiện được tâm thức (thức uẩn) nhớ đến nhiều đời, nhiều kiếp của mình trong quá khứ, là người ấy đang thể hiện “Trí Hạnh 2” Túc Mạng Minh của mình, như Đức Phật đã dạy: *“Vị Thánh đệ tử nào nhớ đến các đời sống quá khứ sai biệt, như một đời, hai đời... cùng với các nét đại cương và các chi tiết, như vậy thuộc về Trí Đức của vị ấy”*. Ở đây chúng ta cần phải phân biệt cho rõ ràng. Trong thân chúng ta có ba thức để hiểu biết, suy tư và ghi nhớ nghĩ:

Ý thức: Thuộc về sắc uẩn, có sự ghi nhớ, nhớ lại, suy tư và hiểu biết, nhưng bị hạn cuộc trong không gian và thời gian.

Tưởng thức: Thuộc về tưởng uẩn có sự tưởng nghĩ, ghi nhớ, nhớ lại không bị không gian và thời gian hạn cuộc, nhưng không được vô tận .

Tâm thức: Thuộc về thức uẩn có sự ghi nhớ, nhớ lại vô cùng tận không bị không gian và thời gian hạn cuộc. Trí Đức thứ nhất là Túc Mạng Minh do tâm thức ghi nhớ lại nhiều đời nhiều kiếp của mình.

8- Người tu sĩ và người cư sĩ nào thể hiện thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ ràng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh... đều do hạnh nghiệp của chúng, là người ấy đang thể hiện “Trí Hạnh” Thiên Nhãn Minh của mình. Như Đức Phật đã dạy: *“Vị Thánh đệ tử nào với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ ràng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may*

mắn kẻ bất hạnh... đều do hạnh nghiệp của chúng, như vậy thuộc về Trí Đức của vị ấy”.

9- Người tu sĩ và người cư sĩ nào thể hiện với sự đoạn tận các lậu hoặc, tự mình ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát là người ấy đang thể hiện “*Trí Hạnh*” Lậu Tận Minh của mình. Như Đức đã dạy: “*Vị Thánh đệ tử nào với sự đoạn tận các lậu hoặc, tự mình ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát như vậy thuộc về Trí Đức của vị ấy”.*

Tóm lại đoạn kinh này Đức Phật đã xác định cho chúng ta thấy rằng Phật Giáo chỉ là một con đường đạo đức dạy làm Người, làm Thánh chứ không có gì là thần định huyền bí, cao siêu, vi diệu, thần thông, pháp thuật siêu việt như mọi người nghĩ tưởng. Đạo Phật cũng không chấp nhận và cũng không nương tựa vào Thần, Thánh, Tiên, Phật hoặc Bồ Tát, tà ma, quỷ quái để cầu cạnh, van xin, cúng bái, tế lễ, v.v... mà chỉ là những Đức Hạnh và Trí Hạnh sống hằng ngày của mỗi con người, ai cũng có thể tu tập được, rất thực tế và cụ thể. Những Đức Hạnh, Trí Hạnh ấy giúp cho loài người có một đời sống an vui và hạnh phúc. Những Đức Hạnh và Trí Hạnh đó được gọi bằng những danh từ rất tuyệt hảo: “*Minh Cụ Túc, Hạnh Cụ Túc, Minh Hạnh Cụ Túc*”.

Để kết thúc đoạn kinh này Đức Phật đã chỉ thẳng giáo pháp của Ngài là nền đạo đức bằng trí tuệ của loài người: “*Như vậy này Mahanama, vị Thánh đệ tử được gọi là Minh cụ túc, Hạnh cụ túc, Minh Hạnh Cụ Túc*”.

**THẾ GIỚI SIÊU HÌNH KHÔNG CÓ,
CHỈ CÓ THẾ GIỚI TƯỜNG**

Hỏi: Kính thưa Thầy, Thầy xác định là không có cõi siêu hình nhưng có nhiều kinh nói đến các cõi Trời, và người ta làm

được gì đều bảo là nhờ chư Thiên hoặc Tam Bảo gia hộ. Vậy có cõi mà họ không có sắc thân chăng?

Thưa Thầy! Nếu có thì họ có phải ở vào cõi siêu hình không Thầy?

Trong bạng Thầy có nói mấy ông ở cõi Trời, nhìn xuống thế gian thấy khoa học hiện đại tạo đời sống tiện nghi hơn nhiều, nên họ cũng khoái xuống trần gian. Xin Thầy giải thích cho con hiểu rõ thêm ?

Đáp: Kinh Thập Nhị Nhân Duyên và kinh Pháp Môn Căn Bản đã xác định không có các cõi siêu hình (linh hồn), 33 cõi Trời toàn là các cõi tướng tri chứ không phải là cõi liễu tri, cho nên những kinh khác nói đến cõi Trời hoặc cõi Địa Ngục đều chỉ là nói đến cõi Tưởng âm, cho nên nhiều người không hiểu tướng là Đức Phật nói có cõi siêu hình thật sự. Đức Phật không bao giờ tự mâu thuẫn với mình, bài kinh Pháp Môn Căn Bản đã xác định rõ ràng, tất cả cõi Trời mà Đức Phật nói ra đều là cõi tướng, cõi không có thật.

Khi một người còn sống là có cõi hữu hình (hữu sắc) và có cõi siêu hình (vô sắc). Khi một người mất đi thì cõi hữu hình mất và cõi vô hình cũng mất luôn.

Trong kinh điển Phật dạy: Thiện là cõi chư Thiên, ác là cõi Địa ngục, dục là cõi nhân gian. Quý Phật tử hãy đọc tập 3 Đường Về Xứ Phật, Thầy đã giải đáp về thế giới siêu hình rất rõ ràng.

Chư Thiên và Tam Bảo không có gia hộ vì gia hộ là trái với luật nhân quả (phi đạo đức), nhưng người ta thường sống theo thói quen nên hễ làm một điều gì thành công thì bảo là chư Thiên hay là Tam Bảo gia hộ chứ sự thật thì không có ai gia hộ mình cả mà chỉ có công sức của mình và những hành động làm những điều thiện sống đúng trong đạo đức nhân

quả, do nhân làm thiện nên quả phải thành công tốt đẹp, nếu nhân làm ác thì quả sớm muộn gì cũng phải gặp thất bại.

Chư Thiên cũng chẳng có, cõi siêu hình cũng không có. Thầy nói mấy ông ở cõi Trời nhìn xuống thế gian...là nói mấy ông đi tu mà không dám bỏ dục lạc thế gian.

Như Thầy đã dạy ở trên: Cõi Trời là cõi thiện, quý Thầy đang ở trong chùa tức là ở cõi thiện, cõi thiện tức là cõi Trời. Cõi Trời cơm ăn áo mặc rất đầy đủ không làm vẫn có ăn có mặc thế mà quý thầy còn chạy theo dục lạc thế gian ăn uống phi thời áo quần sang cả, chùa cao Phật lớn xe cộ đủ loại, tivi, tủ lạnh, máy điều hòa không khí ,v.v.. thế gian có vật gì thì trong chùa có vật nấy như vậy các vị có phải ở trên cõi Trời mà nhìn xuống thế gian sanh tâm ham thích không?

Có dịp Thầy sẽ giải thích thế giới siêu hình (linh hồn người chết) có hay không để các con không còn nghi ngờ. Bởi vì các hiện tượng siêu hình thường xảy ra chung quanh các con, nên làm sao người ta rõ được là không có thế giới siêu hình.

Trong việc tìm hài cốt liệt sĩ, linh hồn người chết về nhập đồng cốt để chỉ cho thân nhân tìm xương cốt, khiến cho người ta phải chấp nhận có linh hồn, mà đã có linh hồn thì phải có thế giới siêu hình, vấn đề này làm các nhà khoa học cũng điên đầu, nhưng đối với những vị tu sĩ Phật Giáo đã nhập Tứ Thánh Định vượt qua thế giới tưởng âm thì họ mới xác định thế giới siêu hình đúng đắn giống như Đức Phật đã dạy: *“Thế giới siêu hình chỉ là một thế giới của tưởng tri chứ không phải liễu tri”*.

Cho nên Đức Phật dạy về thế giới cõi Trời là những người cũng sống trong cõi thế gian như chúng ta nhưng họ sống Thập Thiện, không sống trong Thập Ác.

Đạo Phật tính theo hành động đạo đức nhân quả thiện ác mà phân loại Phật, Trời, Người, A Tu La và tất cả các loài chúng sanh theo tiêu chuẩn như sau:

- 1/ Thế giới của chư Phật thì vô lậu.**
- 2/ Thế giới của chư Thiên thì Thập Thiện.**
- 3/ Thế giới của loài Người là dục giới và ngũ giới.**
- 4/ Thế giới của A Tu La là sân và ác pháp.**
- 5/ Thế giới của chúng sanh là ác pháp nhiều, thiện pháp ít.**
- 6/ Thế giới của Địa Ngục là toàn ác pháp.**

Trên đây là sáu cõi mà Đức Phật đã chỉ cho chúng ta rất cụ thể như:

- 1/ Người sống vô lậu là Phật.**
- 2/ Người sống Thập Thiện là Trời.**
- 3/ Người sống giữ gìn ngũ giới là Người.**
- 4/ Người sống thường hay giận dữ là A Tu La.**
- 5/ Người sống ác nhiều thiện ít là chúng sanh mang lốt người và tất cả loài chúng sanh.**
- 6/ Người sống toàn ác là người ở cảnh giới Địa Ngục.**

Sáu cõi trên đây không có cảnh giới nào là siêu hình cả. Nếu quả thật có cảnh giới siêu hình thì không phải để chúng ta hiểu, vì tri thức hữu hạn của chúng ta không cho phép chúng ta hiểu nó, thế giới đó nếu có thật sự thì chúng ta phải có trí vô hạn. Sanh ra làm người chúng ta không thể nào có trí vô hạn được, trí của chúng ta hiện giờ, đối với không gian thì bị ngăn sông cách núi, nên không thấy, không nghe, còn đối với thời gian thì bị chia cắt quá khứ hiện tại và vị lai, cho nên con người phải phát minh ra những loại máy để xử dụng thấu ngắm không gian và ghi nhớ để hạn chế bớt thời gian chia cắt.

Nếu Đạo Phật có cõi Trời thì Đạo Phật cũng bắt chước các tôn giáo khác mà thôi, đó là đức từ khôn mê muội và quá sợ

hải của loài người thời cổ, trước sự hùng vĩ của môi trường sống thiên nhiên.

BỒ TÁT QUAN THẾ ÂM

Hỏi: *Kính thưa Thầy, Có nhiều kinh nói: “Thế thế thường hành Bồ Tát Đạo” là chỉ cho những vị Bồ Tát phát tâm nhập thế tu hành. Vậy chư vị Bồ Tát, vì nguyện tu hành thành Phật mà xuống cõi ta bà này để độ chúng sanh không? Nhưng sao Thầy bảo Bồ Tát Quan Thế Âm do tướng tượng chứ không có thật. Vậy xin Thầy hoan hỷ chỉ dạy cho con hiểu ý này?*

Đáp: “Thế thế thường hành Bồ Tát Đạo” câu nói này của kinh điển phát triển (Đại Thừa). Bồ Tát là vị tu hành chưa xong mà thể hiện độ chúng sanh, chẳng khác một người mù mà dẫn dắt một đám người mù, cũng như người chưa biết lội mà cứu người chết đuối, thì làm sao mà cứu được, chỉ có chết chung nhau cả đám mà thôi. Có người bảo rằng cứ theo kinh sách có sẵn của Đức Phật mà cứ giảng ra có sai đâu. Kinh sách là pháp môn chết nên nó không chỉ cho chúng ta kinh nghiệm được, vì thế mà các giảng sư học giả dạy đạo cho người tu là giết người bằng chúng Thầy Tổ của chúng ta đã chết một cách đau khổ bởi tu theo học giả.

Bồ Tát Quán Thế Âm là một sản phẩm của kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn. Thể hiện phá luật nhân quả, phi đạo đức và phi giáo lý của Đạo Phật.

Bồ Tát chỉ là một tướng tượng của người tu chưa chứng đê ra, để an ủi mình, để che đậy việc phá giới luật, để kinh doanh Phật pháp, để làm giàu trên xương máu của tín đồ, để đưa tín đồ đến chỗ mê tín, lạc hậu, luôn luôn chỉ biết cầu cạnh dựa nương vào tha lực làm mất hết nghị lực tự lực cứu mình thoát cảnh trầm luân.

Câu nói: “Thế thế thường hành Bồ Tát Đạo” có nghĩa là đời đời nguyện làm Bồ Tát độ chúng sanh như Bồ Tát Quán Thế Âm độ hết nạn khổ của chúng sanh mới thành Phật, Bồ Tát Địa Tạng độ hết tội nhân dưới địa ngục thì mới thành Phật. Chúng ta mới nghe lời nguyện ước này thật là vĩ đại, nhưng càng suy ngẫm chúng ta mới thấy là lời nói lừa đảo những tín đồ mê tín. Nạn khổ của chúng sanh do đâu mà có? Có phải do hành động ác của chúng sanh đã tạo ra không? Tội nhân dưới địa ngục có phải do làm ác của chúng sanh không? Muốn thoát nạn khổ và muốn không làm tội nhân nữa thì chỉ có duy nhất là tự chúng sanh đó đừng làm việc ác nữa, còn độ theo kiểu hai vị Bồ Tát này khiến cho chúng sanh làm ác thêm và thế gian này càng thêm rối loạn vì nạn trộm cướp và những kẻ hung dữ náo loạn gây rối trật tự an ninh.

Bồ Tát trong kinh Nguyên Thủy chỉ là một người mới tu hành chưa chứng đạo, cho nên chẳng dám dạy ai tu hành cả. Đức Phật nhắc điều này: “Tu chưa chứng đạo mà dạy người là giết người”.

Bồ Tát trong kinh Đại Thừa là Bồ Tát tham danh, tu chưa tới đâu chỉ học trong mấy bộ kinh rồi tưởng giải ra làm lịch ý Phật để ra kinh sách phát triển dạy người tu hành mê tín trừu tượng ảo giác, khiến người tu hành theo Phật Giáo mà thành tu pháp môn ngoại đạo. Cho nên quý Phật tử cần phải đề cao cảnh giác những hạng Bồ Tát danh lợi này.

Việc làm của hai vị Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát Địa Tạng giống như con dã tràng xe cát, giống như người lấp biển.

Bồ Tát Quán Thế Âm và Bồ Tát Địa Tạng là hai vị thần của Bà La Môn, nó là một sản phẩm tưởng tượng hý luận của ngoại đạo tạo sự mê tín phi đạo đức trong dân gian mà hầu hết mọi người đều mê lầm.

ĐỘ NGƯỜI

Hỏi: *Kính bạch Thầy, xin Thầy cho con biết con của con, nó có thể thực hiện ý nguyện lấy đức độ người được không?*

Đáp: Được, lấy đức độ người có hai nguyên nhân cần phải làm:

- 1- Phải trau dồi cho mình có đức hạnh.
- 2- Phải có duyên với chúng sanh và chúng sanh phải đủ phước.

Cháu có thể làm được nhưng phải có tâm nguyện lớn “Vì mọi người xả thân”. Lấy đức độ người rất khó vì mình phải là tấm gương đạo đức sáng chói, nếu có một vài hành động sơ sót thì cũng gặp khó khăn.

Tâm nguyện độ chúng sanh là một điều thiện rất tốt nhưng phải biết giữ gìn tâm nguyện đó, do có sự quyết tâm và lòng thành thì tâm nguyện đó sẽ thành tựu.

Thầy rất tán đồng ý kiến và nguyện vọng của cháu, nếu đủ duyên thời tiết đến Thầy sẽ giúp cháu bằng “Giáo trình đạo đức nhân bản - nhân quả”.

ÁI KIẾT SỬ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Người muốn đi tu mà duyên nghiệp cứ buộc ràng, không thể bỏ đi được, là do duyên gì, nhân gì, xin Thầy chỉ dạy cho con hiểu?*

Đáp: Người muốn đi tu mà duyên nghiệp cứ buộc ràng, không thể bỏ đi được, có ba nguyên nhân chính:

- 1- Nợ nhân quả quá nặng.
- 2- Thất kiết sử quá dày.
- 3- Ngũ triền cái ngăn che.

Đó là ba nguyên nhân khiến cho người muốn đi tu theo Đạo Phật rất khó vượt qua, đó cũng là ba mạng lưới bao vây kiếp

con người, mãi mãi trôi lăn trong biển sanh tử, luân hồi và nhiều khổ đau trong nhiều đời nhiều kiếp.

Chỉ có người trí hiểu biết và còn phải có đủ nghị lực, can đảm, gan dạ, mới vượt ra khỏi, mới biết được những sợi dây xích kiết sử tuy vô hình nhưng nó chắc hơn những sợi dây lòi tói.

Con có duyên với Phật pháp, nhưng tánh con yếu đuối không thể vượt qua bức tường nhân quả, vì thế con nên tu trong chiếc áo của người cư sĩ:

- Tu tập xả ly năm triền cái bằng đức nhẫn nhục, tùy thuận và bằng lòng.

- Luôn luôn trau dồi thân tâm trong mọi hành động thân, khẩu, ý bằng “Tứ Vô Lượng Tâm”: Đức hạnh Từ, Bi, Hỷ, Xả.

- Dứt bỏ 10 điều ác và cố tăng trưởng 10 điều lành.

- Cần phải thông hiểu và nghiên cứu tường tận đạo đức nhân bản nhân quả không làm khổ mình khổ người.

- Hằng ngày phải nhớ dùng pháp hương tâm như lý tác ý: “Tâm như đất, tham, sân, si phải đoạn diệt sạch”

Người cư sĩ cần tu năm pháp môn này, thân tâm được an vui và hạnh phúc trong cuộc sống, chẳng có đối tượng, hoàn cảnh, sự việc nào làm dao động tâm được, đó chính là nguồn giải thoát của Đạo Phật trong mọi người cư sĩ, con hãy cố gắng lên! Cố gắng lên tu tập con ạ!

Khi tu tập xả tâm như vậy, tức là con tu tập đạo đức làm người không làm khổ mình khổ người, không làm khổ mình khổ người là con đã trả vay nghiệp nhân quả của tiền kiếp, trả vay nhân quả của tiền kiếp tức là con dứt bỏ thất kiết sử, khi dứt bỏ thất kiết sử thì con không còn phóng dật, tâm con

không còn phóng dật tức là tâm định trong thân con, tâm định trong thân thì tâm thường thanh thản, an lạc và vô sự, tâm thường thanh thản an lạc và vô sự thì tâm luôn luôn biết hơi thở ra vô một cách tự nhiên không bị ức chế hay bị gom tâm tập trung vào một chỗ.

Khi tâm định trên thân như vậy thì lúc bây giờ là lúc tu thiên định để nhập các định sâu hơn và khó hơn.

Còn nếu con bứt bỏ ngang mà đi tu thì dù con có tu đúng chánh pháp của Đạo Phật cũng trở thành tà pháp, tại sao vậy? Tại vì sự bứt ngang bỏ đi, đó là ức chế tâm, chứ không phải xả tâm và như vậy con sẽ bị rơi vào tà thiên, tà định chừng đó con sẽ sống trong Tà kiến của ngoại đạo rất khó gỡ.

VỀ KẾT QUẢ BẢN THÂN

Hỏi: Kính thưa Thầy! Nương theo sự chỉ dạy của Thầy, con đã y cứ vào đó mà thọ trì tu tập, càng ngày con càng nhận được sự thanh thản, an lạc rõ ràng hơn. Hiện nay trước một loạt các khó khăn và bất an xảy ra thường ngày con đã vững vàng, bình tĩnh hơn, và đã vượt qua được. Nếu so với trước đây thì khó khăn lắm con mới làm chủ được. Tất cả những gì con làm là đều do ánh sáng trí tuệ của Phật, của Thầy chỉ dạy, con hiểu ra rằng chỉ có sống đúng đạo đức nhân bản bằng những giới luật hằng ngày thì ta mới có bản lĩnh và nghị lực để vượt qua được mọi sóng gió của cuộc đời. Tuy kết quả chưa được to lớn nhưng cũng là một sự khích lệ, động viên để con vững bước trên con đường mình đã chọn.

Kính thưa Thầy, trong khi tu tập thực hành có nhiều lúc con phải kìm nén, những giọt nước mắt trước sự tấn công của ác pháp, vì hiện tại con chưa đủ đạo lực để vượt qua. Nhưng qua những lần như vậy con lại cứng cáp hơn, mạnh mẽ hơn. Con luôn tự nhủ nếu mình chùn bước trước mọi ác pháp thì mình

sẽ mãi mãi trôi lăn trong khổ đau vô tận. Những lần như vậy con lại nghĩ đến Thầy với tất cả tấm lòng kính trọng vô biên trước mọi khó khăn, cực nhọc mà Thầy đã trải qua. Do vậy, trong lúc học đạo làm người có những việc con chưa làm được, còn phạm phải những lỗi lầm không đáng có. Ví dụ, như vẫn còn hay cãi lại mẹ hay lời nói không được đẹp tai, dũa dàng lảm, v.v... Mỗi lần như vậy con thật sự xấu hổ với bản thân. Hôm nay con viết những dòng này kính bạch lên Thầy những việc con chưa làm được mà tự nơi tâm con không thể nói hết được, kính xin Thầy từ bi hoan hỉ tha thứ và chỉ dạy.

Đáp: Mặc dù con rất cố gắng khắc phục tâm mình, nhưng gặp những pháp cực ác thì không sao làm chủ được. Đó là nghiệp lực sân hận con đã huân tập nhiều đời, nhiều kiếp, nó đã thành khối. Vì thế muốn tu tập quét cho thật sạch khối nghiệp lực này thì phải kiên trì, bền chí tu tập với một ý chí sắt đá hằng ngày phải thường nhắc câu pháp hướng “*Tâm như đất, tham, sân, si phải chằm dứt*”, mỗi lần vấp ngã thì con hãy đứng lên tiếp tục tu tập nữa; mỗi lần vấp ngã là mỗi lần rút ra nhiều kinh nghiệm xả tâm; mỗi lần vấp ngã là mỗi lần giúp con tỉnh giác nhận được ác pháp ngay liền nơi con và thiện pháp nơi người; mỗi lần vấp ngã là mỗi lần pháp hướng tâm hiện ra như một người bạn lành tốt bụng nhắc con, khiến cho tâm con được an ổn ngay liền; mỗi lần vấp ngã là mỗi lần trí tuệ tri kiến giải thoát của con phát triển, nếu con biết cách triển khai. Nhờ đó mà tâm hồn con thanh thản, an lạc và vô sự.

Một người tu theo đạo Phật mà sợ gặp ác pháp, thường tránh né, tìm chỗ an ổn để tu tập, thì khó mà xả tâm, thường bị ức chế tâm.

Mục đích của đạo Phật là tâm bất động trước các ác pháp. Muốn tâm bất động trước các ác pháp thì con nên nhớ hằng ngày phải trau dồi những pháp sau đây:

1- Pháp hướng tâm “*Dẫn tâm vào đạo chứ đừng dẫn đạo vào tâm*”, nghĩa là tu tập nhiều chứ đừng học nhiều, học nhiều không tu thì chẳng ích lợi gì, giống như cái tủ đựng kính sách.

2- Triển khai trí tuệ tri kiến nhân quả “*Đừng thấy mọi sự việc đúng, sai, phải, trái, mà hãy thấy nó thiện và ác*”.

3- Đừng thấy lỗi người mà hãy thấy lỗi mình.

4- Hãy khởi tâm yêu thương những người đang sống trong ác pháp.

5- Hãy khởi tâm tha thứ những người đang sống trong ác pháp.

6- Chúng ta lớn hơn, cao thượng hơn mọi người là nhờ ở chỗ biết nhẫn nhục, tùy thuận và bằng lòng.

7- Chúng ta có được một tâm hồn thanh thản, an lạc và vô sự, đó là nhờ biết buông xả các ác pháp.

8- Chúng ta làm chủ được sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt tái sanh luân hồi là nhờ biết ly dục ly bất thiện pháp, biết diệt ngã, xả tâm, biết buông xả các ác pháp, biết giữ tâm bất động trước ác pháp và các cảm thọ và luôn luôn lúc nào cũng biết giữ tâm thanh thản, an lạc và vô sự.

Một cuộc đời tu tập theo đạo Phật mà biết buông xả, tâm bất động trước các ác pháp, thì không có một vật gì quý báu nhất trong đời này mà đem trao đổi được.

Vì biết tâm thanh thản, an lạc và vô sự là một vật vô giá, không có vật quý báu nào trên thế gian này hơn được. Vì thế chúng ta hãy cố gắng tu tập, tu tập cho bằng được, vì nó rất lợi ích cho chúng ta và cho mọi người trên hành tinh này.

PHƯƠNG PHÁP TU TẬP CHO NGƯỜI GIÀ

Hỏi: *Kính thưa Thầy, ở ngoài này có bác Hạnh Nghĩa, rất nỗ lực tu học, nhưng chưa biết cách thức tu học cho phù hợp với bản thân và gia cảnh. Bác có hỏi con nhưng con không biết trả lời ra sao, mà chỉ góp ý với bác hãy sống đúng giới hạnh của người cư sĩ đó là nhân nhục, tùy thuận, bằng lòng. Kính xin Thầy từ bi chỉ dạy cho Bác (Bác năm nay gần 70 tuổi, Nhưng vẫn khỏe mạnh và bình thường).*

Đáp: Con nên chỉ dạy cho bác cách tu tập giữ tâm thanh thân, an lạc và vô sự.

Dạy cho bác câu pháp hướng tâm: “*Tâm như đất, lià tham, sân, si là hết khổ*”, để hằng ngày bác huân tập câu pháp này sẽ có hiệu quả giải thoát trong những ngày cuối cùng của đời bác.

Lúc bệnh tật khổ đau cũng như lúc gặp các ác pháp thì con nên dạy bác nhắc tâm: “*Tâm phải bất động trước các ác pháp, không được sợ hãi, hãy bình tĩnh hãy gan dạ, tất cả đều là do nhân quả*”.

Cuối cùng con nên dạy bác mỗi tháng nên Thọ Bát Quan Trai một ngày. Ngày ấy là ngày tập làm Phật.

TU TẬP GIỚI CHƯA ĐỦ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Tại sao trong một câu nói: “Tất cả những ai từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói lưỡi hai chiều, từ bỏ sân, tâm có chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung họ đều sanh vào thiện thú, thiện giới, cõi đời này, Như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy”.*

Còn câu nói: “*Ta đã thấy ở đây có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho....như trên. Như vậy, Ta chấp nhận cho vị ấy*”.

Đáp: Cùng một câu nói, một ý nghĩa như nhau, mà được Đức Phật chấp nhận và không chấp nhận. Chỉ vì, người thực hiện pháp đó lại khác nhau (người tu sĩ và người cư sĩ).

Người tu sĩ mà thực hiện pháp thiện đó chưa đủ để giải thoát, chỉ mới được sanh vào thiện thú, thiện giới ở cõi đời thì Đức Phật không chấp nhận.

Còn người cư sĩ tại gia thực hiện pháp thiện đó để được sanh vào thiện thú, thiện giới ở cõi đời này thì Đức Phật chấp nhận.

Tóm lại, câu này Đức Phật xác định tu tập Giới luật chưa đủ để giải thoát hoàn toàn, mà phải tiếp tục tu tập Định và Tuệ.

CON NGƯỜI TỪ ĐÂU SANH?

Hỏi: Kính thưa Thầy! Con người từ nhân quả sanh ra là sao? Nghĩa như thế nào? Sống trong nhân quả? Chết trở về nhân quả? Nghĩa nó như thế nào? Xin Thầy giảng dạy cho chúng con được hiểu.

Đáp: Con người từ nhân quả sanh ra có nghĩa là con người được sanh ra từ những hành động nhân quả thiện ác của môi trường sống.

Đức Phật dạy: “*Vô minh*” sanh “*hành*”, “*hành*” sanh “*thức*”. Vậy “*thức*” có được là nhờ “*hành*”, “*hành*” có được là nhờ “*vô minh*”. Do vô minh mới có những hành động lúc ác, lúc thiện; do hành động lúc ác, lúc thiện mới có làm khổ mình, khổ người, do hành động ác và thiện này mà sanh ra thức, do thức mới có danh sắc.

Trên đây là nói theo kinh sách, nói theo lời dạy của đức Phật, còn nói theo thực tế qua cái nhìn hiểu biết của ý thức, thì con người từ môi trường sống sanh ra. Trong môi trường sống

gồm có đất, nước, gió, lửa, các chất khí và các từ trường, do sự vận hành của các chất khí và các từ trường mà tạo ra sự biến dịch thay đổi không ngừng của các vật thể, vì thế mà tạo các duyên tan hợp, nhờ các duyên tan hợp này mà vạn vật sanh ra.

Con người từ nhân quả sanh ra, chết trở về nhân quả, chứ không từ đâu sanh và cũng không về đâu. Đó là câu trả lời: *“Con người từ đâu sanh ra và chết đi về đâu?”*.

Câu trả lời này rất cụ thể và dễ hiểu. Vì con người từ cát bụi và không khí (môi trường sống) sanh ra thì chết cũng trở về cát bụi và không khí (môi trường sống).

Nếu không có môi trường sống thì con người không thể sanh ra được, như mặt trăng, mặt trời và các hành tinh khác không có sự sống thì không có vạn vật sanh ra.

Sự sanh ra được vạn vật trong vũ trụ là nhờ sự vận hành của các duyên lúc hợp lúc tan; lúc hợp lúc tan, tức là có sự thay đổi. Sự thay đổi ấy đức Phật gọi các duyên là vô thường, hay các pháp vô thường đều có nghĩa này. Do các pháp vô thường và biết chắc chắn như vậy nên đức Phật xác định: *“Mười hai nhân duyên khi tan rồi thì không còn duyên nào cả, cũng như thân ngũ uẩn, khi một người chết thì không còn uẩn nào cả”*. Do đó đức Phật lại còn xác định thêm: *“Nếu các duyên dù còn một chút xíu như đất trong móng tay Ta thì Đạo Ta không ra đời, vì không giải khổ cho ai được hết”*. Do tánh chất vô thường thay đổi của các pháp, nên con người tu hành giải thoát được.

Ví dụ: Một người chửi mắng chúng ta, nhưng chúng ta không chửi mắng lại họ, không buồn tức giận họ, và còn khởi tâm thương họ, thì ngay đó nó đã thay đổi các duyên của các ác pháp đó trở thành các duyên cho các thiện pháp. Do tánh chất các pháp vô thường thay đổi như vậy nên chúng ta thấy

được sự giải thoát một cách cụ thể và rõ ràng. Nếu các pháp không vô thường, cố định, hay nói cách khác là các pháp có tánh chất thường hằng thì không thể làm thay đổi được ác pháp thành thiện pháp được.

Ví dụ: Một người chửi mắng chúng ta thì chúng ta phải tức giận và chửi mắng lại họ. Nếu tánh chất các pháp thường hằng thì ác pháp này không thể thay đổi được, nếu thay đổi không được thì con người dù có tu hành cũng không thể giải thoát được.

Nếu các pháp không thể thay đổi được thì các pháp phải có bản thể thường hằng, nếu các pháp có bản thể thường hằng thì con người phải có đời sống sau khi chết, nếu có đời sống sau khi chết thì con người phải có linh hồn, có linh hồn thì thế giới siêu hình mới có.

Nếu thế giới siêu hình có thì phải có một ông vua của thế giới này, và ông vua của thế giới này thì phải là một đấng toàn năng, một đấng tạo hóa, một đấng toàn thiện v.v...Mà là đấng tạo hóa, toàn năng, toàn thiện khi tạo tác ra con người và vạn vật thì con người và vạn vật phải là hiền lành không bao giờ giết hại và ăn thịt lẫn nhau.

Con người và vạn vật do đấng toàn thiện sanh ra thì phải thương yêu nhau, đùm bọc lẫn nhau, chứ có đâu giết hại lẫn nhau mà chẳng hề xót thương chút nào...

Do thế chúng ta không tin thuyết này vì nó không thực tế, mơ hồ, trừu tượng, cho nên những tôn giáo xây dựng thế giới siêu hình đã lỗi thời, không thể còn lừa đảo được ai nữa, khi trình độ hiểu biết của con người được nâng lên theo sự tiến bộ của khoa học.

Cho nên thuyết “nhân duyên” của Phật giáo là phù hợp, là thực tế, cụ thể như khoa học. Vì thế không có một triết thuyết nào bài bác nó được, nó là một sự thật hiển nhiên của

vạn vật trên hành tinh này đều do duyên hợp.

Mà đã do duyên hợp thì chỉ có môi trường sống mới có sanh ra vạn vật, từ loài rong rêu, cỏ cây cho đến các loài động vật nhỏ nhất như vi trùng, vi khuẩn, v.v...

Con người cũng là một loài động vật như bao nhiêu loài động vật khác nên cũng từ môi trường sống sanh ra. Vì thế chúng ta khẳng định: “*Con người từ nhân quả sanh ra chết trở về nhân quả*”.

**SÓNG TỄ NHẠT, ĐƠN ĐIỀU,
BUỒN CHÁN, LÃNG PHÍ THỜI GIAN.**

Hỏi: Kính thưa Thầy! Nhìn thấy cuộc sống của mọi người trong tu viện sao tẻ nhạt, đơn điệu quá. Thầy chỉ nhận chúng về đây tu học chứ không bắt chúng làm công quả nặng nhọc như những chùa khác. Chúng sống như thế có buồn chán hay lãng phí thời gian không thưa Thầy?

Đáp: Khi đã trực tiếp về đây tu học theo giáo lý Nguyên Thủy của đức Phật, thì con đã biết độc cư là bí quyết thành công của sự tu tập thiền định. Vậy sao con hỏi câu này với ý nghĩa gì hỏi con? Ở đây tu viện không có mời thỉnh một ai về đây sống độc cư để cho tâm hồn họ buồn chán, tẻ nhạt, đơn điệu và lãng phí thời gian, chẳng có ích lợi gì cho bản thân, cho đời, cho đạo. Mà chính mọi người về đây đều phải tự nguyện, tự giác chấp nhận nếp sống tẻ nhạt, đơn điệu này. Đó là nếp sống của tu viện như vậy, nếu ai không bằng lòng, không chấp nhận nếp sống này thì chắc chắn sẽ không tu tập theo giáo pháp Nguyên Thủy được.

Sự tu tập này là đem lại lợi ích cho bản thân người tu, chứ không phải làm lợi ích cho người khác, nếu ai thấy nếp sống này không lợi ích, tẻ nhạt, đơn điệu, buồn chán, lãng phí thời gian thì không nên đi con đường này. Phải không con?

Con có biết không? Vì có sống tẻ nhạt, đơn điệu mới nhận ra từng tâm niệm làm khổ mình, làm khổ người và làm khổ cả hai. Đó là phương pháp chúng đạt đạo đức chân lý của đạo Phật. Vì thế tu viện chấp nhận một nếp sống tẻ nhạt, đơn điệu, li dục, li ác pháp không giống như nếp sống ồn ào chạy theo dục và ác pháp như ngoài đời.

Nếu không chấp nhận sống tẻ nhạt, đơn điệu thì nên sống như người ngoài đời. Có ai bắt buộc ai phải sống nhàm chán, tẻ nhạt, đơn điệu lãng phí thời gian chôn vùi một đời người trong đau khổ đâu?

Như con đã biết: Đời phải sống đúng đời, đạo phải sống đúng đạo; đạo đời không thể lẫn lộn; đạo đời lẫn lộn thì không phải đạo. Có phải vậy không con?

Ở trong đạo tập hợp nói chuyện là phá hạnh độc cư, là phi đạo, phi đời. Đời chẳng giống đời, đạo chẳng giống đạo. Ngày xưa đức Phật gọi những người hay tập hợp nói chuyện là ngoại đạo.

Tại sao con lại có tâm niệm cho rằng: Sống hạnh độc cư của những bậc vượt thoát trần lao là đơn điệu, tẻ nhạt, buồn chán, lãng phí thời gian?

Nếu con đem đời sống thất tình lục dục của con người bình thường mà lồng ghép trong hạnh độc cư của những bậc thoát dòng tục lụy thì làm sao con chẳng cảm thấy tẻ nhạt, đơn điệu, buồn chán, lãng phí thời gian. Phải không con?

Thầy nghĩ rằng với kiến thức của con hiện có, chưa phải thiếu sáng suốt như vậy mà con hỏi những câu hỏi này quả là trí tuệ con đang bị đám mây mù che khuất. Bởi vì con đã từng đọc sách của Thầy thì lý do đâu con như người chưa từng đọc, như người chưa hiểu gì cả. Tâm con đang bị điên đảo tưởng, điên đảo tâm, điên đảo tình cảm. Phải không con?

Vì lợi ích Thầy không bắt buộc mọi người về đây tu tập làm công quả nặng nhọc như các chùa khác, chỉ muốn cho họ dừng phí thời giờ tu tập, nên ghép họ vào nếp sống độc cư, nhưng họ tu tập không đúng cách, còn thừa thời giờ nhiều nên sinh ra buồn chán, đi tập họp nói chuyện, phá hạnh độc cư, như vậy họ rất lãng phí thời gian và rất tội nghiệp. Bỏ đời vào chùa tu tập xả tâm, thế mà lại phá hạnh độc cư. Phá hạnh độc cư có lợi ích gì. Đời chẳng ra đời, đạo chẳng ra đạo như trên đã nói. Tiếc thay! Uổng thay! Phí cả một đời người.

GÓP PHẦN VÀO VIỆC GIỮ GÌN VÀ XÂY DỰNG CHÁNH PHÁP

Hỏi: Kính thưa Thầy! Là đệ tử tại gia của Phật, chúng con cũng muốn đóng góp mình cho việc giữ gìn và xây dựng Chánh pháp. Chúng con có thể làm được những gì nhất là trong thời còn Đại Thừa đang phát triển mạnh. Ác pháp đang lan tràn, làm con người sống trong đảo điên tâm tưởng.

Đáp: Muốn góp phần vào việc giữ gìn và xây dựng Chánh pháp thì phải tu tập và giữ gìn giới hạnh đúng pháp như trong những ngày Thọ Bát Quan Trai, rồi đem sự tu tập này áp dụng vào đời sống hằng ngày xả tâm để thực hiện đạo đức làm người sống không làm khổ mình, khổ người. Đó là góp phần vào việc giữ gìn và xây dựng Chánh pháp.

Muốn góp phần vào việc giữ gìn và xây dựng Chánh pháp không phải ở chỗ xây dựng cơ sở, không phải ở chỗ in kinh sách nhiều mà ở chỗ mỗi người phải sống có đạo đức: Đừng nói những lời li gián, đừng nói xấu người khác, đừng tranh chấp hơn thua, đừng vì danh, vì lợi mà vì sống lợi ích cho mình cho người.

**BÁT KÌ TÔN GIÁO NÀO ĐỀU CÓ NHỮNG LÝ LUẬN:
“ĐÂY LÀ TRỰC ĐẠO, ĐÂY LÀ CHÁNH ĐẠO...”**

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Bất kì một tôn giáo nào, một hệ phái nào cũng đều có những lí luận chứng minh pháp môn mình là đúng, là chân chánh. Còn đối với pháp môn Nguyên Thủy của ta phải chăng cần thể hiện qua sự thực hành, qua gương hạnh sống hơn là lí luận phải không Thầy?*

Đáp: Đúng vậy, thể hiện qua sự thực hành sống đức hạnh là cái gốc, nhưng đối với Phật giáo Nguyên Thủy thì “*Tri hành phải hợp nhất*” Cho nên kinh sách Nguyên Thủy có những lí luận sắc bén dựng lên sự chân thật rõ ràng và cụ thể toàn diện sự thật của con người. Còn các tôn giáo khác và các tư tưởng triết học đều có lí luận chứng minh những điều họ nói ra nhưng chỉ đúng một phần nào sự thật, chứ chưa toàn diện. Cho nên những lí luận của họ thiếu thực tế, không cụ thể, còn có kẻ hở, nên gặp người trí vạch ra thì ai cũng nhận biết sự lí luận của họ còn ảo tưởng chưa như thật.

Phật giáo Nguyên Thủy lấy bốn sự thật của loài người chỉ rõ cho họ thấy, vì thế nên không bị ảo tưởng, hư tưởng lừa đảo.

Các tôn giáo, các hệ phái và các triết học không dựa vào sự thật toàn diện mà lí luận nên thường bị tưởng tri xen vào khiến cho lí luận của các tôn giáo, các hệ phái và các triết học thành phiếm diện có nhiều kẻ hở sai sự thật.

CON NGƯỜI KHỔ VÌ THIẾU NỀN ĐẠO ĐỨC NHÂN BẢN - NHÂN QUẢ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Ở trên đời có người khổ vì vật chất, có người khổ về tinh thần. Nhưng con xét thấy người ta khổ chỉ vì thiếu nền đạo đức nhân bản - nhân quả. Con nhận thấy như vậy có đúng không thưa Thầy?*

Phải chẳng chỉ có người sống đúng theo Phạm hạnh của Phật mới thoát khổ hoàn toàn.

Đáp: Đúng vậy, Ở trên đời có người khổ vì vật chất, có người khổ về tinh thần, nhưng chỉ vì thiếu nền đạo đức nhân bản, nhân quả mà chịu khổ như vậy. Con nhận xét như vậy rất đúng.

Muốn thoát khổ hoàn toàn thì chỉ sống không làm khổ mình khổ người. Đạo Phật ra đời dạy người thoát khổ cũng là vì mục đích này.

VÔ MINH

Hỏi: Kính thưa Thầy! Ngồi tu chỉ một niệm “gục” là tâm người ấy bị vô minh che đậy. Nếu trong một tháng mà tu không một niệm “gục”, thì tâm người ấy đã được thanh thản. Nếu con tu mỗi lần 10 hơi thở, con xả nghỉ một phút và tiếp tục tu 30 phút, như vậy con không bị “gục”. Khi xả nghỉ tâm con có lúc nhẹ nhàng, nếu con cứ tu như vậy, con còn bị vô minh che đậy nữa không? Cầu xin Thầy chỉ dạy.

Đáp: Nếu con tu tập không bị “gục” và thất niệm thì con đã phá sạch vô minh, chỉ vì thời gian con tu hiện giờ còn ngắn lắm, chỉ cách khoảng 10 hơi thở xả nghỉ một phút, sức tỉnh thức chưa kéo dài được, nhưng con khéo thiện xảo tu như vậy và siêng năng không biếng trễ niệm “gục” và thất niệm không có, thì sức tỉnh thức sẽ cao độ, thời gian sẽ chiếm trọn ngày đêm, lúc bấy giờ vô minh bị quét sạch.

Vốn chúng ta sanh ra đời, mang nghiệp thân nhân quả khổ đau này, do từ nơi vô minh. Nếu quét sạch vô minh, thì chúng ta đã giải thoát hoàn toàn, đâu còn gì phải tu nữa. Chính vì phá vô minh, mà đạo Phật dạy ta tu tập, nhắm vào sức tỉnh giác. Từ Chánh Niệm Tỉnh Giác Định, Định Niệm Hơi Thở, đều phải tu trên Thân Hành Niệm, lấy mọi hành động của thân tu tập để tạo sức tỉnh thức, do tu như vậy nên không bị niệm “gục”. Nhưng con cũng nên nhớ: Chỉ có giới

luật nghiêm túc thì niệm “gục” mới không thăm con, như lời Phật đã dạy. Hiện giờ niệm “gục” đến thì nên dùng pháp Thân Hành Niệm mới quét sạch, ngoài pháp môn Thân Hành Niệm khó mà thắng niệm “gục”.

Tỉnh thức có thì vô minh không có, cho nên người tu còn gục và thất miệm là chưa có sức tỉnh thức. Do tu sai pháp, tu quá sức, ngồi nhiều, không đi kinh hành, không tu trong mọi hành động. Sức tỉnh thức chưa có thì vô minh còn; vô minh còn thì tham, sân, si còn; tham, sân, si còn; thì ác pháp còn; ác pháp còn thì tâm dục còn; tâm dục còn thì chưa giải thoát. Muốn phá vô minh mà hành giả cứ tìm kiếm học hỏi và nghiên cứu, để được thông suốt giáo lý kinh điển thì hành giả đó, chỉ là học giả, vô minh lại càng vô minh hơn. Đừng nghĩ rằng học hỏi nghiên cứu thông suốt tam tạng kinh điển là hết vô minh. Đó là một điều nghĩ sai.

Các nhà Đại Thừa, các Thiên Sư, các nhà học giả, họ là những người thông suốt kinh sách, lý luận sắc bén, đối đáp như gió thổi, nhưng đối với đạo Phật, họ là những kẻ vô minh, chỉ vì chưa có sức tỉnh thức, còn “Gục”.

Các pháp môn tu tập thiền định của đạo Phật, được chia làm hai loại rất rõ ràng và cụ thể:

- 1- Các pháp môn tu tập Tỉnh thức.
- 2- Các pháp môn tu tập Chánh niệm.

Vấn đề tu tập, quan trọng trong đạo Phật, là phải tu tập như thế nào, để phá sạch vô minh?

Vì biết rõ do vô minh, nên nghiệp lực của con người, tiếp tục mãi tái sanh luân hồi và chịu biết bao đau khổ từ kiếp này sang kiếp khác.

Muốn chấm dứt khổ đau thì phải đoạn dứt vô minh. Vì thế đường lối của đạo Phật, bắt đầu phải tu tập pháp nào trước.

Vì đức Phật là hành giả tu tập các pháp môn của ngoại đạo, không đạt được giải thoát, nên Ngài đã quá thông suốt, khi dạy người tu thiên định, bắt đầu phải thực hành pháp môn trước tiên: Là “*Thân Hành Niệm*” Thân Hành Niệm, tức là nương theo hành động của thân nội và ngoại để tập tỉnh thức, nhờ có tỉnh thức tâm mới phá vô minh, tức là tâm luôn tỉnh thức trong Chánh niệm, (Thân niệm) nên đức Phật ghép hai danh từ này lại thành một tên thiên định của đạo Phật, “*Chánh Niệm Tỉnh Giác Định*”. Một loại định xả tâm diệt ngã, ly dục ly ác pháp, mang đến cho hành giả từng phút, từng giây giải thoát.

Pháp môn Chánh niệm tỉnh giác định là một pháp môn trong bốn pháp môn để tu tập ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp, nên có tên gọi là “*Tứ Chánh Cần*”, một pháp môn ngăn ác, diệt ác tuyệt vời, luôn sống trong thiện pháp, an vui trong thiện pháp, khiến cho hành giả có một tâm hồn thanh thản, an lạc và vô sự.

Để tiếp tục pháp thứ hai, con đường của đạo Phật diệt ngã xả tâm, ly dục ly ác pháp hành giả tu tập “*Định Vô Lậu*” để triển khai tri kiến giải thoát.

Muốn tu tập Định vô lậu, hành giả phải có sự tỉnh thức khá cao, dùng sức tỉnh thức đó quán xét nhân quả trong mỗi tâm niệm, mỗi đối tượng, mỗi sự việc và mỗi hoàn cảnh. Từ đó sẽ thấy các pháp vô thường như thật, khổ như thật, vô ngã và bất tịnh như thật.

Trên đường tu tập, nếu con tu đúng như lời dạy trên đây, thì phải tu tập kế tiếp những pháp môn sau đây: Định Niệm Hơi Thở và Định Sáng Suốt, vì các loại định này rất cần thiết để đẩy lùi các chướng ngại pháp. Do đẩy lùi các chướng ngại pháp thì mới phá sạch vô minh. Nhờ đó con không còn gục và thất niệm nữa, từ đây về sau tâm hồn con thanh thản, an

lạc và vô sự. Từ đó một niềm vui vi diệu của đạo Phật xuất hiện mà không tìm nơi đâu có được.

NHƯ LÝ TÁC Ý

Hỏi: Kính thưa Thầy, nếu con tu pháp hướng tâm như lý tác ý (ám thị), luôn không dứt “*Tâm như đất*”. Giai đoạn đầu con tu còn vọng tưởng khi hướng tâm (ám thị), tuy vậy con vẫn ám thị luôn không dứt, như thế lâu ngày tâm con có hết tham, sân, si không? Xin Thầy chỉ dạy.

Đáp: Muốn hướng tâm như lý tác ý (ám thị) “*Tâm như đất*” có hiệu quả, nghĩa là tâm hết tham, sân, si thì không phải chờ hết vọng tưởng, mà ở chỗ giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh: Ăn, ngủ, độc cư, sống trầm lặng một mình. Thường sống biết nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng. Đó là vừa hướng tâm “*ám thị*”, vừa lấy giới luật phòng hộ sáu căn, vừa sống lập đức lập hạnh, do tu đúng như vậy, thì tâm lần lượt sẽ thanh tịnh, tức là lần lượt tâm ly dục ly ác pháp cho đến thanh tịnh hoàn toàn (tham, sân, sân, si bị quét sạch).

Phải nhớ trong đạo Phật, duy nhất pháp hướng tâm là một pháp môn mẫu nhiệm tuyệt vời, nếu siêng năng tu tập và giữ đúng giới luật, đừng vi phạm một lỗi lầm nhỏ nào thì kết quả pháp hướng tâm này có đủ năng lực (đạo lực) điều khiển, truyền lệnh làm chủ thân tâm (nhân quả), giải thoát sanh, già, bệnh, chết hoàn toàn. Nếu con có đủ niềm tin ở pháp môn tác ý này, thì hãy cố gắng hàng ngày đừng xao lãng lúc nào cũng nhớ hướng tâm: “*Tâm như đất ly tham, sân, si cho thật sạch, tham, sân, si là pháp ác là đau khổ*”.

Xưa, Đức Phật cũng nhờ pháp này diệt ngã xả tâm, đi đến cứu kính giải thoát hoàn toàn, thời nay Thầy cũng nhờ nó mà tâm hồn được thanh thản, an lạc.

Vậy, các con có đủ niềm tin chẳng? Nếu đủ thì các con hãy siêng năng hằng ngày tu tập đừng nên biếng trễ tác ý.

PHƯỚC HỮU LẬU

Hỏi: Kính thưa Thầy, câu chuyện Bách Trượng và ông già chồn. Vì không hiểu nhân quả nên ông già chồn phải đọa 500 kiếp làm thân chồn. Về câu chuyện này, các nhà học giả xưa và nay, ai cũng biết.

Ngày nay, các nhà học giả soạn kinh viết sách, họ không viết đúng theo lời Phật dạy, thêm bớt theo sự nghĩ tưởng của mình qua tưởng giải và còn dám cả gan cắt xén kinh điển làm lệch ý Phật, ý kinh khiến cho đoàn hậu học sau này, ham tu dựa vào kinh sách này, tu hành chẳng đến đâu, uổng công sức và phí cả cuộc đời. Họ đã khéo léo ca ngợi, kêu gọi mọi người và còn bắt buộc phải tu theo năm bộ kinh lớn của Đại Thừa như: Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Bát Nhã, Thủ Lăng Nghiêm, v.v...

Nếu thọ trì tu chứng theo kiểu tưởng pháp này và làm những việc từ thiện xã hội, nhưng không làm chủ được thân tâm, thì các nhà dịch giả và soạn giả những bộ kinh này có công đức hay phước báo gì? Cúi xin Thầy chỉ dạy cho con được rõ.

Đáp: Câu chuyện “Bách Trượng đã hồ” là câu chuyện bịa đặt của Thiên Tông để lừa đảo người khác. Câu chuyện “Bách Trượng đã hồ” là câu chuyện chấp nhận định mệnh nhân quả tức là nhân quả không chuyển hoá được, không thay đổi được, chỉ dùng mê muội nhân quả mà thôi, chỗ “chẳng muội nhân quả” tức là định mệnh. Khi quả đến ta chấp nhận tai nạn, bệnh tật, khổ đau, nhưng không sợ hãi trước tai nạn khổ đau đó. Theo Phật giáo Nguyên Thủy thì ông già chồn nói không đúng: “Bậc đại tu hành chẳng lạc nhân quả”. Chữ “lạc” ở đây có nghĩa là rơi, bị, nghĩa là bậc đại tu hành

không bị nhân quả tác dụng, đó là hiểu sai, đã mang thân nhân quả, thì phải có tai nạn, bệnh tật, dù người đó tu đã thành Phật, thân nhân quả vẫn là thân nhân quả không thể thay đổi được, nên vẫn phải có tai nạn, bệnh tật. Nhưng tu đúng theo pháp của đức Phật, thì tâm không dao động trước tai nạn, bệnh tật và kể đó dùng pháp hướng tâm tịnh chỉ, làm cho các cảm thọ khổ, lạc, bất khổ bất lạc, không tác động được vào thân và tâm và còn khắc phục chuyển hóa khổ thọ, lạc thọ ra khỏi thân tâm (*Trên thân quán thân để khắc phục tham ưu*). Cho nên pháp của Phật, tu hành làm chủ sanh, già, bệnh, chết mà đã làm chủ sanh, già, bệnh, chết thì nghiệp nhân quả làm sao chi phối được, nghiệp nhân quả tuy có nhưng không chi phối được tâm người tu chứng, tức là làm chủ nhân quả, làm chủ nhân quả tức là làm chủ nghiệp, chứ không phải làm chủ cái thân nhân quả duyên hợp như ông già chôn đã nói, còn bảo không mê muội như Thiên Tông mà không làm chủ được các thọ, thì không đúng pháp Phật.

Cho nên cuộc sống (sanh y) không còn đối với tâm ham muốn và các ác pháp (tham, sân, si, mạn, nghi đã chấm dứt), "*Tâm như đất trời*" thì hành giả tu được như vậy những oai nghi tế hạnh đầy đủ, không còn vi phạm giới luật, dù một lỗi nhỏ nhặt nào, đó là tâm giải thoát của đạo Phật. Ngược lại Thiên Tông, chỉ cần không mê muội nhân quả, nghĩa là thân tâm có bệnh tật, tai nạn, phiền não, sân hận, thương ghét v.v... Mặc nó, chẳng lo, chẳng sợ, chẳng dẹp, chẳng dứt, cứ để mặc tình, tâm luôn tự tại vô ngại, danh, lợi, dâm dục, ăn ngủ cũng mặc miễn đừng mê muội sợ hãi nó là được.

Do lý luận chẳng mê muội nhân quả như vậy, nên Thiên Tông mới có sản xuất Tế Điền Hòa Thượng, Phật sống Cựu Kim Sơn, Thượng Sĩ Tuệ Trung. Khi đã chứng đạo thì họ "*Thõng tay vào chợ*". Chẳng cần giới luật, chẳng trọng đạo đức và đức hạnh. Do đó tu sĩ Thiên Tông và Đại Thừa đã đưa

Phật giáo đi vào triết học hiện sinh, đi đến ngõ cụt của cuộc đời tu hành.

Còn các nhà học giả xưa và nay soạn và viết kinh sách Đại Thừa, họ chỉ dạy người tu làm phước thiện “*Tứ nhiếp pháp*”, tạo phước báo ở đời, chứ không dạy như kinh Nguyên Thủy tu tập để làm chủ sanh tử, luân hồi. Cho nên y báo và phước báo của họ đều gắn liền trong hiện kiếp rõ ràng, nhưng về tội viết sai lời Phật dạy, họ phải chịu quả báo địa ngục, tức là họ phải thọ chịu quả bệnh tật khổ đau trên giường bệnh rất khổ sở, thời gian có thể kéo dài đôi ba năm, bằng chứng trước mắt chúng ta đã chứng kiến các bậc tôn túc đã viên tịch, một cách khổ đau.

Trong suốt khoảng đời sống của chúng ta đã chứng kiến y báo và phước báo, cũng như sự đọa địa ngục của các Ngài. Về phước báo, do dịch, viết và soạn kinh sách Đại Thừa: Như cư sĩ Tâm Minh, Hòa Thượng Thiện Hoa, Hòa Thượng Thiện Hòa, Hòa Thượng Trí Tịnh, Hòa Thượng Bửu Huệ, Hòa Thượng Thiện Tâm, Hòa Thượng Minh Châu, Hòa Thượng Thiện Siêu, Hòa Thượng Nhất Hạnh, Hòa Thượng Trí Thủ, Hòa Thượng Thanh Từ, v.v... Và còn nhiều vị khác nữa, đều có y báo và phước báo rõ ràng.

Đó là công đức thiện pháp của pháp môn Đại Thừa, cũng như công đức thiện pháp của các tôn giáo khác ngăn chặn được ác pháp của một số người, nhờ đó ta mới thấy được phước hữu lậu của họ, với những pháp môn này họ không thể hưởng được phước vô lậu. Duy chỉ có pháp môn của Phật giáo Nguyên Thủy thì mới hưởng được phước vô lậu, tức là làm chủ sự sống chết và cũng chính là làm chủ nhân quả của kiếp người. Đối với các pháp môn của Đại Thừa chỉ dạy tu tập chẳng mê muội nhân quả, chứ không làm chủ được nhân quả.

Việc làm của các nhà học giả là để thọ hưởng phước báo tốt đỉnh danh lợi của cuộc đời, chứ không phải giải thoát. Tuy rằng hưởng phước báo như vậy, nhưng đã dạy sai ý Phật, khiến cho Phật pháp suy đồi, không người tu chứng giải thoát, và toàn bộ tu sĩ đều thiếu đức hạnh, phạm giới, nên các Ngài phải chịu quả báo về tội đọa như trong luật đã dạy. Trước khi sắp viên tịch phải chịu luật nhân quả hành hạ xác thân đau khổ trên giường bệnh, mà chúng ta đã chứng kiến, không có vị Hòa Thượng nào tránh khỏi, Tăng cũng như Ni càng phước báo lớn càng đau khổ nhiều.

Luật nhân quả đã dạy, trong các pháp thiện có các pháp ác, trong các pháp ác có các pháp thiện. Tại sao vậy?

Tại vì các pháp môn của Đại Thừa dạy làm thiện mà không có pháp dạy ly dục ly ác pháp, nên tâm dục của các ngài chưa ly, ác pháp chưa diệt, các Ngài đều phạm giới, bẻ vụn giới, ăn ngủ phi thời, sống phóng dật, chạy theo sáu trần bên ngoài, nên chấp nhận học hành cấp bằng, chùa to, tháp lớn (giống như nhà giàu). Những phước báo mà kinh sách Đại Thừa dạy là phước báo hữu lậu, bằng chứng cụ thể rõ ràng như: Hòa Thượng Thanh Từ, Hòa Thượng Nhất Hạnh đã đạt được những phước báo đó. Còn nói đến phước báo vô lậu thì không thể nghĩ bàn, đó là sự làm chủ sanh, già, bệnh, chết chỉ có kinh Nguyên Thủy của Đạo Phật mới có những pháp hành này mà thôi.

TRÍ VÔ HẠN VÀ HỮU HẠN

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Xin Thầy dạy cho con hiểu trí hữu hạn và vô hạn?*

Đáp: Có lần Thầy đã giảng về trí hữu hạn và vô hạn rồi. Trí hữu hạn là sự hiểu biết có giới hạn, không vượt ra ngoài không gian và thời gian. Trí hữu hạn chỉ là sự hiểu biết trong

thế giới hữu sắc mà thôi, sự hiểu biết còn bị hạn cuộc trong không gian và thời gian như trên đã nói, nên sự hiểu biết rất cạn cợt. Vì thế, thỉnh thoảng các nhà khoa học tìm kiếm hay phát minh ra một vật thể gì mới lạ thì con người hết sức vui mừng. Đó là một bằng chứng cho biết trí hữu hạn, sự hiểu biết rất hạn cuộc.

Đối với thế giới siêu hình, trí hữu hạn không thể nào hiểu biết nổi. Phần đông, người ta dùng tướng tri, để hiểu biết, nên đã lầm lạc. Do đó tướng tri của con người cho rằng con người có Linh hồn, Thần thức, Tiểu ngã, Phật tánh, Bản thể Vạn hữu, Đại ngã, Chơn Không, Chơn Như, v.v... Người chết oan ức, chết bất đắc kỳ tử, linh hồn không đi đầu thai được, không chỗ nương tựa, sống vất vưởng theo cây cao bóng mát, thành ma, thành quỷ, đói khát bất bớ người còn sống, bệnh đau hoặc tai nạn để được cúng bái, tế lễ. Những người làm tướng xông pha trận mạc dẹp giặc bảo vệ non sông, đất nước, khi chết linh hồn thành Thần, thành Thánh. Những người bỏ thế tục ly gia cắt ái vào rừng sâu núi thẳm tu hành, đến khi chết linh hồn thành Tiên, thành Phật, v.v...

Phải nói trí hữu hạn, chỉ là sự hiểu biết của con người trong hạn cuộc không gian và thời gian. Ngăn sông cách núi thì không thấy, tương lai thì không rõ, quá khứ, cách một đời, hai đời thì không biết, không nhớ.

Chỉ có trí vô hạn mới hiểu biết thế giới siêu hình, không gian và thời gian không còn hạn cuộc. Trí vô hạn tức là trí tuệ Tam Minh của nhà Phật. Muốn có trí vô hạn, chúng ta phải chịu khó tu tập, trau dồi thân tâm và xa lìa vật chất dục lạc thế gian, thường tránh xa các ác pháp (ly dục, ly ác pháp).

Người tu theo Phật giáo, phải tu tập theo lộ trình, “*Giới, Định, Tuệ*” và nhập bốn loại định hữu sắc, “*Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền*” tức là tịnh chỉ ngôn hành, tịnh chỉ khẩu hành, tịnh chỉ tưởng hành và tịnh chỉ thân hành.

Khi đó, thân định trên tâm, tâm định trên thân, rồi hướng tâm đến Tam Minh, tâm đã viên mãn Tam Minh, thì trí vô hạn mới có.

Mục đích để đạt được trí vô hạn, hành giả phải nhập “*Bất động tâm định*”. Muốn nhập bất động tâm định, hành giả phải sống đúng giới đức và giới hạnh của đạo Phật. Nếu sống không đúng giới đức và giới hạnh, thì dù quý vị có tu pháp thiền định nào cũng chẳng có trí vô hạn, duy chỉ có pháp môn “*Tam Vô Lậu Học*”, tu tập mới có trí vô hạn mà thôi.

Tam Vô Lậu Học là pháp môn chia làm ba giai đoạn tu tập hay còn gọi là ba cấp tu học trong chương trình giáo dục đào tạo của Phật giáo:

- Tu tập đức hạnh không làm khổ mình, khổ người tức là ly dục ly ác pháp.
- Tu thiền định tức là phải nhập từ Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền đến Tứ Thiền.
- Tu tập Tam Minh tức là hướng tâm đến Túc Mạng Minh, Thiên Nhân Minh và Lậu Tận Minh.

Sau khi tu tập xong ba giai đoạn này thì trí vô hạn hiện tiền.

KIẾN GIẢI

Hỏi: Kính thưa Thầy, nhà thiền gọi người tu rơi vào kiến giải, là như người chết mà như hồn phách chưa tan. Người tu như vậy có nhập định được hay không?

Không nhập vào được định là do thân tâm yếu hay nghị lực không có, hoặc bị trạng thái nào cản trở mà không thể vượt qua được? Hay là tu đến đó không còn cách nào tu tập được nữa ?

Đáp: Người tu hành rơi vào “*kiến giải*”, là người tu thiền theo ngoại đạo (Thiền Đông Độ, Đại Thừa), tu tập thiền định ức chế tâm, “*dừng vọng tưởng*” khi vọng tưởng dừng, hành giả rơi vào định tưởng, (Không Vô Biên Xứ Tưởng), từ đó triển khai tưởng tuệ, được xem như hành giả tu đến đây, có những “*tiểu ngộ*” hoặc “*đại ngộ*” về những công án và các kinh sách Đại Thừa. Trên lộ trình này, hành giả tiếp tục đi sâu vào trạng thái tĩnh lặng, vượt qua không vô biên xứ, nhập vào trạng thái thức vô biên xứ, trạng thái này hành giả “*triệt ngộ*”, (ngộ tất cả các công án và kinh sách Đại Thừa).

Các loại thiền định này, không phải là thiền định xả tâm của đạo Phật (ly dục ly ác pháp) nên đắm chìm trong các pháp thế gian, tâm còn say mê ăn, uống, ngủ, nghỉ phi thời v.v... và còn ham thích chùa to, tháp lớn, danh tiếng vang lừng. Vì tâm dục và ác pháp không trừ, nên con đường tu tập không thể nhập vào Chánh định, chứ không phải thân tâm và nghị lực yếu kém. Vì đã rơi vào kiến giải, tưởng mình như đã tu chứng, do đó bản ngã to lớn ra, cũng từ đó đường tu chấm dứt, chỉ còn biết lợi dụng kiến giải này, để buôn Phật, bán Pháp, làm cho cuộc sống danh lợi càng ngày, càng phát triển to lớn như một lãnh chúa.

Hạng tu sĩ này họ đâu biết rằng, kinh sách kiến giải của họ soạn viết ra, là đã giết biết bao nhiêu thể hệ con người đã qua. Những kinh sách kiến giải này, đã đưa những người tu sĩ Phật giáo đi đến chỗ “*Đời chẳng ra Đời, Đạo chẳng ra Đạo*”. Giới luật chẳng nghiêm túc, đạo hạnh chẳng có gì, oai nghi tế hạnh thì thô tháo, ăn, nói, cười cợt không đúng cách, khiến mọi người nhìn thấy tu sĩ Phật giáo mà đau lòng.

Những kiến giải này, được phổ biến sâu rộng, trong mọi tầng lớp con người ở xã hội, khiến cho mọi người đều sống trong tưởng tuệ. Sống trong một thế giới mơ hồ, trừu tượng, ảo ảnh Phật tánh, Thượng Đế, Thần linh, v.v... Họ đã dẫn dắt bao

nhieu thế hệ con người đi vào thế giới siêu hình, đến chỗ mê tín, cuồng tín, lạc hậu. Từ đó ông lên, bà xuống, bói khoa, bùa chú, trị bệnh, trừ tà, ếm quỷ, cúng bái, cầu khẩn, tế tự, xin xăm, bói quẻ, xem ngày tốt xấu ngời thiên nhập định tướng, v.v...

Từ chỗ kiến giải đưa người tu sĩ chơn chánh của đạo Phật trở thành những tu sĩ của ngoại đạo, rồi tiếp tục lừa đảo, lường gạt tín đồ, bằng những hình thức tu hành ức chế tâm, tạo ra thế giới siêu hình tướng, trừu tượng, ảo ảnh, mê tín dị đoan khiến bao nhiêu người hao tiền, tốn của mà chẳng ích lợi gì.

Kiến giải là một tai hại rất lớn cho người tu sĩ chân chánh, tướng là thông suốt giáo lý kinh sách, thiên ngữ, nào ngờ sự thông suốt ấy lại là một tai họa hiểm nghèo cho kiếp đời tu sĩ, đi đến bước đường cùng của sự tu tập. Tu đến đây kể như đời họ chấm dứt, ngoài danh lợi họ không còn thấy gì khác hơn với một số ngôn ngữ bã mía của người xưa, họ chỉ biết cắm đầu vào những kiến giải đó mà thôi. Bởi vậy người tu sĩ chơn chánh, quyết tìm tu giải thoát cho cuộc đời mình, thì rất sợ kiến giải.

Kiến giải không phải là trí tuệ hiểu biết chân thật mà là tướng tuệ, phát triển theo chỗ ức chế tâm của thiên định tướng.

Cho nên trong nhà thiên gọi người tu, rơi vào kiến giải như người chết mà hồn phách chưa tan là vậy.

Người tu theo đạo Phật, phải cảnh giác, phải nghiên cứu kỹ các loại thiên định: Loại thiên định nào ức chế tâm, là loại thiên định rơi vào kiến giải, chỉ có thiên định của đạo Phật, là Bốn Thánh Định, là loại thiên định xả tâm. Vì thế thiên định này không rơi vào kiến giải và đưa hành giả đến nơi giải thoát hoàn toàn, làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi, sanh tử.

Bởi vậy người tu sĩ cần phải lưu ý, khi tâm thanh tịnh, tức là vọng tưởng vắng bóng trong lúc tọa thiền, thường phát khởi niệm kiến giải, cảm thấy như mình thông suốt nghĩa lý kinh sách và công án, thì coi chừng bị ma pháp tướng. Đây không phải là trí tuệ mà chính là ma tưởng.

Người tu sĩ đã bị ma tướng cũng giống như người chết chưa chôn. Do ma tướng nhập, vị tu sĩ này bản ngã ngày một to lớn hơn, họ đang nuôi bản ngã, ngược lại với đạo Phật diệt ngã xả tâm.

Từ chỗ tu theo đạo Phật, họ đã trở thành tu sĩ ngoại đạo mà không biết, cứ tưởng mình là tu sĩ Phật giáo. Hiện giờ tình trạng tu sĩ Phật giáo là như vậy.

Tóm lại, người tu sĩ Phật giáo phải cảnh giác với trí tuệ này, vì trí tuệ này là trí tuệ tưởng, được xem như là một trí tuệ nguy hiểm nhất, dẫn dắt chúng ta vào con đường phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, bẻ tắc sự tu tập giải thoát, chứ không phải trí tuệ giải thoát của Phật giáo. Xin các Phật tử hãy lưu ý cảnh giác xa lia.

CHÁNH PHÁP, TÀ PHÁP

***Hỏi:** Kính thưa Thầy! Con có người bạn đồng tu, luôn nhắc nhở con, tất cả mọi giáo lý của Thầy không được đưa ai xem.*

Thưa Thầy! Các bạn của con, tuy chưa được quy y làm đệ tử của Thầy, nhưng tâm trí thường xuyên hướng theo pháp môn của Thầy, thì con đưa những bài văn đạo và giáo lý của Thầy có được không thưa Thầy?

Đáp: Được, giáo lý và đường lối tu tập của đạo Phật đã bị ngoại đạo đim gần như mất gốc. Hôm nay được Thầy tu tập, thấy có kết quả thật sự, giải thoát được tâm hồn của mình,

nên triển khai lại những lời Phật dạy chính gốc Nguyên Thủy, để giúp cho người đời sau không còn tu hành lầm lạc.

Hiện giờ người ta chỉ biết qua Phật giáo hữu ngã (Phật tánh), siêu hình (thế giới Cực Lạc, Niết Bàn), thần quyền (bùa chú), v.v... mang đầy tính chất mê tín, mơ hồ, trừu tượng, dị đoan, lạc hậu, v.v...

Kinh sách phát triển Đại Thừa do các nhà học giả xưa và nay biên soạn theo tưởng giải của mình, đã biến giáo lý của đạo Phật thành một giáo lý hỗn tạp đủ mọi loại pháp môn (84 ngàn pháp môn). Nhìn đồng kinh sách quá vĩ đại, kể tu pháp này, người tu pháp khác, nhưng nhìn lại cuối cùng, chẳng ai tu đến đâu cả, càng ngày càng thấy tu sĩ sống bừa bãi, phi Phạm hạnh và phạm giới luật nhiều hơn, do đó sanh ra nhiều tệ hại trong Phật giáo, người tu sĩ không còn có đạo đức, thiếu Phạm hạnh, xem thường tín đồ chẳng hiểu gì về giáo lý của đạo Phật, nên muốn giảng nói như thế nào tự do nói, nghĩa là xem tín đồ ngu dốt, ông thầy thuyết giảng gì cũng chẳng biết, bảo đúng cũng làm, bảo sai cũng làm, nói sao nghe vậy, chẳng dám cãi, chẳng dám sửa, chẳng dám nói. Đó là tín đồ Phật giáo hiện giờ.

Sau mười năm mài miệt tu tập trong thất, gần chín năm trời tu Thiền Đông Độ, nhưng không kết quả, đành trở về pháp môn Tiểu Thừa, tu tập “*Giới, Định, Tuệ*”, Tam Vô Lậu Học mà kinh sách phát triển Đại Thừa xem nó như là một pháp môn của ngoại đạo, cấm không cho tu sĩ (Tỳ kheo Tăng và Ni) tu học theo nó.

Nhưng, bắt đầu nghiên cứu và tu tập pháp môn này, Thầy đã thấy có kết quả ngay liền. Một sự giải thoát thật sự của kiếp sống con người, bằng cách sống đúng giới luật và hằng ngày tu tập “*Tứ Chánh Cần*”, ngăn ác diệt ác, lìa xa lòng ham muốn vật chất thế gian. Từ đó nhận xét rõ, tâm hồn sống thanh thản và an lạc, tâm gần như cực đất, chẳng biết

thương ghét giận hờn ai hết. Tâm thường quay vô ít phóng dật, thân tâm ít muốn, biết đủ, luôn sống trầm lặng, thích thú độc cư, sống một mình mà an vui cả trời.

Sau khi ra thất, Thầy triển khai giáo pháp Nguyên Thủy, nhưng sợ đụng chạm Đại Thừa, lúc đầu tùy thuận với họ, nên Thầy cấm không cho lưu hành rộng rãi, vì thế bạn đồng tu của con, nhắc nhở không cho ai xem là vậy.

Giai đoạn này thì khác, cần phải vạch rõ và làm sáng tỏ lại Phật giáo, con nên đưa những bài văn đạo và giáo lý Nguyên Thủy mà Thầy đã triển khai, để mọi người hiểu rõ về Phật giáo hơn.

SINH HOẠT PHẬT GIÁO

Hỏi: Kính thưa Thầy! Chúng con nhóm họp lại, đề ra một bản nội quy và phân nhóm, thì người bạn đồng tu của con sợ Thầy không đồng ý và chánh quyền địa phương theo dõi làm khó dễ.

Thưa Thầy, trước kia chúng con cũng thường xuyên sinh hoạt ở khu ấy, nhưng cũng chưa hề thấy ai nhắc nhở gì cả, trong những sự sinh hoạt của chúng con chưa hề mâu thuẫn và thắc mắc với nhau những điều gì.

Đáp: Con đường tu theo đạo Phật rất khó, nhất là khó về cách sống (sống đạo). Đời sống phải đúng cách đạo hạnh, ăn, ngủ không được phi thời, thiếu dục tri túc, ít nói, sống trầm lặng độc cư, lúc nào cũng phòng hộ sáu căn: Mắt, tai, mũi, miệng, thân và ý.

Cho nên khi có tổ chức, thành tổ tu tập, thì phải khéo léo, linh động, chia ra nhiều nhóm nhỏ, mỗi nhóm độ bốn năm người, nhóm nào sinh hoạt theo nhóm ấy, chứ không được

tập trung làm ồn náo, mỗi nhóm phải giữ gìn độc cư trầm lặng, ít nói trong suốt thời gian sinh hoạt tu tập.

Xưa, đức Phật đỗi năm trăm vị Tỳ kheo, đệ tử của ông Xá Lợi Phất và ông Mục Kiền Liên, làm ồn náo, ra khỏi khu rừng mà đức Phật đang ở. Xem thế, mới biết kỷ luật của Phật rất nghiêm chỉnh, không tư vị một ai, mặc dù là đệ tử của ông Xá Lợi Phất và ông Mục Kiền Liên là hai vị đại đệ tử của Phật nhờ cậy nhất, điều khiển và hướng dẫn 1250 vị Tỳ kheo. Đức Phật nghiêm chỉnh trong giáo pháp và giới luật, đó là vì vấn đề lợi ích chung cho toàn thể tu sĩ ở đó. Ta hãy lấy gương sinh hoạt của thời đức Phật mà sinh hoạt tổ nhóm cho đúng cách.

Sau khi soạn thảo nội quy, được gửi về Thầy, Thầy sẽ góp thêm ý kiến để bản nội quy được hoàn chỉnh.

Nếu chánh quyền địa phương có theo dõi, thì nên nói thật với họ, chúng tôi tu tập theo Phật giáo, pháp môn tu tập đã được nhà nước cho phép rõ ràng (tự do tín ngưỡng), đưa bộ sách Văn Hóa Phật Giáo Đường Về Xứ Phật đã được Nhà Nước cho phép để họ xem và nghiên cứu biết rõ đường lối tu tập của Phật giáo cụ thể và thực tế đầy đủ đạo đức sống không làm khổ mình, khổ người

THA THỨ

Hỏi: Kính thưa Thầy, bạn đồng tu của con đến dự, thấy chị em chúng con vui vẻ, thì lại có ý không vui. Vậy, xin Thầy chỉ dạy cho chúng con sống tùy thuận như thế nào, để không làm khổ mình, khổ người?

Đáp: Phàm con người còn là chúng sanh, thì phải còn phạm vào những lỗi lầm, nhưng những lỗi lầm đó, để chúng ta rút ra những bài học, tu tập đức nhẫn nhục, tùy thuận, bằng

lòng và tha thứ, để mình không còn lầm lỗi và được an vui, giải thoát cho mình cho người.

Các con có đoàn kết, có thương yêu nhau, có khích lệ sách tấn nhau trên đường tu tập, thì đó là các con đã thấp sáng lại ngọn đèn chánh pháp của Phật, còn nếu các con chia rẽ xấu bụng với nhau, đó là các con đã diệt Phật giáo, dù các con có ngò thiên nhập định năm bảy ngày, nhưng cách sống không đoàn kết, chia rẽ nhau, thì Phật giáo sẽ mất và mất mãi trên thế gian này, dù có hằng vạn Tỳ kheo tu hành, nhưng đó là hình thức Phật giáo, chứ thật ra Phật giáo đã mất từ lâu.

Tu sĩ Phật giáo chia rẽ, thiếu đoàn kết, đó là hiện tượng Phật giáo chơn chánh đã mất. Cho nên các con cố gắng tránh sự chia rẽ, hãy lo tu tập diệt ngã xả tâm, ly các ác pháp và sống đúng đạo đức không làm khổ mình khổ người.

Bởi vậy thiên định của đạo Phật, trước tiên là phải sống đoàn kết thương yêu nhau, biết nhường nhịn lời nói với nhau, biết nhận rõ lỗi lầm của mình và biết tha thứ cho nhau, đó là các con đã sống đời đạo đức nhân quả không làm khổ mình khổ người; đó là con đã ly dục, ly ác pháp và đó cũng là con đã nhập thiên định đầu tiên của đạo Phật (Bất động tâm Định), chứ không phải các loại thiên ngò lim dim như con cóc ngủ gục.

Còn sống ích kỷ, là còn tự làm cho mình khổ và người khác khổ, đó còn là tâm địa phạm phu tục tử, dù có muốn tu theo đạo Phật ngàn kiếp cũng chẳng giải thoát, uổng phí công lực tu tập và còn làm mang tiếng cho Phật giáo. Vậy, các con hãy cố gắng tu tập tỉnh giác và hướng tâm diệt ngã, ly dục ly ác pháp trước tiên, là thấy được kết quả giải thoát mình và người, đó là mục tiêu đầu tiên của đạo Phật, để đem lại đời sống an vui, hạnh phúc cho mình cho người, phải không hỡi các con?

Đức Phật đã thương xót chúng ta, ban cho chúng ta một pháp mầu vi diệu, một đạo đức tuyệt vời, để chúng ta sống và thực hiện một đời sống Thánh thiện, đem lại sự an vui và thanh thản cho mình cho mọi người, biến cảnh thế gian thành Thiên Đàng, Cực Lạc, Niết Bàn, đó mới là thiên định chơn chánh của đạo Phật.

LÒNG YÊU THƯƠNG

Hỏi: Kính thưa Thầy, nhóm con gồm có hai mươi người, lấy thanh quy của Thầy, gửi ra cho chúng con lấy đó sinh hoạt vào ngày chủ nhật hằng tuần, từ 7 giờ đến 9 giờ, đọc giáo lý của Thầy và tập tỉnh thức (hơi thở hoặc đi kinh hành và trong tất cả việc làm). Chúng con định mời bà Thức ra sinh hoạt có được không thưa Thầy?

Đáp: Được, các con hãy mời bà Thức ra dự, có những bài vấn đạo, các con nên gửi cho ông bà Thức. đừng bỏ ông bà Thức các con ạ!

Các con tu tập có kết quả tốt, giải thoát được thân tâm mình, thì hãy cố gắng giúp cho ông bà Thức, từ lâu đã có công với Phật giáo, nhưng vì lầm lạc trên kinh sách Đại Thừa mà gần cả cuộc đời mình chẳng có công đức gì. Nay tuổi đã già, sức đã yếu, sự chết gần kề mà đường chánh pháp còn xa biệt mù.

Lòng thương yêu ấy, không những đối với ông bà Thức, mà còn đối với mọi người, khi họ có duyên, thì các con nên sẵn sàng giúp đỡ họ bằng mọi cách, hoặc cho mượn băng nghe, hoặc cho mượn sách “Đường Về Xứ Phật”, hoặc cho đọc “vấn đạo”. Tất cả những gì các con có về Phật pháp chơn chánh, đều giúp cho ông bà hiểu thấu suốt đường lối tu tập của đạo Phật, có ích lợi thiết thực như thế nào cho kiếp sống con người, ở hiện tại và mai sau.

Nhất là đạo đức nhân quả (đạo đức không làm khổ mình khổ người), khi các con có tài liệu giáo trình đạo đức nhân quả, thì lại càng tìm mọi cách phổ biến rộng rãi cho đến từng lớp người, để biến cảnh thế gian thành Thiên Đường.

Hiện giờ con người rất cần đạo đức, vì xã hội đạo đức đang trên đà xuống dốc. Vậy các con nên phổ biến và giúp cho mọi người hiểu biết về đạo đức nhân bản - nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người thì lợi ích rất lớn các con ạ!

CẬN TỬ NGHIỆP

Hỏi: Kính thưa Thầy, trong lúc nhà có người chết, tại sao lại phải phủ mặt, theo con nghĩ, khi người chết, có người mặt trắng, có người mặt xám, có người mặt vàng khè, như thế tướng trạng của gương mặt thay đổi theo nhân quả của từng người, phải không thưa Thầy?

Cho nên phải dậy mặt lại, để cho người sống đỡ sợ hãi, phải không thưa Thầy?

Đáp: Theo phong tục của mỗi dân tộc trên thế gian này có khác nhau. Riêng dân tộc Việt Nam khi có người chết, đều có tục lệ dậy mặt. Theo sách phong tục tập quán dân tộc Việt Nam, do Toan Ánh biên soạn, nhưng cũng không nói đến phong tục người chết dậy mặt.

Trong kinh sách Phật giáo cũng không có dạy điều này, nhưng có dạy về cận tử nghiệp (nghiệp lực trước khi chết). Khi một người vừa tắt thở, các duyên trong thân ngũ uẩn chưa phân tán, tức là chưa hoại diệt. Nên lúc bấy giờ họ đang thị hiện một giấc mộng, giấc mộng đó báo cho biết, đây là nghiệp cuối cùng của họ trong kiếp này chuyển sang kiếp mới; giấc mộng đó cũng thể hiện một nghiệp lực, do huân tập nhân quả trải dài thời gian của một kiếp con người; giấc

mộng đó cũng đang thực hiện một sức lực (nghiệp lực) tiếp tục tái sanh kiếp mới của con người, khi giấc mộng này vừa tan biến.

Giấc mộng này vừa tan thì thân tứ đại cũng vừa dừng hẳn, nghĩa là thân tứ đại này không còn phục hồi lại được nữa.

Trong thời gian nằm mộng, thì gương mặt người chết biểu lộ qua màu sắc, hoặc những nếp nhăn, cau có, hung dữ hoặc hân hoan, vui mừng, hiền lành, v.v...

Như con đã nghĩ, người chết có khi mặt trắng bạch, có khi vàng khè hoặc có khi xám xịt, v.v... rồi trở lại bình thường giống như người đang ngủ.

Không phải chỉ có sự thay đổi màu sắc và nếp nhăn mà còn nhiều tướng trạng hiện trên gương mặt ghê sợ như: Trợn trừng mắt, há hốc miệng, mím chặt môi, cắn răng, như giận dữ, hoặc le lưỡi, hoặc nói lập bập trong miệng, có khi cười, có khi khóc, có khi gương mặt biểu lộ ra sự sợ hãi, cũng có khi gương mặt biểu lộ ra sự hân hoan, vui mừng và cuối cùng giấc mộng cận tử nghiệp tan biến, thì gương mặt kia trở lại bình thường như người đang ngủ. Nên tục lệ đập mặt người chết có lẽ để cho người sống đỡ sợ.

Vậy, xin những bậc trí giả, các bậc Trưởng lão cao niên hiểu và biết rõ phong tục tập quán này xin mách dùm, chứ trong giáo lý của đạo Phật không có dạy điều này, chúng tôi xin cảm ơn trước.

LINH HỒN

Hỏi: Kính thưa Thầy, theo người đời nói: “Người ta khi chết đi, thì hồn siêu phách lạc, hồn ở cây cỏ bóng cao, cầu ao, bóng mát và linh hồn người chết đi khắp đó đây”, có phải vậy không thưa Thầy?

Đáp: Trong giáo lý của đạo Phật dạy: Con người do năm duyên hợp lại thành, nên gọi là thân ngũ uẩn, khi người chết năm uẩn này tan biến mất, thân tứ đại này trở về với cát bụi hư vô, không còn sót một vật gì thường hằng (linh hồn hay Phật tánh).

Đức Phật đã xác định trong kinh như vậy, thì làm sao có linh hồn siêu, phách lạc, ở cây cao, bóng cả, cầu ao, bóng mát, đi đây, đi đó khắp nơi. Đó là một sự mê tín trong dân gian, với trí hữu hạn của con người không thể làm sao biết thế giới siêu hình được, nên phải tưởng ra như vậy. Còn các nhà tôn giáo tu hành chẳng tới đâu, rồi cũng dựa vào sự mê tín lạc hậu của dân gian ấy, để xây dựng tôn giáo của mình có một thế giới Thần Tiên (chư Thần, Thánh, Tiên, Phật v.v...). Đó là một thế giới siêu hình đầy hạnh phúc, mà cũng là một ước mơ của loài người, nhưng đó cũng chỉ là một thế giới ảo tưởng để mà thỏa mãn ước mơ.

Đã có thế giới Thần, Tiên tràn đầy hạnh phúc và an lạc, thì phải có thế giới địa ngục, mà đã có thế giới địa ngục thì phải có thế giới ma quỷ, có linh hồn người chết, có các đảng và cô hồn vất vưởng cây cao, bóng cả, cầu ao, bóng mát. Phần nhiều người ta nghĩ rằng những linh hồn chết oan không đi đầu thai được nên phải ở cây cao, bóng mát như vậy.

Trong bài kinh “*Pháp Môn Căn Bản*” Đức Phật đã chỉ dạy cho chúng ta biết, (Bài kinh Pháp Môn Căn Bản này được trích ra từ tập 1 kinh Trung Bộ thuộc tạng kinh Việt Nam, trang 9) do trí hiểu biết của chúng ta có hạn lượng, nên đối với các pháp, không thể hiểu rõ, luôn luôn bị lầm chấp, vì dùng tưởng xác định các pháp, nên hiểu từ cái sai này, đến cái sai khác.

Cái thế giới hữu hình mà mọi người đang sống, đã không hiểu rõ nó, nên lầm chấp các pháp là thật có, rồi sanh ra dính

mắc, do dính mắc không bỏ được, nên tạo biết bao nhiêu sự đau khổ cho mình cho người trải suốt nhiều đời kiếp.

Thế giới siêu hình là thế giới hình bóng của thế giới hữu hình. Thế giới hữu hình mà chúng ta đang hiểu biết bằng tướng tri, thì thế giới siêu hình cũng hiểu biết như vậy. Do đó ta biết thế giới hữu hình và thế giới siêu hình là thế giới tướng (thế giới không thật có).

Sự làm chấp của con người, dùng tướng để hiểu thân ngũ uẩn của mình, nên ai ai cũng cho nó là có thật, cho trong thân ngũ uẩn này có linh hồn bất biến từ vô thủy, cho nó là bản ngã của ta, còn thân ngũ uẩn này là của riêng ta (vật sở hữu của chính mình). Vì thế ai động đến thân tâm của ta, thì ta sẽ ăn thua đủ, không nhịn ai hết, nếu sức yếu thế cô thì ta ầm ức tức giận không bao giờ nguôi.

Cũng từ sự hiểu biết của tướng tri, mà ta tưởng ra người chết có linh hồn không chết. Linh hồn mất thân không còn chỗ ở nương tựa, nên hồn siêu phách lạc đi khắp đó đây, hoặc đọa xuống địa ngục, thọ nhiều cực hình, chịu nhiều tội khổ, chờ đến khi mãn hạn, mới được tái sanh luân hồi, làm thân chúng sanh hoặc làm thân người.

Cũng từ bài kinh (Pháp Môn Căn Bản) đó, Đức Phật đã xác định: “Người ta tưởng tri Sanh vật là Sanh vật... (có thật). Người ta tưởng tri chư Thiên là chư Thiên...(có thật). Người ta tưởng tri Phạm Thiên là Phạm Thiên. Người ta tưởng tri Quang Âm Thiên là Quang Âm Thiên...Người ta tưởng tri Biên Tịnh Thiên là Biên Tịnh Thiên...Người ta tưởng tri Quảng Quả Thiên là Quảng Quả Thiên...Người ta tưởng tri Thắng Giả là Thắng Giả (Abhibhù)...Người ta tưởng tri Không Vô Biên Xứ Thiên là Không Vô Biên Xứ Thiên...Người ta tưởng tri Thức Vô Biên Xứ Thiên là Thức Vô Biên Xứ Thiên...Người ta tưởng tri Vô Sở Hữu Xứ Thiên là Vô Sở Hữu Xứ Thiên....Người ta tưởng tri Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ

Thiên là Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên...Người ta tưởng tri Sở Tri Kiến là Sở Tri Kiến...Người ta tưởng tri Sở Văn là Sở Văn...Người ta tưởng tri Sở Tư Niệm là Sở Tư Niệm...Người ta tưởng tri Sở Tri là Sở Tri...Người ta tưởng tri Đồng nhất là Đồng nhất...Người ta tưởng tri Sai biệt là Sai biệt...Người ta tưởng tri Tất cả là Tất cả...Người ta tưởng tri Niết Bàn là Niết Bàn...”. (Pháp Môn Căn Bản kinh Trung Bộ tập 1 thuộc tạng kinh Pali - Việt Nam, trang 9).

Qua đoạn kinh trên, chúng ta đã thấy rõ, con người đang sống trong thế giới tưởng, mà cứ tưởng rằng có thật. Vì tưởng rằng có thật do đó người ta mới đau khổ, vì tưởng rằng Niết Bàn có thật, nên người ta nghĩ đến tự ngã như là Niết Bàn (Phật tánh có bốn đức Niết Bàn thường, lạc, ngã, tịnh), nên Phật dạy: “*Người ấy tự nghĩ Niết Bàn là của ta – rồi sanh ra dục hy Niết Bàn*”, tức là ham thích cảnh giới Niết Bàn, Phật dạy tiếp: “*Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri Niết Bàn*” (Pháp Môn Căn Bản kinh Trung Bộ tập 1 thuộc tạng kinh Pali - Việt Nam, trang 9). Nghĩa của đoạn kinh trên là chẳng hiểu gì về Niết Bàn cả.

Đọc bài kinh này, chúng ta nhận xét đức Phật đã xác định: “Con người từ chấp ngã, tâm, linh hồn, Phật tánh, bản thể vũ trụ, cho đến 33 cõi trời và cảnh giới Niết Bàn đều do tưởng uẩn tạo ra. Từ đó con người dùng tưởng tri và ý thức để phân biệt hiểu các pháp, chứ thật sự các pháp không có thật”.

Thế giới siêu hình là thế giới bóng dáng mà con người lầm chấp có thật. Thật sự nó không có, nó chỉ là một hình bóng của tưởng uẩn mà thôi.

Có người đến hỏi Thầy Chơn Thành: “Con người từ đâu sinh ra và chết đi về đâu?”

Thầy Chơn Thành đáp: “*Con người sanh ra từ dục, sống trong dục, chết trở về dục*”. Nói cách khác cho dễ hiểu hơn và đúng như lời Phật đã giảng trong kinh: “*Con người sinh ra do từ nhân quả, sống trong nhân quả và chết đi về nhân quả*”.

Bởi con người không rõ luật nhân quả, nên chịu mãi trôi lăn, muôn đời muôn kiếp trong nhân quả, mà không biết lối thoát ra khỏi nhân quả. Người hiểu biết nhân quả, luôn giữ gìn mỗi hành động thân, miệng, ý làm thiện với mình, với người, chẳng hề làm một điều ác nào cả, để mình không khổ và người khác không khổ. Theo luật nhân quả người làm thiện như vậy, khi chết sẽ sanh nơi thiện, hưởng được phước báo đầy đủ, sanh ra trong gia đình giàu có, muốn chi có nấy, lại được học hành đến nơi đến chốn và được nuôi dạy trong môi trường đạo đức sống toàn thiện, tạo thêm phước báo cho đời sau nữa. Ngược lại, kẻ không hiểu luật nhân quả, thường không giữ gìn những hành động thân, miệng, ý thiện, nên thường làm những điều ác, tạo khổ cho mình cho người, sống quãng đời hiện tại luôn luôn khổ đau, bất an, bất toại nguyện, v.v... Sau khi thân hoại mạng chung, chết sanh vào nơi bất thiện, hưởng quả báo nghèo cùng, khổ đau, bệnh tật, tai nạn, đói khát, thiếu cơm ăn, áo mặc, sống không nhà cửa, vất vưởng ngủ hè, ngủ chợ, không được học hành, sống trong môi trường thiếu đạo đức, nên càng ngày càng làm điều ác hơn, tạo nhiều nhân quả xấu, thì đời sống lại càng khổ đau hơn nhiều.

Sống trong môi trường ác nghiệt như vậy, thì lại tạo những điều cực ác hơn nữa và như vậy, khi thân hoại mạng chung, chết phải đọa vào những cảnh khổ hơn làm người bần cùng và sanh vào những loài thú vật, côn trùng, v.v...

Người đó lại hỏi nữa: “Tại sao các thầy bói lại biết đồ vật trong nhà mình, khi mình đến xem bói”, Thầy Chơn Thành trả lời: “Đó là do tướng thức, chỉ có người tu chứng mới biết

rõ ràng tận nguồn gốc của nó mà thôi. Thế giới tưởng không thể dùng trí hữu hạn của con người mà hiểu được, chỉ có trí vô hạn của Phật mới thấu suốt và biết nó như thật. Ví như, mới học toán lớp một, mà đòi hiểu toán đại học sao hiểu được? Muốn có trí vô hạn lượng, hiểu thấu suốt các pháp, thì phải tu tập.

Nếu không tin lời Phật dạy: *“Thế giới siêu hình là thế giới tưởng, có hay không có thì phải tu tập theo đúng con đường của đạo Phật, thì tự mình chứng nghiệm không những thế giới siêu hình đó, mà còn thông suốt cả không gian và thời gian tận cùng của vũ trụ”*.

Qua giáo lý kinh sách Nguyên Thủy của đạo Phật, đức Phật đã xác định ở rất nhiều bài kinh là: *“Thế giới siêu hình chẳng có, đó chỉ là một thế giới tưởng của con người lưu xuất từ tưởng uẩn mà thôi, nó không bao giờ có thật sự.”*

Đức Phật cũng còn xác định rằng: *“Nếu thế giới siêu hình có thật, thì đạo Phật không có mặt trên hành tinh này”*. Tại sao vậy?

Đạo Phật ra đời vì mục đích giải khổ cho con người. Nếu thật sự có thế giới siêu hình, tức là các pháp trên thế gian này không phải do duyên hợp tạo thành, mà phải do một đấng Vạn năng sáng tạo. Vì thế mọi sự trừng phạt và khen thưởng đều do vị này. Chúng ta hãy chịu khó đọc lại một đoạn kinh Tiểu Thừa trong tập kinh Tăng Nhất A-Hàm, tập 1 trang 455 thuộc tạng kinh Việt Nam. Các Thầy Tỳ kheo thưa hỏi Phật: *“Bạch Thế Tôn! có sắc nào thường còn không biến đổi, tồn tại mãi ở đời, mà không di động chẳng? Có thọ, tưởng, hành, thức nào hằng còn không biến đổi, tồn tại mãi ở đời mà không di động chẳng?”*

Phật dạy: *“Này các Thầy Tỳ kheo ! Không có sắc nào hằng còn tồn tại mãi ở đời mà không biến đổi, lại không có thọ,*

tuồng, hành, thức nào, hằng còn mãi ở đời mà không biến đổi”.

“Này các Thầy Tỳ kheo! Nếu lại có thức này (linh hồn, Phật tánh, Bản lai diện mục, Thần thức, v.v...) hằng còn mãi ở đời mà không biến đổi, thì người tu Phạm hạnh (tu theo đạo Phật giới, định, tuệ) chẳng thể phân biệt được thiện ác và chẳng thể dứt hết gốc khổ”.

Lúc bấy giờ, đức Phật, lấy một ít đất để trên đầu móng tay và bảo: *“Nếu chỉ còn một chút xíu đất trên móng tay ta, không thay đổi thường hằng, thì người tu theo Phạm hạnh (theo Phật giáo) chẳng thể chấm dứt các khổ”.*

“Vì thế, này các Thầy Tỳ kheo! Vì không còn chút xíu thức nào, nên mới thực hiện được phạm hạnh, dứt được mé khổ.”

Bài kinh trên đã xác định rõ ràng, nếu còn có một chút xíu thế giới siêu hình (linh hồn, thần thức) thì đạo Phật không có mặt trên hành tinh này, vì không thể tu tập, làm chủ sanh, già, bệnh, chết được mà đã tu tập không làm chủ được sanh, già, bệnh, chết thì mục đích của đạo Phật ra đời để làm gì?

Hay ra đời để bắt chức lục sư ngoại đạo, xây dựng thế giới siêu hình có Thần Thức, Linh Hồn, Tiểu Ngã, Đại Ngã, Chơn Như, Phật Tánh, Bản Thể Vạn Hữu, Bản Lai Diện Mục, v.v...

Thời đại đức Phật ra đời là thời đại dân trí còn thấp kém, con người đang sống trong mê lầm lạc hậu, mê tín, nên tất cả các tôn giáo khác đều theo sự lạc hậu, mê tín đó đang ở trong bối cảnh xã hội như vậy. Các tôn giáo cũng không thể nào thoát ra khỏi thế giới siêu hình tưởng đó. Vì vậy các tôn giáo cũng là những con người đang nằm trong thế giới tưởng uẩn của họ, cho nên không còn có cách nào khác hơn được nữa, họ phải xây dựng thế giới siêu hình vĩ đại hơn của con người đang có, để dễ lừa đảo hơn. Thế nên, pháp môn tu tập của các giáo phái cũng không thoát ra khỏi tưởng tuệ, thường

sống trong tướng tri. Cho nên, họ đều xây dựng thế giới siêu hình, có thần linh, có linh hồn, thì phải có sự cứu rỗi, có ban phước lành; thì phải có gia hộ, có trừng phạt, có giáng họa; có gia hộ, có trừng phạt, có giáng họa, thì phải có thưởng, có khen, v.v...

Vì thông suốt thời gian và không gian của vũ trụ, nên đạo Phật biết rất rõ các cõi đều do tướng tri của con người sản xuất ra, nên mạnh tay đập phá thế giới hữu hình cũng như thế giới siêu hình, bằng một sự hiểu biết rất rõ, nó không có thật thường làm đau khổ cho loài người. Cho nên, qua những bài pháp chỉ thẳng rất thực tế và cụ thể, mà hiện giờ thời đại khoa học của chúng ta cũng phải chấp nhận những bài pháp đó thật là logic và khoa học.

Ngài chấp nhận cõi Trời, là chấp nhận việc làm thiện của con người. Những hành động thiện sẽ mang đến cho họ một cuộc sống an vui, thanh thản và hạnh phúc, đó là cảnh giới “*Thiên Đàng*”, Ngài chấp nhận ngay tại cuộc sống ở thế gian này, là cõi “*Trời*” chứ không ở cõi nào khác cả.

Ngài chấp nhận cõi địa ngục, là chấp nhận những việc làm ác của con người. Những hành động ác đó sẽ mang đến cho họ một cuộc sống tai ương, họa khổ, bất an, đó là cảnh giới địa ngục, tại thế gian này, chứ không có cõi địa ngục nơi nào khác cả.

Cho nên, “*Thiên Đàng*” hay “*Địa Ngục*” đều ở tại cảnh giới thế gian này, do chính bàn tay, khối óc, lời nói của con người tạo ra, chứ không phải có cảnh giới Thiên Đàng, Địa Ngục có sẵn để trừng phạt và khen thưởng con người.

Theo giáo lý của Đức Phật dạy: “*chẳng có ai ban phước giáng họa cho con người, mà chính con người tự ban phước giáng họa cho mình*”.

Ngài chấp nhận cảnh giới Niết Bàn là chấp nhận một trạng thái tâm hồn đoạn diệt lòng ham muốn và các ác pháp.

Ngài không chấp nhận thế giới siêu hình huyền hoặc, do tưởng tri bịa đặt ra để lừa đảo, lường gạt người khác, tạo cảnh giới mê tín, khiến cho con người tiền mất tật mang, mà chẳng ích lợi gì cho cuộc sống. Ngài thương cho thế giới đó là thế giới bóng dáng của thập nhị nhân duyên, thế giới tưởng tri của con người, vì vô minh chẳng rõ nên lầm chấp là có thật mà thôi.

Thời đại đức Phật ra đời, là thời đại tình trạng dân trí còn thấp kém, lạc hậu, nên thường sống trong tưởng tượng, không thể hiểu được thực thể của các pháp, luôn luôn bị các nhà tôn giáo “*tưởng*”, dồn nhét vào đầu óc con người, thêm những hình ảnh huyền bí, thần thông siêu việt, những linh hồn ngự trị ở cây cao bóng mát, những ma thiêng như đom đóm lập lòe trong đêm tối, những vị thần linh khổng lồ vĩ đại, như đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế quyền uy sáng tạo vũ trụ, cai trị, xử phạt, ban phước, giáng họa cho cả loài người và chư thiên. Muốn cho thế giới tưởng đó hoạt động một cách hiệu nghiệm, các nhà tôn giáo dùng tưởng âm của mình, bằng cách “*ức chế ý thức và ám thị tưởng âm*”, khiến cho ý thức phải ngưng nghỉ, tưởng thức hoạt động. Muốn cho ý thức ngưng hoạt động và tưởng thức hoạt động các nhà tôn giáo phải tọa thiền, tụng kinh, trì chú, niệm Phật, luyện bùa, luyện chú, ám thị, kệ tụng kêu gọi âm binh, tạo cảnh hồn ma, phách vía mờ mờ, ảo ảo, nói chuyện quá khứ, vị lai, trị bệnh, trừ tà, ếm quỷ, trừ ma linh hiển, khiến cho người ta quá sợ hãi và tin tưởng.

Cũng do thế giới siêu hình huyền ảo đó, bằng cách này hoặc bằng cách khác, tưởng giải ra mọi hình thức trừu tượng ảo ảnh. Con người đang sống trong tai ương, hoạn họa, bệnh tật khổ đau của nhân quả và đứng trước cảnh thiên tai, thủy tai,

hỏa tai, địa họa sấm sét kinh thiên động địa, trước cảnh đó làm sao con người không sợ hãi, khiếp đảm và không tin tưởng thế giới siêu hình sao được.

Vì sợ hãi, con người phải xin gia nhập vào tôn giáo để nương tựa, nhờ sự gia hộ, cứu độ của đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế, Chúa, chư Phật, chư Bồ Tát, v.v... Từ đó con người đặt trọn niềm tin sống trong thế giới siêu hình tưởng, một thế giới hình bóng mà không biết, cứ ngỡ rằng đó là thế giới chơn thật, đến khi chết bỏ thân này cũng sẽ trở về thế giới vĩnh hằng đó. Vì vậy mọi việc làm thiện ở đời này, đều hồi hướng cầu mong được chấp nhận về nơi ấy. Đó là một ảo tưởng của con người thời xa xưa và con người thời bây giờ cũng đang ở trong tâm nguyện như vậy.

Thế giới siêu hình này, đã ăn sâu vào tận gốc con người, một truyền thống lâu đời, khó mà gọt sạch được trong thời gian ngắn, mặc dù hiện giờ có người đã biết, đó là một thế giới tưởng (thế giới không thật có) tuy biết vậy nhưng cũng không thể bỏ được.

“Vả lại, trí hữu hạn của con người, không tài nào họ hiểu sự vật đúng như thật được, nên dù sao họ cũng phải tin rằng, có thế giới siêu hình.”

Đạo Phật ra đời, trong một giai đoạn con người đang sống trong thế giới tưởng, chịu ảnh hưởng của các tôn giáo thần quyền rất sâu đậm, nên khó thuyết phục con người đập phá thế giới siêu hình một sớm một chiều được. Vì vậy, đức Phật nói thẳng, nói mạnh, ai muốn hiểu sao tùy ý, sáng suốt thì nhờ vô minh mù mờ thì chịu. Cho nên, có những bài kinh đức Phật nói rất mạnh mẽ, để xác định rõ ràng, thế giới siêu hình không có, chỉ là tưởng tri.

Đọc kinh sách Nguyên Thủy, ta nhận xét rõ đạo Phật ra đời, quyết đem lại một sự hiểu biết thật sự cho con người, một

cuộc sống chơn thật, khiến cho con người không còn lầm lạc để thoát ra khỏi cảnh khổ đau, bất an, bất toại nguyện v.v...

Pháp môn của Phật Ngài tu tập, thiết thực, cụ thể, rất khoa học, không mơ hồ, trừu tượng, viển vông, thực tập để thoát khổ của kiếp làm người.

Muốn thoát kiếp khổ làm người, thì phải thực hiện một đời sống Phạm hạnh của một tu sĩ Phật giáo (giới luật) và tập tỉnh thức trong từng niệm của cuộc sống, không làm khổ mình, khổ người, bằng ý thức cụ thể, rõ ràng, đối với các pháp, luôn luôn lúc nào cũng cảnh giác không để tưởng thức xen vào. Vì có tưởng thức xen vào, thì mất ý thức tỉnh giác, đối với các pháp, lúc nào, tà niệm cũng hiện tiền, có tà niệm thì có ác pháp sanh khởi, ác pháp sanh khởi thì con người phải chịu khổ đau. Khi con người có khổ đau, có tai nạn, có bệnh tật v.v... Thì thế giới siêu hình tưởng phải đến với họ.

Khi đức Phật còn tại thế, người ta đặt trọn niềm tin ở Phật, nhờ thế mà có một số người sống đúng Phạm hạnh như Phật nên mới tu chứng đạt chân lý thật sự, vì sống theo gương hạnh của Phật, cho nên thoát ra khỏi kiếp khổ của con người, làm chủ sự sống chết, luân hồi.

Đến khi đức Phật và các bậc Thánh Tăng nhập diệt, không còn ai làm gương hạnh, nên Phạm hạnh không còn với những bậc phàm Tăng. Giới luật bị bẻ vụn, không còn ai giữ gìn nghiêm túc, sống phóng dật theo dục lạc thế gian, ăn ngủ phi thời, không thiếu dục tri túc và không phòng hộ sáu căn. Từ đó các Ngài dựa vào pháp môn của ngoại đạo triển khai thành kinh sách Đại Thừa phát triển, thường lý luận để bảo vệ sự phạm giới, phá giới của mình, hòng che mắt tín đồ. Biến dần giáo pháp của đạo Phật thành một giáo pháp mê tín, Phật giáo biến thành thần giáo, đức Phật biến thành ông thần chuyên làm việc gia hộ ban phước. Pháp môn của Phật dùng để traу dòi thân tâm, sửa những lỗi lầm, xa lià ác pháp,

viễn ly tâm ham muốn và tu tập nhập các loại định làm chủ sanh, già, bệnh, chết. Thế mà bây giờ lại biến thành giáo pháp tụng niệm, cúng tế, trừ tà, ếm quỷ, trị bệnh, cầu an, cầu siêu, v.v... Dựng lên 33 cõi trời, và vô số cõi Phật, có một cõi Cực Lạc Tây Phương rất lý tưởng của loài người, một bản thể siêu việt vĩ đại (Phật tánh) thường, lạc, ngã, tịnh (an lạc và bất biến mãi mãi trường tồn). Kể ra tất cả các tôn giáo trên thế gian này, không có một tôn giáo hữu thần nào hơn được Phật giáo Đại Thừa.

Theo tưởng giải, dựa vào giáo pháp của ngoại đạo, kinh sách phát triển Đại Thừa đã chìm mất giáo pháp chơn chính của đạo Phật, đến giờ này, ngay chính vào thời đại của chúng ta, là thời đại khoa học hiện đại, thế mà, những con người có học thức, có trình độ trên đại học, vẫn còn tin có thể giới siêu hình và cũng còn mê tín như những người dân lạc hậu xưa kia, thì làm sao những người dân lao động, thiếu học không tin được.

Các nhà học giả Đại Thừa giáo rất khéo léo, đem tất cả giáo lý của ngoại đạo pha trộn lại, biến thành giáo lý Phật giáo Đại Thừa, trong đó có vay mượn giáo pháp Nguyên Thủy, nhờ đó dễ bề lừa đảo tín đồ Phật giáo, trong mọi giai cấp con người.

Ở đây, giới bình dân ít học, kiến thức hiểu biết còn hạn hẹp, trước cảnh tai ương, hoạn họa, bệnh tật nan y; trước cảnh thiên tai, dịch họa; trước cảnh bão lụt, địa chấn, hỏa sơn, khiến cho con người khiếp đảm, sợ hãi, trong sự khiếp đảm sợ hãi đó con người tưởng ra những vị thần linh có đầy đủ oai lực, có sự ban phước và cũng có sự giáng họa, theo hành động thiện ác của mỗi người.

Lợi dụng tưởng trí mê tín này, các tôn giáo xây dựng thể giới siêu hình, biến thành cõi Thiên Đàng và Địa Ngục, có chư Phật, Thánh, Tiên, Thần, Ngọc Hoàng Thượng Đế, Diêm la,

Thủy phủ, tà, ma, quỷ quái, v.v.. Xây dựng thế giới siêu hình xong các vị giáo chủ sản xuất những loại kinh, cúng tế, tụng niệm, cầu an, cầu siêu, làm lành, bố thí, phóng sanh và còn kêu gọi cúng dường trai Tăng, xây chùa, cất tháp, lập miếu, dựng đình, v.v...

Giới trí thức có hiểu biết hơn, thì không tin sự mê tín vụ vơ đó, lại tin vào sự mê tín trừu tượng như: Bản Thể Vạn Hữu, Tâm, Tánh, Phật Tánh v.v.. Do đó họ chạy theo những pháp môn thiên định, tu tập để mong “*Kiến tánh thành Phật*”. Thật là buồn cười cho mọi người. Khi thấy tánh thành Phật thì làm lợi ích gì cho mình, cho người, hay chỉ dùng ba tactic lừa đảo người khác. Thấy tánh thành Phật có hết tâm tham, sân, si không? Có làm lợi ích gì cho kiếp sống của con người không? Hiện giờ biết bao nhiêu người đã kiến tánh thành Phật mà đã hết tâm tham, sân, si chưa? Đã thành Phật chưa? Phật như thế nào? Hay là những danh từ “*đại giác*” suông? “*chứng đạo*” suông? “*Giác ngộ*” suông? Kiến tánh thành Phật sao còn tham tiền, tham bạc, ăn ngũ phi thời, giới hạnh, giới đức chẳng có, sống phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới v.v... Trong khi đạo Phật, không chấp nhận thế giới siêu hình; không chấp nhận tụng kinh, cúng bái, cầu nguyện, tế lễ, thì cúng bái tụng kinh, cầu khẩn và tế lễ với ai cho ai đây? Đạo Phật là Đạo vô ngã. Vậy, ngôi thiên nhập định để kiến tánh thành Phật là Phật gì? Vô ngã sao lại còn có Phật?

Đạo Phật là một tôn giáo ra đời, để giải quyết bốn điều khổ của kiếp người “*sanh, già, bệnh, chết*”. Giáo pháp của Người xây dựng trên một nền tảng “*Đạo đức nhân bản – nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người*”.

Pháp môn của Phật dạy tu tập tỉnh thức là để ngăn chặn lòng tham muốn và ngăn chặn các ác pháp, nhờ đó mới mang lại sự an vui, thanh thản và hạnh phúc cho mình, cho người. Một giáo pháp rất thực tế và cụ thể cho mọi người, nếu mọi

người ai cũng ý thức và hiểu biết về pháp môn này, nỗ lực thực hiện sống đúng lời dạy của đức Phật, thì xã hội loài người sẽ trở thành Thiên Đàng, Cực Lạc, còn có cần gì đi tìm cõi Thiên Đàng, Cực Lạc mơ hồ, trừu tượng kia, mà chẳng bao giờ có.

Vừa rồi, chúng tôi được đọc một cuốn sách tựa đề “*Sự sống sau khi chết*”. Đọc xong cuốn sách này, nếu người nào không có tu tập theo giáo lý Nguyên Thủy của đạo Phật và không có chứng nghiệm pháp hướng tâm, thì chắc chắn phải tin rằng có thể giới siêu hình. Toàn bộ cuốn sách tác giả đã lượm lặt những mẩu chuyện “*cận tử nghiệp*”. Tác giả này chưa bao giờ tìm hiểu Phật giáo và nếu bây giờ có tìm hiểu và nghiên cứu Phật giáo thì ông ta cũng vẫn hiểu lầm lạc, vì một đám mây mù giáo pháp của Đại Thừa đã che phủ và lấp kín, lời dạy của đức Phật.

Những mẩu chuyện cận tử nghiệp của bao nhiêu người lâm sàng trên giường bệnh trong bệnh viện, tác giả đều cho đó là một trạng thái của cuộc sống sau khi chết. Họ đâu biết rằng trong thân tứ đại này, khi con người còn sống có cả hai thể giới hữu hình và vô hình, nhưng khi thân tứ đại này chết, thì cả hai thể giới ấy đều diệt sạch. Khi thân này còn sống, cái gì hoạt động trong thể giới hữu hình? Và cái gì hoạt động trong thể giới vô hình?

Khi còn sống, con người hoạt động trong thể giới hữu hình bằng “*sắc thức*”. Sắc thức gồm có sáu thức: Nhân thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức; còn hoạt động trong thể giới vô hình thì chỉ bằng một “*tưởng thức*”.

Bình thường hằng ngày chúng ta sống làm mọi việc, thì ý thức điều khiển hoạt động do ý căn (bộ óc và thần kinh). Khi ý thức ngưng hoạt động giống như người đang ngủ, thì tưởng thức hoạt động, sinh ra giấc mộng (chiêm bao), cũng do ý căn (bộ óc và hệ thần kinh) điều khiển.

Cho nên một người bị bệnh tim, gan, phèo, phổi, v.v... một trong những bộ phận đó bị ngưng hoạt động, được xem như chết, nhưng thật chưa chết hẳn, ý thức ngưng hoạt động, hơi thở dừng, tim không đập, nhưng hệ thần kinh trung còn hoạt động, tức là tưởng thức hoạt động (chiêm bao). Giác chiêm bao đó gọi là “*cận tử nghiệp*”. Hằng ngày trong cuộc sống họ ưa thích làm những điều ác, thiện, đi chùa, nhà thờ, cúng, bái, tụng, niệm, ngồi thiền, ước vọng được sanh lên Thiên Đàng gặp Chúa, được vãng sanh về Cực Lạc Tây Phương, gặp Đức Phật Di Đà, được thấy hào quang ánh sáng của chư Thiên, chư Phật, chư Bồ Tát, v.v... Đó là những người được theo các tôn giáo và được những giáo pháp của các tôn giáo đã ghi những ấn tượng vào đầu óc của họ bằng những hình ảnh Chúa, Phật, ánh sáng, hào quang, hoa sen, thì cận tử nghiệp sẽ thể hiện giác mộng y như hình ảnh đó.

Lợi dụng cận tử nghiệp, Tịnh Độ Tông sử dụng hộ niệm để giúp người sắp chết, thực hiện giác mộng trực vãng Tây Phương. Tịnh Độ Tông nghĩ rằng: Nghiệp cuối cùng (cận tử nghiệp) có thể, thể hiện được những ước ao và ý nguyện lúc còn sống. Đó là về phần của những người có tôn giáo.

Còn những người không tôn giáo, thì cận tử nghiệp thực hiện giác mộng theo tâm ham muốn danh, lợi, thương, yêu, mến, tiếc, giận hờn, tức tối, thù hận, căm ghét, la hét, sợ hãi, v.v... Đó là những điều làm ác, ngược lại làm thiện thì cũng thấy cảnh vui tươi, hoan hỷ, sung sướng v.v...

Vì huân tập thành thói quen (nghiệp lực), lúc sắp chết, tưởng thức hoạt động tựa tựa như giác chiêm bao. Giác chiêm bao chỉ có sáu thức ngưng hoạt động, còn toàn bộ cơ thể đều hoạt động bình thường.

Người sắp chết, cũng ở trong trường hợp này sáu thức ngưng hoạt động nhưng lại khác là do một tạng phủ nào bị hư hoại

không hoạt động được, chứ không giống như người ngủ chiêm bao.

Đó là trường hợp người sắp chết tưởng thức hoạt động, nên thấy mình xuất hồn ra khỏi thân và thấy thân đang nằm trên giường bệnh, các y, bác sĩ đang làm hô hấp cứu chữa. Nhưng cũng có người lúc lâm sàng trên giường bệnh chết, bấy giờ duyên nãy vẫn chưa phân ly, nên tưởng thức hoạt động, bình nhân như nằm mộng, thấy hào quang ánh sáng, chư Thiên Thần, chư Tiên, chư Phật, chư Bồ Tát, Ngọc Hoàng, Thượng đế, quỷ sứ, ngưu đầu, mã diện, vua Diêm La, v.v... Nhờ hô hấp, cứu chữa của y, bác sĩ, bệnh nhân tỉnh lại, giống như một giấc mộng và kể lại cho những người thân nghe: “*Chắc chắn có sự sống sau khi chết, có địa ngục hẳn hoi*”. Qua những hình ảnh đó, con người không ngờ, đó là một hình bóng, do tâm ước muốn mà tưởng thức thể hiện qua giấc mộng cận tử nghiệp.

Nếu thật sự năm duyên ngũ uẩn phân ly, tan rã thì chẳng còn gì là của ta nữa hết, linh hồn, thân thức, Phật tánh cũng tiêu tan hết, chỉ còn lưu lại nghiệp thiện, nghiệp ác mà thôi và tiếp tục theo nghiệp thiện, nghiệp ác đó, tương ưng vô minh theo hành động nhân quả của kẻ khác tái sanh luân hồi (Vô minh sanh hành, hành sanh thức).

Từ vô minh, chúng ta tạo nghiệp thiện nghiệp ác, trong cuộc sống hằng ngày, đến khi chết rồi, chỉ còn lại nghiệp thiện, nghiệp ác, rồi cũng theo vô minh, tiếp tục tái sanh luân hồi kiếp khác, cứ mãi như vậy, trôi lăn trong dòng nước nghiệp muôn kiếp muôn đời.

Do thế, đức Phật dạy: “*con người từ nhân quả sanh ra, sống trong nhân quả và chết trở về nhân quả*”, chúng ta biết rất rõ, chẳng có thể giới siêu hình, chẳng có đấng tạo hóa nào cả, chẳng ai sanh chúng ta ra cả và cũng chẳng có ai ban phước, giáng họa cho ta được, mà chính chúng ta biết dừng dòng

nước nghiệp, thì tất cả tai nạn, bệnh tật, đau khổ và sự tái sinh luân hồi đều chấm dứt.

Trí hữu hạn của con người không thấu suốt và không thấy rõ thế giới nhân quả, nên lầm chấp có thế giới này, có thế giới kia, rồi sanh ra dính mắc, cái này thường hằng, cái kia vô thường, từ đó tranh luận theo tướng giải, kiến chấp, ngã chấp của mình, sản xuất ra biết bao nhiêu cái sai lầm, sai lạc, tự cho cái này đúng, cái kia sai, rồi chia phe nhóm ra bài bác, chỉ trích lẫn nhau, loanh quanh, lẫn lộn suy tới, nghĩ lui cũng chỉ ở trong vòng tướng thức mà thôi, không thể nào vượt ra khỏi sự hiểu biết hữu hạn của ý thức con người.

Đời sống của con người, sự hiểu biết lúc bình thường là ý thức, đến khi, gặp thiên tai, hỏa họa, sấm sét, chớp giông, lũ lụt, bão tố, tai ách, bệnh tật nan y v.v... Trước những cảnh quá khiếp đảm sợ hãi đó, ý thức không thể nào hiểu nổi được, nên tướng thức bắt đầu hoạt động, thì thế giới siêu hình hiện ra, có những vị Thần trong tâm tưởng của họ như: Thần Mưa, Thần Sấm, Thần Sét, Thần Núi, Thần Sông, Thần Cây, Thủy Thần, Hỏa Thần, Thổ Thần, v.v... Tất cả những vị Thần này có thể ban phước, giáng họa cho loài người.

Với lòng thành kính tin tưởng và lúc nào cũng tựa nương vào những đấng thần linh này, nên có việc lớn, việc nhỏ gì cũng đều van vái, cầu khẩn, cúng bái các vị thần linh, lòng tin tưởng đó bắt đầu có hiệu nghiệm, thấy có sự linh nghiệm rõ ràng. Cho nên người ta nói rằng: Gò mồi mà cứ đến thấp hương cúng bái, thì gò mồi cũng linh hiển. Cái linh hiển đó từ nơi đâu mà có? Chưa có ai hiểu được, ngoại trừ những bậc chơn tu, thạc đức, tu hành đúng theo đường lối của đạo Phật đạt đến Tứ Thiên, Tam Minh mới biết rõ từ nơi tướng ấm của con người nhờ sức “*ám thị*” tạo ra, hay nói một cách khác, sự linh hiển đó, do lòng tin tưởng của chúng ta, tự động

đã ám thị trong tâm chứ không phải có các thần linh trong thế giới siêu hình linh hiển thật sự.

Từ sự linh hiển đó, khiến cho người ta tin rằng, có thế giới siêu hình thật sự, có ma, có quỷ, có linh hồn người chết. Tin tưởng vào những hình bóng như vậy, gọi là mê tín, tin mà quên mình dám hy sinh cho những thần linh đó, gọi là cuồng tín. Đó là những giai đoạn đa thần, do từ lòng quá sợ hãi của con người sản xuất ra bằng tưởng thức, để an ủi tinh thần lúc quá khiếp đảm sợ hãi.

Tôn giáo ra đời cũng dựa vào lòng mê tín đó, không bỏ bớt các vị thần kia nhưng lại xây dựng một thế giới siêu hình nhất thần, do các đấng giáo chủ có đủ quyền năng điều khiển và sai khiến được các vị thần của dân gian đặt ra, họ có quyền năng tối cao hơn các vị thần khác, nên con người tin theo và xin gia nhập vào tôn giáo đó để được các vị thần trên hết ban phúc cho mình.

Các nhà làm tôn giáo, chỉ cần thực hiện một vài thần thông tưởng nho nhỏ, do sự tu tập thiền định tưởng, hoặc dùng tưởng lực bùa chú, tạo ra những thần lực mà con người bình thường không thể làm được, thì mọi người sẽ theo tôn giáo mình rất nhiều. Ví như biến hóa, tàng hình, đi trên nước, đi trên lửa, đi trên hư không như chim bay, biết chuyện quá khứ vị lai của người khác, trị bệnh, trừ tà, ếm quỷ, v.v... Làm những việc như vậy sẽ có nhiều người theo tôn giáo mình rất đông.

Có một số tôn giáo lợi dụng sự trị bệnh và cứu trợ tiền bạc, thực phẩm, gạo, sữa, đường, thuốc thang, v.v... để lôi cuốn mọi người vào tôn giáo mình, đó là mảnh khỏe của các nhà làm tôn giáo. Cho nên Đại Thừa giáo có Tứ Nhiếp Pháp để nhiếp phục người khác vào tôn giáo mình.

Do dùng tướng tập luyện, nên tâm danh, lợi, sắc dục vẫn còn, vì thế, khi có chút ít thần thông, thì lập thành một giáo phái, rồi hướng dẫn người theo giáo phái mình tu tập. Nếu vị giáo chủ không sa ngã danh, lợi và sắc đẹp, có giới luật, có kỷ cương hẳn hoi, có pháp hành và tu tập có kết quả, thì giáo phái đó được duy trì lâu dài, còn ngược lại không có kỷ luật, vị giáo chủ đắm say danh lợi và sắc dục thì thần thông tướng biến mất, vị giáo chủ kia đi ở tù vì tội lừa đảo.

Trong đương thời, phát triển đạo giáo, thì vị giáo chủ bày ra đủ thứ mê tín, khiến con người hao tốn tiền bạc rất nhiều, nhưng cũng có điều dạy rất tốt, dạy người làm lành, biết thương yêu nhau, bố thí giúp nhau trong cảnh hoạn nạn, tương thân tương trợ đoàn kết với nhau. Nhưng rất độc tài và bảo thủ tôn giáo mình nên sách động tín đồ làm việc cực ác. Phần nhiều có chiến tranh trên hành tinh này đều do tôn giáo gây ra, máu xương con người chảy như núi.

Bởi vậy, tôn giáo ra đời có lợi mà cũng có hại, lợi là dạy người làm thiện, tu thiện, biết thương yêu nhau, đùm bọc lẫn nhau; hại là tôn giáo này tranh giành tín đồ với tôn giáo khác, vì hệ tư tưởng khác nhau. Nhưng xét cho cùng, tất cả các tôn giáo khác trên thế gian này đều lấy tướng thức tu tập, thậm chí như: Võ công, Khí công, Kinh công, Nội công, Yoga, Dưỡng sinh đều tập luyện bằng tướng lực, chỉ trừ ra có Phật Giáo Nguyên Thủy không dùng tướng.

Phật Giáo Nguyên Thủy lấy ý thức chủ động điều khiển, lấy đạo đức nhân quả làm nền tảng vào đời, nên không làm khổ mình, khổ người, luôn sống với trí tuệ nhân quả, chuyển hóa được quả xấu thành quả tốt, luôn tạo nhân lành bằng hành động thân, miệng, ý, tránh tạo nhân ác, khiến đời sống mình và mọi người đều được tràn đầy hạnh phúc, an vui, chan hòa với nhau.

Những giáo lý và pháp môn đạo đức cao quý này, đã bị những giáo lý tưởng giải, kiến giải của các nhà học giả Đại Thừa triển khai ra và đã tìm mọi cách đim mất giáo lý của đạo Phật, nên hiện giờ con người trên hành tinh này đã đánh mất đi một nền đạo đức nhân bản – nhân quả tuyệt vời không làm khổ mình, khổ người.

Nếu các tôn giáo cho rằng: Có đời sống sau khi chết, và lấy những mẫu chuyện cận tử nghiệp của nhà sư tầm Raymono A-Moody cho là thật, thì chúng tôi xin nêu một ví dụ.

Ví dụ, có một bệnh nhân cần phải mổ, trước khi mổ phải gây mê cơ thể cho người này. Khi bị gây mê, người này không còn biết gì hết, giống như người ngủ say, thì lúc bấy giờ linh hồn người này đâu bị gây mê, sao họ lại mất tiêu, không xuất linh hồn ra ngoài thân, để xem lại thân họ đang bị mổ, như các trường hợp trong sách này thuật lại. Trường hợp thứ hai, trong các nhà Thiên bảo rằng: *“Thể tánh con người hằng biết, hằng nghe, hằng thấy. Vậy, sao lúc gây mê chẳng còn nghe thấy biết gì cả?”*

Phật dạy: *“Cận tử nghiệp”*, người sắp chết thường thể hiện cận tử nghiệp như giấc mộng, thấy cảnh giới này, cảnh giới khác, có người thì mê man bất tỉnh chẳng biết gì cả, đó là tùy theo nghiệp (thói quen do lòng ham muốn), tiếp tục tái sanh, luân hồi theo nghiệp lực dục tương ứng với đối tượng nghiệp lực dục đó, ngay liền sau khi thân này, không còn phục hồi lại được nữa. Do đó sự sống sau khi chết không có, chỉ có một cuộc sống hiện hữu đang tiếp diễn trong luật vô thường nhân quả, từ thân này đến thân khác liên tục mãi, tiếp nối nhau mãi không bao giờ có kẽ hở, như ngọn đuốc này tắt, tiếp nối ngọn đuốc khác.

Đó là một đạo luật nhân quả bất di bất dịch, muôn đời muôn kiếp của loài người không có ai thay đổi được, bởi vì con

người từ nhân quả sanh ra, sống trong nhân quả và chết trở về nhân quả.



MỤC ĐÍCH CON MUỐN XUẤT GIA VỚI THẦY

(Phụ Lục: Tín tâm của một Phật Tử xin Thầy cho Xuất Gia)

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính bạch Thầy! Dẫu biết rằng: “Thuốc đắng dã tật. Sự thật mất lòng” nhưng con vẫn quý chuộng sự thật. Ghét những gì hoa mị, giả dối, hình thức.

Dòng họ bên nội con tuy đạo Cao Đài, nhưng riêng con lại thích tìm hiểu. Nghiên cứu kinh sách về đạo Phật. Con theo tu học của Đại Thừa 10 năm nhưng theo Thầy chỉ 5 năm thôi.

Con cũng biết đường lối, quan điểm của Thầy không đồng nhất với Đại Thừa. Vốn tính hiếu kỳ con đứng giữa cả hai để xem lời nhận xét của Đại Thừa nói về Thầy là đúng hay sai?

“Thầy Thông Lạc tu theo pháp môn Nguyên Thủy hành xác cực độ Thầy chủ trương thọ dụng thực phẩm không thấy, không nghe, không nghĩ chẳng khác gì Nam Tông. Thầy viết kinh sách cố ý dâm thặng Đại Thừa gây chia rẽ tôn giáo với mưu đồ định làm “bá chủ”.

Đây vừa là lời lên án vừa là lời kết tội Thầy. Họ dựa trên cơ sở Thầy quá khắt khe việc giữ giới ăn ngày một bữa và lời chỉ trích thẳng thắn của Thầy trong kinh sách khi đề cập đến Đại Thừa.

Tuy nhiên họ đã quên rằng ăn ngày một bữa là giới luật Phật đưa ra, chứ không phải Thầy đưa ra. Nếu nói pháp môn Thầy tu quá khổ hạnh hành xác thì tại sao vẫn có nhiều người tu theo Thầy trong số, có cả cụ già và tầng lớp giới trẻ như chúng con?? Nếu ai đã một lần đến tu viện Chơn Như hãy quan sát tất cả tu sinh xem có phải ai cũng gầy còm, ốm yếu, lực kiệt trí mòn không? Hay tu sinh đang sống trong cảnh giới Phật. Trong trạng thái tâm thanh thản, an lạc vô sự?

Còn việc thọ dụng thực phẩm không thấy. Không nghe, không nghi có nghĩa là được phép ăn mặn như Nam Tông. Có ai thấy Thầy Thông Lạc thọ dụng thực phẩm động vật bao giờ chưa???

Có vào tu viện Tu học với Thầy thời gian ngắn con hoàn toàn phủ nhận lời lên án của Đại Thừa còn lời kết tội. *“Thầy viết kinh sách cố ý đâm thẳng Đại Thừa gậy chia rẽ tôn giáo với mưu đồ định làm bá chủ”*. Nói như thế chẳng khác nào Thầy Thông Lạc dùng bút như dùng cung bắn từng tên Đại Thừa, tâm danh lợi cao ngút ngàn với *“mưu đồ định làm bá chủ”*,

Nghe điều này con cũng suy tư: Nếu như Đại Thừa thực sự tốt thì sợ gì người ta nói xấu? Thầy vạch lỗi, chỉ trích Đại Thừa ở những lỗi nào, điều nào mà so ra thực tế có đúng như vậy không? Hay là Thầy Thông Lạc cố ý bịa chuyện, cố tình gậy chia rẽ tôn giáo?

Có người bảo rằng: Tu tập phải có đạo lực để làm chủ sanh tử và chấm dứt luân hồi. Phải nhập được Bốn Thiên, phải có cõi Cực Lạc, phải có Phật tánh, phải biết ngày giờ chết, sống chết ra đi tự tại vv... Nghĩ như vậy các bạn đã đi lạc đề, đối với Phật giáo các bạn không thể nghĩ như vậy.

Nghĩ như vậy vô tình các bạn biến Phật giáo thành một tôn giáo thần thông; nghĩ như vậy vô tình các bạn biến Phật giáo thành một tôn giáo để làm gạch nối giữa con người và thế

giới siêu hình...thành một bản thể thường hằng vĩ đại của vạn hữu; nghĩ như vậy nên vô tình các bạn lý luận đưa ra những triết lý cao siêu tuyệt đỉnh của trí tuệ bát nhã (Tánh không) ... biến Phật giáo thành một triết học vi diệu cao siêu để tranh luận hơn thua với các hệ phái khác, tôn giáo khác và cũng chính để lý luận đánh lừa mọi người...

“Kính thưa các bạn! Phật giáo không phải là tôn giáo; không phải một đế quốc, lợi dụng thần quyền cai trị thế giới. Phật giáo chỉ là một nền đạo đức nhân bản - nhân quả của loài người. Đức Phật chỉ nhắc lại những gì của con người đã có sẵn, chứ không sáng tạo ra cái gì mới cả mà cũng không bịa đặt ra và thêu dệt những chuyện ảo tưởng, hư cấu, và cũng không sử dụng quyền năng siêu việt của bản thân mình để lừa đảo mọi người khuyến dụ họ theo tôn giáo mình. Cho nên những điều của Phật dạy qua ngôn ngữ thay vì hiểu nghĩa rất tầm thường, giản dị và bình dân thì các nhà học giả Đại Thừa lại hiểu một cách cao siêu, ảo tưởng, hư cấu thành sai nghĩa”.
(Trích lời nói đầu trong Văn Hóa Phật Giáo tập IV trang 10).

Con đồng ý với quan điểm của Thầy vì bất cứ tôn giáo nào, hệ phái nào cũng đều khuyên con người ngăn ác, hành thiện, cũng đều công nhận Tứ Diệu Đế của đạo Phật là chân lý.

- Người nói thế giới Thiên Đàng, Cực Lạc, Niết Bàn mà lại chưa đặt chân đến cõi đó lần nào thử hỏi làm sao con tin?

- Người lúc sống tạo nhiều điều ác đến khi chết con cháu bỏ tiền thỉnh Tăng, Ni cầu siêu thoát, vãng sanh về cõi giới lành thì còn gì là luật nhân quả?

Con không phải người nhẹ dạ, cả tin khi nghe điều gì ngoài sự hiểu biết của mình, vượt qua khỏi ý thức sang vô thức.

Chính vì thế khi nghe người ta kết tội Thầy con không chỉ tìm đọc hết kinh sách của Thầy mà còn tìm cách gạn gỏi. Về

tu viện Chơn Như Thọ Bát Quan Trai với mục đích là dò xét, tìm hiểu.

NHỮNG GÌ CON ĐÃ THẤY

1) Đó là những trang tiểu sử kể về cuộc đời tu hành quá vất vả gian truân của Thầy trên Internet mạng toàn cầu : www.nguyenthuychonnhu.net

2) Đó là lời thỉnh cầu Thầy khoan vội nhập Niết Bàn của H T Thanh Từ lời ca ngợi sư huynh Thông Lạc “*Đại tinh tấn*” của Thầy Chân Quang trong quyển Người Chiến Thắng tập 1.

3) Đó là cái cốc đơn sơ Thầy ở, 3 y vải thô Thầy mặc, đôi dép lười giản dị Thầy mang, một lối sống thanh bần đúng nghĩa “*Khất sĩ*” của Thầy là một Thầy viện chủ đa đoan công việc, thế mà sáng nào cũng cầm cây chổi ra quét sân. Có mấy ai quan hệ, cư xử với chúng thương yêu và bình đẳng như Thầy vậy không?

NHỮNG GÌ CON ĐÃ NGHE

1) Lời khai thị giảng dạy Phật pháp của Thầy ôn hòa, từ tốn, lời góp ý khuyên nhủ tế nhị của Thầy những lần con sai phạm phá hạnh độc cư.

2) Nhưng tiếng reo vui của bao người khi được gặp Thầy, gặp chánh pháp chan hòa với dòng lệ ngắn dài trên đôi má.

3) Sự khẳng định cương quyết chấp hành đúng giới luật, không xem thường những lỗi nhỏ nhặt của Thầy mà đức Phật đã từng dạy: “*Giới luật còn là đạo Phật còn, giới luật mất là đạo Phật mất*”.

NHỮNG GÌ CON ĐÃ BIẾT

1) Nếu Thầy là người thực sự tham danh thì Thầy đã phoi bày những thần lực siêu phàm của A La Hán để thu hút Phật tử về phía mình có chi phải đuổi hết những đệ tử đòi theo Thầy học thần thông sang Tây Tạng mà học. Có chi Thầy

chịu nhọc nhằn, ghi từng lời dạy đạo đức làm người; có chi Thầy giữ bất động tâm trước những lời lên án và kết tội vô căn cứ của Đại Thừa.

2) Pháp môn tu của Thầy đưa đến giải thoát làm chủ sanh, già, bệnh, chết – bốn nỗi khổ của kiếp người.

3) Để Phật tử vững chắc niềm tin nơi Thầy, nên con xin Thầy kể rõ tiểu sử để con viết bài “*Những sự thật về Thầy Thông Lạc*”. Thầy từ chối lời thỉnh cầu của con cũng như của M.H xin Thầy được viết tiếp người Chiến Thắng tập 2, Thầy bảo: “*Các con làm thế thì đời sẽ hiểu lầm Thầy là người tu mà còn tham danh lợi. Nếu con muốn ghi tiểu sử của Thầy thì hãy đợi sau này Thầy tịch rồi viết*”.

Lời thỉnh cầu thiết tha của con tuy bị Thầy từ chối nhưng con rất vui vì biết được Thầy mình không phải là người có tâm danh lợi ngút ngàn như Đại Thừa bàn tán.

Sau thời gian dài tầm đạo con đã cảm thấy chán nản và mỗi mệt. Nay con quyết định dừng chân tại tu viện Chơn Như. Con muốn được xuất gia làm đệ tử của Thầy. Kính xin Thầy xót thương mà thu nhận con.

Mục đích con muốn xuất gia với Thầy không cầu học thần thông làm A La Hán mà con chỉ cầu học nền đạo đức nhân bản -nhân quả không làm khổ mình, khổ người.

Kính bạch Thầy.

Ngày 23-8-2005, con cùng đoàn từ thiện TP. HCM đến cứu trợ đồng bào miền Trung bị hạn hán. Con nhìn cảnh sống của người dân Hơrê, Bana ở đây chẳng khác nào tại địa ngục thế gian: Trời nắng gắt thật oi bức, khó chịu thiếu nước, thiếu lương thực trầm trọng, cỏ cây khó vươn mình giữ mầm xanh sự sống... con không thể cầm lòng trước cảnh đói khổ

của họ. Nếu có thể con xin được đưa vai gánh thay họ những nỗi khổ đau đó.

Đôi với con niềm vui của chúng sanh chính là niềm vui của con, nỗi khổ của chúng sanh chính là nỗi khổ của con. Những thực phẩm của cả đoàn đem tặng cho họ bất quá chỉ cứu khổ họ trong một tháng chẳng bằng khuyên họ sống thiện, làm thiện đặng chuyên nghiệp nhân quả – cứu khổ họ đời đời. Nhưng hai con người, hai thế giới, hai tiếng nói khác nhau con biết giúp họ làm sao đây!?

Xe lăn bánh trở về thành phố mà lòng con nhói đau, nước mắt con tuôn trào vì từ nhỏ tới lớn con chưa từng nhìn thấy cảnh người ta sống khổ sở như thế này Thầy ạ !

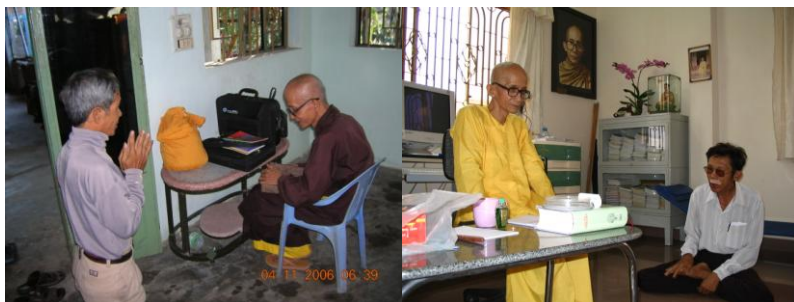
Mục đích con muốn xuất gia theo Thầy trước cứu độ mình, sau cứu độ người thực hành theo hạnh nguyện tự lợi lợi tha. Con thiết nghĩ: Nếu đời này con không quyết tâm tu tự giải thoát cho mình thì làm sao con thấu suốt lộ trình giải thoát để dẫn dắt cho người ?

- Con muốn sống một cuộc đời đạo đức đạo đức thực sự.
- Con muốn đem đến niềm an vui hạnh phúc cho muôn loài.
- Con muốn nhân loại đối xử với nhau bằng tình người đừng tranh đấu sát hại lẫn nhau, đừng làm khổ nhau.
- Con sẽ phá tan cõi Địa Ngục tại Ta Bà.
- Con dám đánh đổi cả mạng sống của mình để đạt thành tâm nguyện đó. Nhưng đứng giữa muôn ngàn cái khó Thầy có thể từ bi trợ duyên giúp con không?
- Con đề cao đạo đức. Ca ngợi đạo đức và chỉ muốn mình là một con người sống có đạo đức.

Kính xin Thầy xót thương mà hóa độ cho con.

TP Hồ Chí Minh ngày 27/8/ 2005.

Kính bút: N.C



(HẾT TẬP BÓN – XIN QUÍ VỊ ĐỌC TIẾP TẬP NĂM)